

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

Tạp chí văn nghệ • Lá Bối xuất bản

Coi sóc : HOÀI KHANH

Thơ

THÀNH TÔN	2	Vào lòng đất
THI VŨ	3 - 4	We two form a multitude
KIM TUẤN	5	Những điều ghi được trong giấc ngủ
ĐÌNH GIANG	6	Chiến tranh nổi bi thảm của quê hương
HOÀI KHANH	7	Tinh thần hồng
ANH HOA	71	Mưa cao nguyên

Truyện ngắn

SƠN NAM	8 - 14	Một bức chân dung
TUẤN HUY	35 - 42	Cúi đầu
HERMANN HESSE	52 - 59	Thi sĩ
CHÍN	72 - 76	Anh Tư Lo
NGUYỄN ĐỨC SƠN	77 - 82	Xin dừng lại nơi đây
NGUYỄN THỤY LONG	83 - 88	Tù con so

Nhạc

PHẠM DUY	50 - 51	Hòa bình
----------	---------	----------

Tạp bút

HỒ HỮU TƯỜNG	15 - 20	Từ Quảng Ninh ngang Tagore, đến...
NHẤT HẠNH	21 - 26	Bến Tre
BÙI GIÁNG	60 - 70	Rằng từ ngẫu-nhĩ (II)

Tiểu luận

TAM ÍCH	27 - 34	Trong văn-nghệ có vấn đề « Giải quyết » và vấn đề « Hướng lên »
PHẠM CÔNG THIÊN	43 - 49	Ánh sáng Phật giáo Thiền Tông chiếu rọi vào ba câu-thơ của Hoelderlin

Truyện dài

NHẤT HẠNH	89 - 101	Nẻo về của ý
-----------	----------	--------------

Số 2 tháng tám năm 1965

vào lòng đất

có không nhục thề linh hồn
dưới kia đất lạnh tiếp nguồn thật xương
tay xuôi lòng đó bình thường
nhân sinh cõi trú đôi đường chia xa
có không danh lợi chánh tà
tiếng tai người giữ mảnh da kẻ thờ
đuối thân phù phiếm tay chờ
tình kia ấm lạnh mấy bờ hồng hoang
có không son sắt đá vàng
bàn chân nghiệp chướng nẻo đường thu sương
về đây nằm đất hoang đường
nằm nghe hơi thở côn trùng phân thây
có không dương thế đêm ngày
vêu thương thù hận mộng dày khen chê
dưới kia cõi trú lui về
sạch tay giũ áo lòng nghe nhẹ nhàng
có không âm phủ địa đàng
áo quang đỉnh đóng những vàng canh trâu
xác thây quỷ khốc thần sầu
vào trong đất lạnh ngàn đầu phân thân
là xong khép mắt dương trần
gỗ khô huyết ảm nhẹ phần từ đây

THÀNH TÔN

We two form a multitude

*những mái nhà quê hương bỗng nhiên biến thành đôi mắt
khóc đầm đề nước mắt lửa không nguôi
bao kẻ thân yêu bao người làng xóm
sống không nhà
và chết không nơi chôn
những kẻ thân yêu bay cùng trời chộn rộn
đi tìm mảnh đất an lành
giữa vũ trụ không cùng của trái tim tôi
hãy bay đi bay đi giữa lòng tim không biến đổi
nhà chưa cất nhưng rừng xanh vời vợi
những con đường lẫn chuỗi đá cầu An
ở đây, nỗi buồn và cô độc
sẽ được nghe, được hiểu
hãy nằm yên, ta đắp cho em chiếu chăn thơm phức
hoa hồng và hồ phách ấm hơi
tay mặt trời dẫn nụ cười em đi dạo
mưa xuân về khi em khóc đề hỏi han
hãy quên đi tiếng nồ, chúng chỉ gây hoài cừu hận*

*hãy xóa mờ hoang nát, luyến tiếc gì quá khứ buồn đau
đất rộng giữa trời cao, ai bảo sẽ không xây
được nghìn xưa, hãy ở yên trên xóm
mới thanh bình, có tình thương tạo dựng
hồi em mới đến tay lạnh thân gầy, tóc bay phủ
trọn hồn tôi, phút chốc hóa nên hai màu nhiệm, lần đầu tiên biết mình
rất đẹp, tựa nàng tiên huyền sử thấy
bóng hình hiền lộ mặt hồ xanh, có giọt sương sao đến chào
và khoát sóng, đưa tay vào lắng lặng giữa hương sen.*

*Sấm sét sẽ ngừng vui chôn trong núi đá
ta thấp lên đây bao hàng bạch lạp
— ngọn lửa muôn đời chứng minh cho người chết, gìn giữ trời trần
chưa kịp thốt nên lời.*

*với ánh sáng này và ánh sáng của trăng sao, em hãy cùng ta tạc
tượng, những tảng đá thương đau sẽ phục hồi sinh khí, để
con người nhớ mãi tới muôn sau, đừng gây thêm đau khổ
cho nhau trong hình hài sương, chớp đang chờ đầy hạt giống
hiện sinh.*

em hãy nghe lời ta đừng trở lại làng xưa

*chuốc thêm cừu hận, và cũng đừng quay lưng trước lời Phật
chuyển rung qua tiếng kêu than trăm vạn người lao khổ
những buổi phôi ố đau chờ hương sen ngát tới. hãy là trời cao
đất rộng. hãy là rừng xanh và câu hát. hãy là lúa, mặt, sắn, khoai, hãy
là con người đứng bên cạnh con người để khước từ tiêu hủy.*

Oxford. 27.6.65

THI VŨ

những điều ghi được trong giấc ngủ

Khi tôi trở về con chim câu nằm trong tổ ấm. Giấy thép gai hết rào quanh đồn phòng ngự và người lính đã trở lại cày đám ruộng xanh.

Khi tôi trở về con diều bay đùa trong gió. Ở quê nhà, trên thảm cỏ xanh, có đứa trẻ đùa bỡn với chiếc bóng đen cười nụ thanh bình. Buổi chiều có con trâu rung mõ vu vơ như trong giấc mộng. Khi tôi trở về, khi tôi trở về hai tay níu tim lồng ngực. Giọng hát ru kéo lại dĩ vãng trầm trầm như chưa tắt thở. Có người rủ nhân loại đi xem địa ngục mà không ai trả lời.

Khi tôi trở về mẹ vừa tóc bạc. Đôi mắt nhìn vào tương lai và quên hết bao nỗi ưu phiền. Con còn lại bay trong đồng ruộng xanh. Lũy tre già cúi xuống ưu tư cùng mùi lóatic un quen thuộc. Khi tôi trở về tôi sẽ đi thăm bờ sông thuở nhỏ, tôi sẽ buồn thăm những chuyện ngày xưa và sẽ khóc một mình vì quê hương tôi bao lần đau

khờ, bao lần đắng cay, bao nhiêu tủi hờn. Quê hương tôi ở đó. Quê hương tôi khi còn tuổi nhỏ, khi tôi lớn lên bằng tiếng ru hời. Quê hương tôi bao lần đau khổ, bao lần đắng cay, bao tủi hờn.

Khi tôi trở về con chim kè lờn ân ái. Lời hát vang xa và vũ khí sẽ sắp thành cầu vồng trong ngày đám cưới. Nhà mới dựng xây, có tiếng trẻ khóc u oa chào đời. Có người đem tặng em bé quả bom nguyên tử, đứa trẻ đó cười và ôm nó ngủ say như ôm quả bóng. Những dãy phố sớm mai thức dậy cùng tiếng chim ca, lũ trẻ con mừng đời thịnh trị và tay yếu cổ võ ôm tương lai của mình.

Khi tôi trở về, khi tôi trở về cuộc đời xuôi chảy. Có bóng trăng xưa soi trên lối mòn, có rừng cây ẩm vì nhiều thương nhớ, và khi thức dậy tôi tìm thấy tôi.

KIM-TUẤN
1962

CHIẾN TRANH, NỖI BI THẢM CỦA QUÊ HƯƠNG

1.- bây giờ giặc già chưa qua
em ngồi gục mặt rất là ấn nấn
xác thân rã mục điêu tàn
quê hương lửa đạn vô vàn dăm chiêu
môi hôn nước mắt tình yêu
thân xe vết đạn nghe nhiều đắng cay.



2.- đêm đi giọng hát quê nghèo
tiếng ru bom đạn đắng đeo quanh mình
em từ tiếng nấc hồi sinh
niềm đau hằn vết trên mình trẻ thơ
20 năm mãi đến giờ
quê hương bạc mệnh vẫn ngờ chiêm bao



3.- khi nhìn xuống vũng trần gian
thì cây cỏ đã cao ngang mái đầu
từ chinh chiến mất về đâu
bạn bè, bom đạn cây sâu quê nghèo
mẹ già nước mắt trông theo
vết thương tưởng niệm còn đeo đẳng
hoài.



4.- bây giờ giặc già đã qua
người cùng ngựa nghĩ giáo và gươm
quăng
gối tay mệt mỏi đáng nằm
khỏa thân em dựng căn phần nhân gian
lũng sâu và đó địa đàng
ngựa người gục mặt nghe tàn chiến chinh

ĐỊNH-GIANG

TINH THỂ HỒNG

*ngày mai lên chuyển xe về
phương nao trời đã bốn bề gió giông
yêu Em tình mãi vun trồng
vườn xưa con nhện giăng hồng sợi tơ
bây giờ con nhện là thơ
thơ đan chẳng kín tự giờ luân di
tự giờ đất hiện chu kỳ
nghìn phương hướng vọng hồn Di Lạc bồng
chiến trường ôi lửa mê cung
tim Em cũng cháy trong cùng tận đau
tình anh cũng giá như mầu
sương kia từng lạnh trên sầu biển Đông
Quê Hương một đóm lửa hồng
làm sao sưởi ấm cõi lòng Mẹ, Cha
tôi về vun xới vườn hoa
Cho em là gái Biên Hòa, Hàm Tân
cho tôi là kẻ cô thân
nằm đây gửi mộng dậy ngàn sương xanh*

1 - 7 - 65

HOÀI KHANH

MỘT BƯỚC CHÂN DUNG

SƠN NAM

Trong những năm đầu tiên kháng Pháp (khoảng 1947) tôi đã sống nhiều tháng rộng ngày dài quá sung sướng, khỏi bị phiền lụy vì miếng ăn. Ai nói tôi là kẻ ích kỷ chủ quan, tôi sẵn sàng nhận lãnh lời khen chê ấy.

Người sống trong lao tù có đủ cơm ngày hai bữa nhưng họ đâu được tự do dạo khắp đó đây. Bữa ăn của họ được xào nấu theo thực đơn nghèo nàn, lắm khi ngoài ý muốn.

Một số tu sĩ được rảnh rỗi về cái ăn. Nhưng bù lại — theo ý tôi — các vị này chịu khổ hạnh, ép xác, giữ cẩn thận từ lời ăn tiếng nói, theo nếp sống gương mẫu đề duy trì đạo lý. Tôi xin chịu thua. Thực đơn của các vị này bị gò bó tùy theo chất dinh-dưỡng do khách thập phương bố thí, đóng khung trong phạm vi rau cải hoa quả. Ăn chay thì hơi ngon nhưng mau đói lắm. Tôi theo không nổi.

Lúc bấy giờ, tôi sống ở miền Hậu-Giang, vùng đất thanh thang, trên bờ có

lúa, dưới sông có cá. Giặc Pháp ít ruộng bố. Tôi được thông dong, nghiên cứu văn nghệ và tập làm văn nghệ, đi theo cơ quan « văn hóa kháng chiến ». Đó là một tổ chức. Nhưng làm sao tổ chức được những người mang nặng máu... giang hồ ! Người lãnh đạo thường nhắc nhở vấn đề nội quy, kỷ luật, phòng gian bảo mật, kế hoạch sáng tác 3 tháng, 6 tháng... vân vân. Vài bạn của tôi thích bàn cãi. Thời gian chứng minh rằng những kẻ ưa cãi vả, chê khen ấy là những « ông quan văn nghệ », sáng tác quá ít và quá dở. Nguồn hứng như mây bay gió thổi, con người làm văn nghệ giống như dòng sông linh động phản chiếu. Tổ chức người làm văn nghệ lại thành một khối chặt chẽ, thiết chẳng khác nào mức nước bằng hai tay hoặc bằng cái rổ. Thế nào nước cũng chảy tuôn ra ngoài khuôn khổ.

Thời dựng biểu, nội qui đã vạch sẵn, biểu quyết đường hoàng, vạch từng điều khoản, từng tiết mục trên giấy trắng mực đen.

Nhưng tất cả đều gây đờ. Người làm văn nghệ muốn đưa con Tinh thần của mình được kẻ khác tiêu thụ. Phương tiện ấy loát quá thiếu thốn. Chẳng lẽ làm thơ, viết văn cho bạn bè xem chơi? Hoặc viết đề đố, chờ cơ hội xuất bản? Cơ hội nào? Bao giờ mới có giấy mực, máy in? Thời ấy, báo ra lai rai vài trương, trong đó các nhà chánh trị và các ông quân sự, kinh tế đang bình luận, chỉ thị, thông cáo... đến 9 phần 10 diện tích, còn lại vài dăm trắng dành cho khẩu hiệu vài câu ca dao!

Chẳng lẽ hàng chục người cầm bút lại xúm nhau làm vồn vện vài câu ca dao trong một tháng? Mớ ca dao ấy có thể lỗi thời vì nhiệm vụ trước mắt, chiến thuật, chiến lược mỗi tháng mỗi thay đổi. Tốt hơn là ăn no rồi... chờ thời. Chỉ còn một ngõ hẹp là viết nhựt ký. Viết nhựt ký để làm gì, không khéo lại tiết lộ bí mật chánh trị, quân sự! Và chừng nào in nhựt ký ấy? Sau khi chết chẳng?

Vài bạn thi sĩ, văn sĩ, xoay qua nghề phở nhạc, luyện giọng hát, sử dụng nhạc khí hoặc... bình luận chánh trị, «đánh đạo dạy đời» để tìm đất đứng, khỏi tủi hổ khi an hột cơm của bà con cô bác. Có bạn lại xung phong cầm súng, hy sinh tất cả.

Khò là khò cho kẻ yêu «văn nghệ thuần túy» chỉ muốn làm thơ, viết truyện ngắn cho có nghệ thuật. Bỗng dưng mà trở thành thất nghiệp, như vài bạn khác và tôi.

Làm sao bây giờ? Thôi thì đành ngụy biện là đi tìm tài liệu theo dõi... quá

trình sáng tác cho chín mười, là xây dựng tác phẩm dài hơi: Đóng vai một nhà văn sáng tác bằng miệng. Gọi nôm ra là «nói dóc» cho qua ngày. Nói dóc để giải trí bạn bè. Lăn hồi, mang danh xấu là «cà nhồng chống xâm lăng» Đề chính đốn trình trạng bừa bãi, vô tổ chức của những người làm văn nghệ đang thất nghiệp, cấp trên bày ra kế hoạch tự túc về ăn. Mỗi ngày, các văn nghệ sĩ hữu tài nhưng vô dụng (nghĩa là bất tài) được lãnh một số tiền, một số lúa. Họ phân công với nhau, lo xay lúa giã gạo và tìm thức ăn. Sau khoảng thời gian ngắn, tất cả đều đồng ý: mạnh ai nấy lo, miễn sao công việc ăn uống được vuông tròn. Đồng bào trong xóm tỏ ra thông cảm đúng mức. Họ bảo: «Ba bốn người mà giã một cối gạo suốt buổi sáng, gạo vẫn chưa trắng, thôi thì đem lúa hoặc gạo lúc dồi lấy gạo trắng của chúng tôi cho xong». Nhờ sự dồi chác hợp tình hợp lý ấy anh em được rảnh rỗi về mặt xay lúa giã gạo. Buổi sáng, họ tha hồ tán dóc rồi nẩy ra sáng kiến thần tình hơn: «Người làm văn nghệ ăn cơm hơi ít. Tại sao ta không đem mớ gạo thặng dư dồi khoai, chuối hoặc cá tôm, hoặc trà tàu, đường đậu? Sau khi ăn uống sơ sơ cơm cá, ta xúm xít nhau bên mâm trà, uống trà đậm thay cho cà phê. Đến quá nửa khuya, nếu hao hơi tồn sức, ta tắm bồ thêm nửa chén chè đậu xanh thì hay biết mấy?

Công việc xay lúa giã gạo đã được thanh toán, êm đẹp và có lợi. Chỉ còn công việc kiếm thức ăn. Mò tôm, bắt cá là điều hứng thú... đề sanh bệnh hoạn.

Vài bạn văn nghệ đã xung phong, tay lấm chân bùn. Nhưng vì kém sức khoẻ nên rũi ro mang chứng cảm mạo, tổn thuốc men. Tiền thuốc găm lại nặng hơn tiền tôm cá đã sản xuất. Sau rốt, mặc nhiên cả bọn đồng ý rằng chỉ nên tìm rau cỏ để tăng sinh tố cho bữa ăn. Nơi vùng nước mặn đồng chua, quanh đi quẩn lại chỉ có vài loại rau rừng. Ăn những loại rau ấy chỉ là làm trò cười cho bà con lối xóm, kéo lùi trình độ văn minh trở lại thời ông Thần Nông nếm thuốc. Bà con quả quyết : đốt choại, đốt dớn, rau ngổ, bông súng chẳng phải là thức ăn bổ khoẻ. Nếu nó là của quý thì dân mình đâu còn là nhược tiểu ? Các bạn văn nghệ dám liều lĩnh, ăn thử vài món thảo mộc mà bấy lâu dân quê chê bai : cây mái chèo, mái dầm, lục bình trôi sông... Rốt cuộc, ai nấy ốm o gầy mòn và học được bài học cay đắng : dân miền quê ốm o, thường mang bệnh rét, bần huyết đâu phải vì thiếu sinh tố. Trong khi dân quê kiên nhẫn chịu đựng vượt qua sự thiếu ăn kinh niên thì các bạn văn nghệ và các cô nữ cán bộ bắt đầu suy sụp vì mang bệnh kinh niên. Thứ bệnh mơ hồ, khó tả và đờm vế huyền bí. Con trai đau bao tử, nấc phồi. Con gái thì đau tim từng chập. Đó là bệnh thần kinh, bệnh tâm lý hậu quả thơ mộng của sự thiếu thốn về mặt luyện ái (có người đặt giả thuyết như thế).

Sung sướng nhưt là những người làm loại văn nghệ biểu diễn. Các ca sĩ, kịch sĩ đi tới đâu là được hoan nghênh tới đó, ăn uống đầy đủ. Buồn thay cho kẻ viết văn, cứ ngồi nhà uống trà, hút thuốc

liên miên, « sáng tác rất nhiều nhưng xuất bản chẳng bao nhiêu ». Ngày qua tháng lại, các văn nghệ sĩ gầy mòn chờ khi bánh xe tiến hóa lăn đến. Chúng tôi hay tin : cấp trên sửa soạn ra quyết định giải tán cái tổ chức văn hóa « công kênh » đó. Ai nấy mừng thầm vì những ngày sắp tới sẽ hứa hẹn bao nhiêu... món ngon vật lạ. Mưa cứ rơi. Nào lòng biết chừng nào khi thỉnh thoăng chúng tôi đón nhận vài cán bộ... xin gia nhập làm văn nghệ ! Đó là vài ông lớn đã làm mất sủng vô lý, thất trận vì lơ đễnh. Cấp trên nghĩ đến công lao hãn mã của các tội nhơn nên chưa nỡ đem ra pháp trường, chỉ cần giải chức làm gương. Lại còn vài bạn trẻ, nổi tiếng ngồ ngáo, bất trị, thiếu kỷ luật, đã tái phạm nhiều lần cái tội chun vô mừng đàn bà con gái, làm mất ảnh hưởng chung. Các bạn này muốn làm văn nghệ một lần cho biết. Ngoài ra, còn vài bạn thương binh, phế binh, mắc bệnh cùi lao... Dầu kiệt sức tàn hơi, các bạn muốn đem tấc lòng gởi lại cho người sau. Bàu không khí trở nên khó thở vì vi trùng và vì quan niệm văn nghệ. Phải chăng ban văn nghệ là nơi tập trung các phần tử bất hảo, không dùng được vào đâu ? Chúng tôi liên tưởng đến một bãi biển xa vắng, trên đó trôi tấp bao nhiêu va-li mục nát, vỏ sò vỏ ốc, cá chết, than củi và những cái lon rỉ sét.

Làm sao kiểm soát nếp sống của bọn người làm văn nghệ được ? Cái kiểu tập trung văn nghệ sĩ đã thất bại từ trong trứng nước. Văn nghệ sĩ đâu phải là hạng

người có thể đào tạo được từng loạt, theo thống kê, như nuôi con ngọc trai !

Chúng tôi « được » hân hạnh bị giải tán. Thật ra, cái tổ chức văn hóa kháng chiến ấy đã tự giải tán từ lúc đầu. Mỗi người chọn một ngã.

Tôi lại lên đường phiêu lưu, tìm đề tài và tìm miếng ăn. Muốn có cơm ăn ngày hai buổi, phải làm gì ! Ở vùng Hậu Giang, chẳng ai chết đói vì thiếu cơm. Tôi muốn nói đến những bữa cơm đầy đủ chất dinh dưỡng mà kẻ sĩ thường ao ước.

Thì cứ đi lang thang. Đạo ấy, ở xóm nào mà chẳng có mẹ chiến sĩ. Đó là những bà lão sẵn sàng đón nhận các cán bộ, chiến sĩ. Các bà thực hiện câu « thương người như thể thương thân, rách thường cho mặc, đói thường cho ăn ». Ngoài ra, nhờ giao thiệp rộng rãi, tôi còn được một số thân hào, bạn bè... đón rước niềm nở.

Sự tương trợ xưa nay chỉ có giới hạn. Đến một mức nào đó, kẻ « nằm đây chần chiếu của người ta » cảm thấy mình trở nên vô duyên. Phải từ giả trước khi chủ nhà chán nản, và phải đến đúng nơi đúng lúc.

Gặp khi chiến sĩ thắng trận, ai nấy vui tươi lên, sẵn sàng đón khách. Người đang trúng mùa lúa, vừa mới bán con heo thì chẳng bao giờ ngại tốn kém. Trái lại, gặp lúc chủ nhà đau ốm, hoặc chủ nhà vừa nuôi nấng hàng chục người suốt đôi ba tháng thì ta nên lánh xa. Tôi

sống như con chuồn chuồn « khi vui nó đậu, khi buồn nó bay ». Ăn gỏi nằm nhờ nói thẳng là ăn chực — trở thành một cái nghề, một nghệ thuật. Và khi « ăn chực » trở thành một... nghệ thuật thì đó là điều chứng tỏ tánh chất cách mạng không còn nữa.

Nhiều đêm, nằm lạnh lẽo trước mái hiên, tôi tự vấn lương tâm : mình có ăn chực hay không ? Phải có đầy đủ tự tin, phải kiên nhẫn chịu đựng lắm tôi mới không hồ thẹn khi thấy mặt trời lại mọc. Niềm an ủi duy nhất của tôi là thế nào cũng trả ơn đồng bào bằng một câu thơ, một chuyện ngắn... trong tương lai. Tôi cố gắng quan sát sanh hoạt của đồng bào. Tôi thất vọng, hiểu ngầm rằng mình làm một việc lắm cảm. Có ai đang bơi lội trên sông, trong dòng nước mà lại chú ý mô tả dòng nước ? Có ai lúc hấp hối mà lại đòi cầm bút ghi tả tâm trạng kẻ đang... lia côi đời. Đúng ra, tôi là đứa bé chào đời. Và đứa bé chào đời lo khóc, lo thở, lo cựa quậy. Làm sao đủ tỉnh táo và sự nhạy cảm để mô tả khung cảnh chào đời của nó ? Bởi vậy, các nhà làm chánh trị đừng đòi hỏi bọn văn nghệ sĩ sáng tác cấp bách, đừng quá phàn nàn cho hiện tình văn nghệ. « Thời đại » là danh từ bao gồm hàng chục năm. Nên kiên nhẫn chờ đợi : Danh từ « hiện đại » cũng vậy. Hiện đại, đứng về mặt mặt văn nghệ mà xét, bao gồm nửa thế kỷ hoặc một thế kỷ.

Những ngày tháng « lêu têu » trôi qua. Dịp may mắn để tôi ngao du khắp nẻo đường đất nước, tìm hiểu phong tục,

màu sắc địa phương. Nhờ đó mà tôi biết vài chuyện lạ, ngoài lề. Vào mùa mưa, khi nước dâng cao thì cỏ «bồng bồng» tự nhiên mọc lên. Loại cỏ này khá cao lớn, lá xanh mướt, thân mềm mại, luộc chấm mắm ăn khá ngon. Tôi đã nghe một cụ già quả quyết : Xưa kia, tại rừng u minh, người ta gặp vài Ông nời đồng ! Đó là loại nời nấu cơm, to lớn, hai ba chục người ăn không hết. Dưới đáy nời, có treo tròn ten một cái di bằng đồng. Hai cái khoen bên hông nời được rèn chắc chắn. Cụ già giải thích : Kiểu nời ấy dùng khi hành quân, binh sĩ xỏ đòn vào khoen nời mà khiêng, đốt lửa trên cái di. Rồi thì họ cứ nấu cơm, lúc di chuyển trên bộ. Lúc nấu cơm, binh sĩ khỏi hạ trại, đình binh. Tôi liên tưởng đến cái kiểu khiêng đặc biệt mà binh sĩ thay phiên nằm ngủ, di chuyển ngày đêm khi Nguyễn Huệ bố trí đại phá quân Thanh. Còn lắm giai thoại. Thí dụ như địa danh tháp Mười. Đó là cái tháp canh thứ 10, từ bờ sông Tiền giang, thuộc hệ thống canh phòng của ông Thiên hộ Dương kháng Pháp. Hoặc xưa kia tại đó còn di tích 10 ngôi tháp cò. Không phải là tháp cao mười tầng kiến trúc theo kiểu tháp Thiên Mụ.

●

Lần hồi, tôi đánh bạo, đi ngao du tại khu vực gần đồn giặc Pháp đề trước là «thăm dân cho biết sự tình» sau là tìm món ngon vật lạ. Càng du lịch, sức khoẻ của tôi càng tăng. Ăn cá, ăn gà riết rồi nhàm. Theo sự chỉ dẫn của một bạn

thân, tôi đến gần đồn Kế Sách. Nơi đó, một bà mẹ chiến sĩ — gọi là má Sáu — hoạt động đặc lực, sẵn sàng nuôi dưỡng các con. Ai cũng khen má Sáu. Người nào ốm ốm, nước da xanh mét mà được má Sáu nuôi chừng nửa tháng thì tròn trịa, hồng hào. Ngoài ra, nhà má Sáu còn một cô gái đúng tuổi cập kê, xinh đẹp, nước da bánh ếch, mặt chữ điền. Thuốc thơm, rượu ắp-sanh,... không thiếu. Lại còn giàn hát máy, với những đĩa hát vọng cổ mùi mẫn nhứt, ca ngợi yêu đương.

Còn một cây số rưỡi nữa là tới chợ Kế Sách. Nóc đồn Pháp đỏ ngời, giữa bờ sông trống trải. Anh liên lạc cho biết :

— Cây cờ tam sắc bay phấp phới kia !

Tôi mang bệnh cận thị, chẳng thấy ngọn cờ. Anh liên lạc căn dặn thêm :

— Nhà má Sáu gần cầu ván, đằng kia. Lại đó làm gì ?

— Thăm má Sáu cho biết.

— Bả ít ở nhà. Tốt hơn...

Tôi nghĩ đến công phu lặn lội suốt bốn ngày rày. Nếu trở về thì uổng quá. Gương mặt anh liên lạc phảng phất chút gì buồn bã. Tôi hỏi :

— Sao vậy ? Đề tôi tới đó thăm.

— Người ta nói cỏ này má Sáu... Kỳ cục lắm.

Nói xong, anh liên lạc quay mặt, rút lui. Tôi đến nhà má Sáu. Đại khái là căn nhà lá, khá rộng, bên cạnh có chuồng vịt,

chuồng heo. Bàn thờ ông bà còn sừng sững giữa nhà, thiếu lư nhang.

Đứa con gái của má Sáu đón tiếp, hỏi khẽ :

— Bộ không sợ sao ? Anh tới đây làm gì ? Không nên...

Tôi đã nghiên cứu tình hình và vạch cho mình một lập trường theo đường lối.. Tào Tháo. Trong mình tôi, chẳng có giấy tờ, rủi bị Tây bắt thì tôi sẽ dùng chút ít tiếng Pháp mà năn nỉ, trá hàng. Tôi hứa dạy học gần đồn Tây. Chúng sẽ tin vì thân hình tôi quá ốm yếu, khác bộ vó kẻ võ biên.

Tôi trả lời :

— Có gì mà sợ ? Tôi biết tiếng Tây, ra đây với hai bàn tay không...

Cô gái nhìn quanh quất rồi cúi đầu :

— Tây thì không đáng sợ. Sợ... thiên hạ lối xóm dị nghị.

Tôi nói :

— Người yêu nước mà. Chẳng lẽ tôi muốn trốn theo Tây. Anh liên lạc đưa tôi tới đây, đường hoàng.

Cô gái lắc đầu :

— Má tôi... bây giờ ra ngoài bót Kế Sách mua bán và trốn nợ.

— Trời ơi ! Sao vậy ? Nợ gì ?

— Dạ, má tôi chơi hội rồi mang tiếng giựt hội. Bả ra ngoài chợ, kiếm tiền trả lại. Bởi vì lúc trước mấy anh tới đây quá nhiều. Mỗi ngày dọn cơm năm bảy lượt. Làm sao đủ huê lợi ?

Tôi thần thờ, như người từ trên mây xanh rớt xuống. Sau khi uống nước — chén nước mưa — tôi yêu cầu cô gái ra chợ nhắn tin với má Sáu rằng có « đứa con » đang tha thiết muốn gặp mặt má.

Cô gái vui cười :

— Vậy thì anh chờ chừng 20 phút !

— Má vô đây không ?

— Vô chớ. Anh ở đây nghe. Má mừng lắm.

Gian nhà trở nên hoang vắng lạ thường. Tôi ngồi hút thuốc. Thuốc đã tàn. Tôi đành qua nhà bên cạnh đề xin thuốc thứ nhì.

Nhà bên cạnh vắng người. Tôi đến hai ba nhà kế cận. Còn vài người già cả ở nhà. Họ nhìn tôi từ đầu đến chân :

— Bà Sáu khò lắm !

Tôi hỏi :

— Khò à ? Má ra chợ, lấy gì sinh sống ?

— Khò là,.. tánh tình rộng rãi quá mức. Năm ngoái năm kia, bả còn bốn lượng vàng. Bán lần bán hồi, chỉ vì nuôi nấng mọi người. Nuôi đầy đủ, bày đặt bày điều. Bây giờ, thân thể như vậy đó...

Mưa lất phất. Đất vùng Kế Sách trơn láng, cỏ mọc um tùm, nước vàng lờm, lợn cợn. Người địa phương, gọi đất phù sa là « đất mở gà ». Màu nó vàng như mở gà. Nước dâng lên chừng nửa tiếng đồng hồ rồi giựt xuống, mấy chiếc cầu ao đều trơn láng, đóng dày lớp phấn

mịn. Ai vô ý là trượt chân. Vài con vịt lội trong ao, kêu cấp cấp. Bên cạnh bàn ông Thiên, mấy cụm bông trang rung rinh, lá xanh bông đỏ, vẫn tươi tắn.

Cô gái chạy đến, hôn hờ :

— Má về kia !

Má Sáu ngồi sẵn trong nhà, Trước mặt má, tôi thấy rõ ràng một gói thuốc hút... Virgine, một hũ dầu cù là, một hộp cá mè.

— Con xài tạm đi. Bữa nay bánh mì ngoài chợ bán hết rồi. Còn mấy ổ lụn vụn, mềm xèo.

Tôi ngồi đó, suy nghĩ mông lung. Má Sáu tiếp lời :

— Mấy cái món xa xỉ phẩm này, con đừng ngại. Cứ hút tại đây, ăn tại đây. Phải như mọi lần, má ở nhà nấu cơm, làm thịt vịt. Bây giờ nợ nần nhiều quá, họ kêu réo. Vay thì phải trả chớ giết làm sao phải !

Tôi hỏi, thành thật :

— Dạ... cá mè bao nhiêu một hộp ?

— Sáu đồng. Coi vậy chớ nó ngon hơn cá nường, cá kho. Con đem về mà ăn cho lạ miệng. Chà ! Coi bộ ốm o quá vậy. Muốn mua dầu gan cá thu không ? Cứ cho má biết, dịp khác... Con đừng buồn, đừng ngại. Má biết mấy con ra tới khu vực này chỉ vì thèm xa xỉ phẩm. Má lo hết mức rồi... sanh nợ, ra nông nỗi này.

Rồi má Sáu cau mày :

— Họ nói má trốn nợ, chạy theo thực dân, lập trường không vững đó. Ối ! Hơi đâu mà giận.

Vài tiếng súng nổ... hơi gần. Tôi cáo từ, chúc má mạnh tay khỏe chân. Dưới cơn mưa, tôi chạy một khoảng đường xa. Chừng ngoảnh lại, thấy má Sáu đang cúi thủi về phía đồn Kế Sách.

Lâu quá rồi !

Tôi đã quên bao nhiêu hình bóng xa xưa. Riêng về má Sáu, thật khó quên hẳn. Vì mỗi ngày tôi phải ăn và thích ăn những món ngon vật lạ. Bây giờ thì khó ăn chực vô điều kiện như xưa. Bao nhiêu xa xỉ phẩm thời trước nay đã lỗi thời. Và theo đà tiến hóa, tôi cố gắng leo thang, để chinh phục những loại xa xỉ phẩm mới, thỏa mãn đầy đủ thất tình lục dục hơn. Đôi khi ngồi ăn quá ngon tại quán hơi sang trọng, trả tiền mỗi phần ăn hơn trăm bạc, tôi thấy chạnh lòng, vu vơ, nhớ đến má Sáu, con người đã hoàn toàn quên mình để lo cái ăn cho thiên hạ. Má Sáu đã về đâu ? Trở thành mục tiêu kẻ chứa gái điếm ? Làm chủ nhiều đầu hụi. Đã vãng sanh cực lạc rồi chăng ? Trở thành ngôi sao trên trời hay là hột bụi dưới đất ? Tôi chỉ muốn phác họa chân dung má Sáu, xem má như là một nghệ sĩ, một đề tài lớn. Như có người đã nói : đó là kiểu người để một mắt trên trăng sao, tay thì cầm cây dao găm chực tấn công quân thù, một chân thì đứng vững dưới đất bùn nhầy nhụa. Bị cấu xé ra hai mảnh nhưng vẫn toàn vẹn.

TỪ QUẢNG NINH, NGANG TAGORE, ĐẾN. . .

Hồ Hữu Tường

Lúc vừa biết đọc, tôi chẳng có cái điểm phúc mà có những loại sách «trẻ em» để mà đọc. Tôi chỉ vớ được sách của «người lớn» nào là đọc cuốn nấy. Có một mẩu chuyện làm cho tôi đề ý lắm. Ấy là chuyện Quảng Ninh và Hoa Hâm. Các cụ có học Nho, thấy đều biết chuyện ấy. Vào thế hệ của tôi, nhiều người cũng có nghe qua, nhưng hình như bây giờ không ai nhắc đến. Tôi có chịu khó tra *Từ nguyên* và *Từ hải* là hai bộ tự điển khá đầy đủ của người Tàu. Hoa Hâm thì được nhắc trong cả hai bộ này. Nhưng Quảng-Ninh lại bị bỏ rơi. Một người như Quảng Ninh, thế mà dân tộc Tàu bỏ rơi đi ! Thật lấy làm hổ thẹn. Thật quá bất công. Ấu là, ăn cơm nhà mà lo chuyện người, cầm viết mà thảo mấy trang sau đây, gọi là trả món nợ tinh thần của kẻ ước mơ văn hóa.

Lúc thiếu thời, Quảng Ninh và Hoa Hâm cùng là nghèo, cùng ham học. Hai bạn chỉ có một chiếc chiếu, cùng ngồi mà đọc sách. Một hôm, khi hai bạn đang lo đọc sách, thì có tiếng xe

ngựa, tiếng linh nạt đường, cho một người quyền thế nào đó đi qua. Nghe vậy, Hoa Hâm lật đặt buồng sách, chạy ra xem việc tiền hô hậu ủng ấy. Còn Quảng Ninh nghĩ rằng học có mục đích là cầu đạo, mình chăm lo học tập là cốt để tìm chân lý, tìm đường dắt loài người đến chân, thiện, mỹ. Còn Hoa Hâm, tuy cũng chăm học, nhưng học chỉ cầu công danh. Vậy không phải là bạn đồng chí của mình, không thể cùng ngồi một chiếu mà học không thể chia gian khổ với mình. Hoa Hâm khi xem người ngựa qua rồi, trở vào, thì chiếc chiếu bị Quảng Ninh lấy dao mà rọc hai, và Quảng Ninh xách mảnh chiếu phần mình, đem trải chỗ khác, ngồi riêng mà đọc sách...

Mẩu chuyện mà tôi đã đọc chỉ có chừng ấy, rồi chấm dứt.

Nhưng cũng đủ làm cho trí non nớt của tôi đề ý mà phân biệt hai ý nghĩa của sự sống, hai nhân sinh quan. Một kẻ cầu danh lợi, một kẻ cầu đạo. Hai hạng người này khó sống chung với nhau. Thảo nào, Quảng Ninh sớm

biết mà rọc hai chiếc chiếu của chung của hai gã. Về sau, đọc truyện *Tam Quốc*, tôi có gặp lại Hoa Hâm. Lớn lên, Hoa Hâm học giỏi, ban đầu, phụng sự cho họ Tôn ở Giang Đông. Nhưng có tài mà thiếu đức, Hoa Hâm không được ra ở đây, nên khi có dịp cắt người đi sứ bên Tào Tháo, Hoa Hâm được «bị tông ôn». Sang ở với Tào, Hoa Hâm tìm đủ cơ hội, đủ thủ đoạn, để đoạt công danh... Chính là Hoa Hâm lãnh lĩnh của Tào Tháo mà làm một việc tàn nhẫn là thuốc chết Phục hoàng hậu. Rồi lần lần Hoa Hâm leo những nấc thang của công danh, thực hiện được cái ước mơ của thời niên thiếu, đọc sách mà mộng công danh địa vị.

Còn Quảng Ninh ?

Từ thuở bé, tôi có cảm tình với Quảng Ninh, người học dễ cầu đạo, chứ không phải dễ chuộng quyền lợi và công danh. Đời của tôi, có lẽ một phần nào chịu ảnh hưởng của nhân sinh quan của người rọc chiếu mà đoạn tuyệt với kẻ không cầu đạo. Cảm tình nọ khiến tôi tò mò tìm coi Quảng Ninh có tương lai nào. Tôi có dịp hỏi một vài cụ đồ già. Không ai biết. Tra từ điển không có tên Quảng Ninh. Tôi bắt đầu nghi ngờ sự hiện hữu của người học với mục đích cầu đạo này. Và tôi cũng bắt đầu có cái lập luận rằng con người như vậy, cao siêu quá, làm sao có được ? Và câu chuyện rọc chiếu là do kẻ đời sau bịa đặt ra mà thôi...

Rồi một hôm kia, làm việc nơi một thư viện xa xăm, có đến tám mươi ngàn sách hiếm có của Tàu, ngoài trời tuyết rơi lạnh lẽo phủ phàng khiến cho tôi lạnh lạnh mà trốn trong thư viện lúc nghỉ trưa, tôi lật một cuốn sách, mà nay tôi quên tên là sách gì. Tôi lại gặp tên Quảng Ninh.

Tôi đọc say mê, như đọc một tình thư của một nàng mà tôi mơ mộng bấy lâu, nhưng chưa có dịp trau dồi đôi câu vàng đá. Quảng Ninh không phải là chuyện bịa đặt. Quảng Ninh là một nhân vật có thật. Nhưng chỉ bị loài người, lấy quyền lợi và công danh mà làm thước đo để sắp phẩm trật, loài người chê mà bỏ ra rìa xã hội, quên ghi tên trong sử sách. Tôi đọc đoạn nọ, lòng ngậm ngùi cho thân phận chung của những nhà văn hóa, không lấy quyền lợi, công danh, địa vị mà làm mục đích để sống.

Quảng Ninh, vào cuối đời Đông Hán, là một trong hai người học rộng hiểu nhiều nhất của thời ấy. Người thứ nhất là Trịnh Huyền. Truyện có ghi tên Trịnh Huyền. Sách, từ điển có chép tên Trịnh Huyền. Có lẽ, bởi vì Trịnh Huyền có dạy lẫn học trò, nhờ ruổi rong trên con đường quyền lợi và công danh, mà ghi tên trong sử sách. Học trò ấy là Công Tôn Toản, là Lưu Bị. Công Tôn Toản và Lưu Bị đoạt được quyền lợi và công danh, nên thầy cũng được thơm lây. Còn Quảng Ninh trẻ hơn Trịnh Huyền, bản thân chẳng

có địa vị và công danh, dạy học trò chỉ lo cầu đạo, mà chẳng ai có địa vị và công danh, mặc dầu sở học của Quảng Ninh rộng rãi và uyên thâm, Quảng Ninh bị lãng quên...

Dân tộc Việt bị mấy mươi năm loạn ly, làm cho tôi không nhắc đến Quảng Ninh không được. Thời của Quảng Ninh, cũng loạn ly như thời của chúng ta vậy. Sau cuộc loạn ly của bọn thập thưng thị, Hán thất suy đồi, quyền thần Đông Trác tiếm quyền, quần hùng phong khởi, nên đâu đâu cũng có binh đao. Còn đám quần chúng nông dân, do bọn khản vàng thôi động, làm cho loạn ly tràn khắp hang cùng ngõ hẻm. Quảng Ninh là kẻ học đề cầu đạo ; trong lúc mà ba anh em Trương Giác dùng sách *Thái Bình yếu thuật* mà gieo rắc loạn ly, Quảng Ninh dùng ảnh hưởng của cái học của mình mà kêu gọi xây dựng một cảnh thái bình đích thực.

Cả mấy vạn người hưởng ứng lời kêu gọi của nhà bác học, nhà hiền triết, nhà văn hóa, kẻ mà đạo không phải chỉ để suy tư, mà để sống. Đám quần chúng ấy bỏ phần hoa đỏ bụi, bỏ cái dịp loạn ly có thể làm tấm ván nhún để nhảy lên đài địa vị và công danh, mà theo Quảng Ninh vào rừng sâu chốn cây, dọn đất trồng trọt, cày cấy, lập một cảnh thái bình, nhà tối không đóng cửa, đường không ai lượn của rơi, phục hưng lại đời Nghiêu Thuấn. Mỗi người làm để đủ ăn thôi,

mà chẳng cần việc giàu sang. Và mỗi mỗi đều tham gia vào công cuộc học hỏi, trau dồi trí đức, dưới sự hướng dẫn của Quảng Ninh, nhà bác học, nhà hiền triết, nhà văn hóa...

Tôi biết được Quảng Ninh như thế. Tôi hiểu vì sao loài người bỏ rơi Quảng Ninh mà không ghi tên Quảng Ninh trong từ điển. Quảng Ninh nào có giàu như Thạch Sùng, Vương Khải ? Quảng Ninh nào có địa vị, được vua phong cửu tích như Tào Tháo, như họ Tư Mã ? Quảng Ninh chỉ có cái đạo. Quảng Ninh chỉ có bọn không vụ quyền lợi theo vào rừng mà, chẳng nói « thái bình yếu thuật », lại hành động « thái bình yếu thuật ». « Đắc đạo » vào thời ấy, không phải là Tư Mã Đức Tháo, như bộ truyện của La Quán Trung là *Tam Quốc chí diễn nghĩa* đã vẽ. Trong sự thật, và Trần Thọ, tác giả của *Tam Quốc Chí* đã chép, Tư Mã Đức Tháo, vào tuổi già, đến đầu Tào Tháo, mà lập chữ công danh. Dàng kể có mấy ngày cho Tào Tháo, kể của Tư Mã Đức Tháo chưa kịp được dùng, thì Tào Tháo chết. Vậy cái đạo của Tư Mã Đức Tháo là cái đạo hột. Hột vì bởi cũng muốn công danh, mà chẳng gặp thời. Và cái đạo của đám bè bạn của Đức Tháo ở vùng Nam Dương, chỉ là cái đạo xuất thế của một đám tôn thờ cá nhân chủ nghĩa. Còn cái đạo của Quảng Ninh là cái đạo nhập thế cái, đạo dẫn thân, cùng quần chúng, vì quần chúng, với quần

chúng mà thực hành « thái bình yếu thuật ».

Nam Hoa lão nhân, như trong truyện Tam Quốc kể, trao sách *Thái bình yếu thuật* cho Trương Giác, mà giặc khản vàng nổi lên. Quảng Ninh chẳng nhờ dị nhân nào trao cho thiên thư, tự mình tìm được con đường thái bình, không cho cả thiên hạ được, ít nữa cho kẻ đồng tâm đồng chí của mình.

•

Biết chuyện của người, tôi so sánh với người nay. Vào đầu thế kỷ XX này, ở gần Bengale, nhà văn hào Tagore có cất một lều tranh làm giảng đường để dạy tử đệ học đạo lý. Từ bốn phương trời, văn nhân, mặc khách, triết gia đến mà nghe Tagore giảng dạy. Rồi sau đó, gần Pondichéry, một người Ấn Độ khác, là Aurobindo lại mở một ashram. Tử đệ của Aurobindo cũng từ bốn phương trời mà đến. Mỗi người mỗi ngày cũng cày sâu cuốc bẫm ít giờ, để tay làm mới có cho hàm nhai; xong rồi thì nghe nhà hiền triết luận bàn tư tưởng.

Tôi lại đem sự so sánh ấy mà nói với hai vị tu sĩ, từ Đà Lạt xuống mà thăm tôi. Hai vị này mới kể cho tôi nghe sự sống của Đà Lạt. Bắp cải, tuy không to « bằng bộ ván ba », nhưng khá lớn, mà bán chỉ vài đồng thôi. Củ khoai tây to, củ khoai lang đầy mật, bắp trái lớn, hột nhiều, các thứ

đều rẽ. Nếu tập cho dân mình sống bằng khoai tây, bằng bắp, bằng khoai lang, mà chẳng ăn gạo, như người Bắc Âu, thì quả là tay làm hàm nhai rất dễ dàng. Làm lớn như Quảng Ninh, kêu gọi một vài trăm ngàn người tránh loạn ly và cầu đạo, thì những quả đồi quanh Đà Lạt thừa đất phi nhiêu để nuôi sống họ . . . Mà làm nhỏ như Tagore, như Aurobindo, bắt chước các cụ đồ ngày xưa, thâu nạp « tam thiên đệ tử », mình dạy dỗ « kẻ nghe sách ». Kẻ nghe sách dạy lại học viên « hạng sáu » học viên « hạng sáu » dạy xuống . . . Thì tre đỡ măng có gì là khó ? Huống chi, Đà Lạt có một viện Đại Học, có mấy trường trung học, có những cơ sở làm sẵn đó mà quanh năm chẳng ai dùng. Thanh tịnh, thì cũng có thể thanh tịnh như khu rừng của Quảng Ninh mà thêm tiện nghi của thế kỷ XX, cũng có thể được. Thêm nữa, hiện nay dân chúng ở Đà Lạt hiền lành, mộ đạo . . . Hai vị tu sĩ đặt cho tôi câu hỏi : « thời loạn ly này, đâu đâu cũng có kẻ tị nạn, bu đầy các thành phố mà tị nạn, ông còn đợi gì mà không làm như Quảng Ninh, cất tiếng kêu gọi những người tị nạn đến Đà Lạt, mỗi người trồng trọt trong vài giờ mà đủ cái ăn để nghe ông giảng về « con đường văn hóa » ? Không làm Quảng Ninh được, thì làm Tagore, làm Tagore không nổi thì làm Aurobindo vậy ».

Hai vị tu sĩ vừa ra, thì có con

cháu gái, con của anh cả tôi, bỗng bế, dắt năm con đến. Chồng nó làm thợ máy ở sân bay Liên Khàng. Nó nói « mấy ông » dán giấy hăm đánh lấy sân bay này, rồi đánh úp lấy luôn Đà Lạt. Sợ quá, chồng nó bảo dắt năm đứa con đại mà lánh nạn trước ở Sài Gòn. Con cháu, với năm đứa con nó, dẫn tôi từ cái mộng, do hai vị tu sĩ mớm cho, mà trở về sự thật. Một sự thật đơn đau phũ phàng, là chỉ có thể làm Quảng Ninh, làm Tagore, làm Aurobindo ở chốn phồn hoa đô thị này, giảng đạo lý trong khi thanh niên bị ám ảnh vì phòng trà, vì hộp đêm, vì phim cao bồi, vì quần tùm ống với cái dao găm gần nơi cổ choker, còn thiếu nữ thì dầm say ăn mặc, tiền đầy túi và mùi vị của vít-ki.

Ai mà dám rời bỏ đô thành vừa xa hoa vừa có an ninh để lên Đà Lạt mà nhịn ăn cơm lại tập ăn rau, với mục đích là nghe « văn hóa » trong lúc mà lòng không yên bởi « mấy ông » hăm đánh úp ? Ngay cá nhân tôi, mặc dầu tôi không thích nếp sống nhộn nhịp mới, tôi có dám đến chờ « mấy ông » đánh úp, bắt được tôi, rồi kết án tôi là kẻ « phản động », dám bắt chước chàng Polyeucte mà động đến thần tượng của họ ? Thời xưa Quảng Ninh, loạn ly chỉ có ở các thành phố và ở các chỗ có người đông đúc. Thì Quảng Ninh còn có thể kêu gọi dân tị nạn kéo vô rừng sâu mà lập cảnh thái bình. Còn ngày nay, loạn ly lại từ rừng phát ra, bắt chước Quảng Ninh sao được ?

Trong cái tâm trạng hoang mang ấy, tôi la cà nơi vài tiệm sách mà giải khuây bằng cách nhìn nhan đề của các sách vừa xuất bản. Tôi bắt gặp một từng thơ có cái tên là Marabout Université. Quả là một sáng kiến tân kỳ. Một Viện Đại Học tưởng tượng, không có ai là giáo sư chánh thức, mà học giả nào lỗi lạc cũng là giáo sư; không có giảng đường cho sinh viên đến, mà Viện Đại Học lại đến tận nhà của mỗi sinh viên, vào tận giường ngủ mà ở nơi đầu tủ bên cạnh giường; không có thời khoá biểu, mà tự tiện sinh viên muốn học lúc nào cũng được; không có ban giám khảo đề thi cho sinh viên, mà sinh viên có thể nộp công trình nghiên cứu cho công chúng thẩm xét bất cứ lúc nào... Ngay đến một Viện Đại Học tưởng tượng như vậy mà cũng không làm sao xây dựng lên nổi. Bởi vì sách in ra, không có số người tối thiểu mua cho từng thơ sống được, thì chẳng bao lâu, hết vốn. Mà đã có vốn chưa đã ?

Làm Quảng Ninh không nổi. Làm Tagore cũng không kham. Làm Aurobindo cũng chưa được. Lập cái Viện Đại Học tưởng tượng như Marabout Université cũng chẳng thấy viên dò thành công. Nghĩ như vậy, tôi tủi buồn hết sức. Nhiều bạn trong làng bút mực rủ tôi cố gắng « giữ thơm quê mẹ ». Lòng tôi muốn như vậy lắm lắm. Nhưng một câu hỏi luôn luôn đặt cho tôi : *làm sao ?*

Tôi mở lớp dạy EOMIR đem ra những kinh nghiệm về kỹ thuật làm việc bằng trí thức mà truyền lại cho bạn trẻ. Hơn hai trăm người ham học, mặc dù quảng cáo lai rai, ít ai nghe nói đến. Dạy vài hôm, hơn phân nửa sinh viên yêu cầu: «Thầy, thầy, thầy có bao nhiêu kinh nghiệm thì rút hết ra mà truyền lại cho chúng tôi trước đầu tháng chín». Tôi hỏi: «Tại sao trước đầu tháng chín?» «Bởi vì, sau đó chúng tôi phải lên Thủ Đức»

Khoa EOMIR, tôi có dùng tiếng Việt gọi là Nhập Môn Học. Nay các sinh viên của khoa này sắp nhập ngũ. Nghĩ cho cùng kỳ lý, thì khoa EOMIR cũng phải dạy những kỹ thuật tối cần

của «nhập môn học» cho những sinh viên sắp nhập ngũ. Nhưng mà bấy lâu nay, tôi suy nghĩ rất nhiều về mọi phạm vi hoạt động bằng trí thức, tôi lại chưa nghĩ đến việc này. Sinh viên của tôi sắp đi làm bốn phần của công dân thanh niên. Tôi làm giáo sư của chúng, mà moi óc để tìm câu nào dặn dò chúng, tôi chẳng thấy câu nào có ý nghĩa hơn là câu

«Hãy giữ thơm quê mẹ!»

Trong khoa EOMIR, tôi tập cho sinh viên tìm có cái chìa khóa mà mở cửa, mới «nhập môn» được. Thì ở đây cái chìa khóa là bốn chữ: *giữ thơm quê mẹ*.

5-VII-1965

HỒ HỮU-TƯỜNG

Ô Lý

*ta về với gió với mưa
với châu Ô Lý ngày xưa vẫn buồn
Ngũ hành chuông vọng chiều buồn
Ái Vân mây phủ biệt nguồn từ lâu
Điện Bàn phà đổ Châu lâu
mộ bia xiêu lệch đá màu rêu phong
quế cau tâm sự nảo lòng
rượu cần một bữa sưỡi lòng quê hương
khóc thầm tiếng khóc lên đường
hỡi Châu Ô Lý ta thương nàng hoài*

THÙY DƯƠNG TỬ

BẾN TRE • nhất hạnh

(ghi nhận địa lý văn hóa)

Qua bắc Mỹ-Tho, tôi không thể ngồi yên trong xe hơi, dù trời đang nắng chang-chang. Nước sông Cửu-Long chảy cuồn-cuộn như thế kia, tiếng sóng đập vào mạn thuyền dạt-dào như thế kia, làm sao ngồi yên trên nệm xe cho được? Tôi ra trước mũi thuyền, nhìn con thuyền rẽ sóng tiến tới và mê-say ngắm dòng sông đang cuồn-cuộn chảy một cách oai-hùng. Sông cũng oai-hùng như núi, mà lại hiếu động hơn núi, hăng hái nồng nhiệt hơn núi. Nước sông đỏ quá, phù-sa nhiều quá. Chẳng thế mà ngoài một phần lắng xuống các ruộng hai bên bờ sông, phù-sa Cửu-Long mỗi năm chảy ra biển và bồi cho mồm Cà Mau từ 60 đến 80 thước!

Bến-tre! Bến-tre! Tôi chẳng thấy tre đâu cả. Chỉ thấy toàn dừa. Hoặc giả tôi chỉ mới đi đến trung-tâm của tỉnh Kiến-Hòa mà chưa được nhìn tận những miền quê xanh xanh của xứ Trúc-Giang nên không thấy tre chẳng? Cô bé Diệu Hỷ khoe rằng chính cô ta đã chặt hết tre ở trong tỉnh và

đặt cho Bến-tre một cái tên khác: Bến dừa. Mà thật, cái món quà đầu tiên tôi nhận được của Trúc Giang là một ly nước dừa — nước dừa chứ không phải nước tre. Hay chính Diệu Hỷ nói đúng?

Nhưng ấn tượng con sông đỏ chảy cuồn cuộn trong mùa nước lên vẫn còn sâu đậm trên tâm hồn tôi, khiến tôi không thể ngồi đấy mà nghĩ mãi đến tre và dừa! Tôi chưa đến Bến-tre lần nào nên những tiếng Bến-tre, Kiến Hòa, Trúc Giang chẳng cho tôi được một khái-niệm rõ-ràng nào về cái xứ mà các thầy Huyền Vi và Thanh Từ đã tỏ ra có nhiều thiện-cảm. Dòng sông cuồn-cuộn kia đã nói rất nhiều với tôi về khu-vực Bến tre. Tôi nghĩ đến cuộc đời trên sóng của dân chài bốn mặt sông và một mặt biển. Hình ảnh của con sông Cửu Long cuồn cuộn chảy là hình ảnh của những cuộc đời sẵn sàng lặn xả vào hành động. Hành động, phải hành động dũng cảm. Phải sẵn sàng đối phó. Phải trào lên, phải dâng cao. Phải xấn cao hai tay áo, đi vào cuộc sống một

cách tích-cực. Từ những cánh đồng nước mặn, từ những khu-vực sống bằng ngư nghiệp, từ những quận-lỵ Bình-Đại, Giồng Trôm, Ba-Tri, Thạnh Phú, Chợ Cái Quao, Mỏ Cày, sức sống trào lên theo những con đường xuôi về tỉnh lỵ như những gân máu chạy về trái tim. Sức sống của những bàn tay nông dân thực thà, hăng hái, gan dạ, quả cảm đã biểu lộ rõ ràng trong dòng sinh hoạt lịch sử Bến-tre. Trước kia có vài lần tôi đã nghe nói thoảng về Bến tre. Một anh sinh viên nói : dân Bến tre gan dạ và liều lĩnh lắm. Thịnh thoảng gặp những người Bến tre tôi để ý nhìn vào mắt họ xem có gì gan dạ và liều lĩnh như lời anh sinh viên kia nói không. Nhưng khó quá, điều đó quả thực khó quá. Tôi không thấy gì được bộc lộ rõ ràng. Hay những người tôi đã gặp toàn là Phật tử. Tuy thế điều chắc chắn nhất mà tôi đã nhận xét được là những người Bến tre tôi gặp gỡ và quen biết đều thuộc về hạng những con người hành động, thực tế nữa. Bến tre nằm trong lòng những con sông chảy xiết, cuộn cuộn, hùng vĩ. Một buổi sáng tinh sương, chúng tôi đứng trên bến dò Hàm luông. Sông rộng và chảy mạnh quá, nước vẫn cuộn cuộn, dỏ ngầu. Gió lộng. Mọi người sang sông đều có dáng điệu vội vã, lạnh lẽ, giản dị, dáng điệu ít thấy ở cầu Trường Tiền, hồ Trúc Bạch. Sống bên những dòng sông như thế và qua lại trên những dòng sông trùng trùng gợn sóng như thế, làm sao có thể trở thành ủy mỵ và xa thực tế cho được ? Cho nên người Bến tre, nếu quả đã là những con người hoạt động thì tôi cũng tin như anh sinh viên kia rằng họ có thể gan dạ và liều lĩnh lắm. Mà hình như truyền thống anh dũng

của người dân quê Bến tre cũng chứng minh điều đó. Phan-thanh-giản có phải là người Bến Tre hay không, tôi quên mất. Mà những «ông già Ba-tri» khắp xứ thường hay nói đến có phải là những ông già tuổi tác nhưng quốc thức gan dạ, uy-vũ bất năng khuất như nhà chí sĩ họ Phan ?

Thế giới chia làm hai khu vực văn minh : văn minh lục địa và văn minh hải đảo. Ở những khu vực văn minh lục địa — nhất là ở các miền núi non, con người ưa tĩnh, sống nhiều với suy tư nội 'ư'ng hơn là ào ạt hành động. Đó là nền văn minh đạo-học. Còn ở những khu-vực văn-minh hải-đảo, con người ưa sinh hoạt ngoại hướng hơn, thích hoạt động hơn trăm mặc suy tư. Đó là nền văn minh khoa học kỹ thuật. Điều ấy là một sự thực địa-lý văn-hóa. Đức Khổng-tử ngày xưa đã nói thật đúng : «con người ưa đạo-đức nội hướng thì ưa sống ở núi, con người ưa hành động trí-lược thì ưa sống ở sông biển» (nhân giả nhạo sơn, trí giả nhạo thủy). Những nước kỹ nghệ phát triển sớm nhất là những nước thuộc khu-vực văn-hóa hải đảo, xung quanh là nước và nước : Anh quốc, Nhật bản chẳng hạn. Những xứ đi sâu vào đạo đức nội hướng nhất là các nước thuộc khu vực văn hóa lục địa, nhất là sơn cước : Miến điện, Tây Tạng chẳng hạn. Thảo nào thầy Thanh Từ đã chạy thẳng lên núi để gia nhập khu vực văn hóa tâm linh nội hướng !

Còn Bến Tre ? Lục địa hay hải đảo ? Chắc chắn là hải đảo rồi, vì xung quanh chỉ là nước và nước. Đại dương hùng vĩ và những dòng sông cuộn cuộn trôi mau.

Tôi nghĩ đến những câu thơ Hoàng Cầm
ca ngợi sức sống khi nhìn qua sông Đuống :

Vì ánh sáng lên rồi
Chân trời đã tỏ
Sông Đuống cuộn cuộn trôi
Đề nó cuốn phăng ra biển
Bao nhiêu xương thịt tơi bời
Bao nhiêu nước mắt
Bao nhiêu mồ hôi
Bao nhiêu bóng tối
Bao nhiêu cuộc đời.

Lời thơ cũng cuộn cuộn như dòng sông
đỏ chạch. Buổi sáng đi thăm bến Hàm
Luông về, tôi nói « Nước sông đỏ quá.
Diệu chương nghĩ rằng tôi chê con sông
không đẹp. Đâu có phải chỉ có những con
sông trong nhìn suốt tận đáy, chảy mờ
màng như con sông Hương mới đẹp ? Cái
đẹp của dòng Cửu Long là cái đẹp của
người dũng sĩ hùng mạnh, bất khuất, hăm
hờ tiến đến lấp bằng mọi trở lực dằn trải
trước mặt mình. Con sông Hồng Hà cũng
đỏ chạch, cũng cuộn cuộn chảy nhưng về
đến Yên Bái thì đã đục dần, cho đến khi
tới Việt Trì thì đã trở nên hiền-lành trên
đồng bằng phì nhiêu Bắc Việt. Đến Hà nội
con sông chảy chậm hẳn lại vì chỉ còn cao
hơn mặt biển vào khoảng mười thước và
uốn quanh Hà nội trước khi trôi ra biển cả.
Khúc sông Nhị Hà ấy, cũng như con sông
Hương, đã hiền lành quá, và thoa dịu lòng
người. Điều đó cắt nghĩa tại sao mảnh đất
Huế nghèo nàn căn cỗi, mảnh đất đòi hỏi
người dân phải làm lụng toát mồ hôi trán,
phấn đấu mãnh liệt với cái nghèo, mà còn
có thể tạo nên được những nếp sống tình

cảm êm đềm, thấm nhuần nội-hướng, và có
khi lãng-mạn nữa.

Dòng Cửu long ngàn năm vẫn oai hùng
vẫn hiếu động không ngừng. Con sông Tô-
lich, con sông nổi tiếng trong lịch-sử bây
giờ chỉ còn là một dòng nước đen ngòm
nhận nước cống hôi hám của thành-phố Hà
nội chảy ra để đặc-chế thành các thứ muối
bay ào ạt vào những miệt ngoại-ô của xứ
ngàn năm văn vật. Nhưng Cửu long giang
vạn đời sẽ không mất vẻ oai hùng của nó,
sẽ không bao giờ trở thành một dòng sông
tăm thường và «thoái-hóa» như vậy. Người
dân sợ hai nước lụt sông Hồng như sợ hai
một vị hung thần ; dòng Đồng Nai miền
Nam cũng đã nhiều phen gây ngập lụt nặng
nề. Nhưng sông Cửu long mãi mãi vẫn là
phúc thần của dân chúng bởi vì Biên Hồ
Cao-Mên đã đón nhận nước nguồn tràn
về khiến cho miền Nam không bao giờ
phải nhìn con sông oai hùng kia với một
niềm sợ hãi oán thù.

TRỞ về với Bến tre ta thấy Bến tre thuộc
về khu-vực văn minh hải-đảo, mấy mặt
sông và một mặt biển bao quanh. Người
Bến tre là người hoạt động, liêu lĩnh, gan
dạ. Nhưng có điều lạ là sức-mạnh hoạt động
đ-ạt đã không tràn-lấn và cuốn phăng được
nếp sống nội hướng thâm trầm của truyền
thống dân tộc Việt Nam. Trên cành lá Bình
Đại, Giồng Trôm, Ba Tri, Thạnh Phú, Mỏ
cày... đóa hoa tình lý đã nở ra một cách
hơi khác thường.

Như đã nói, tôi từng gặp một số người
ở tỉnh lỵ Bến tre. Người nào cũng hoạt
động, thực tế, lạnh lẽ, giản dị. Nhưng có

những người đồng thời chứng tỏ có khả năng suy tư nội hướng, và có những sinh hoạt tình cảm khá sâu đậm, dồi dào. Tôi đã nói chuyện với Minh Hạnh, con người thông minh hiền hậu, rất giàu hiểu biết và tình thương, biết lo lắng cho người xung quanh đau khổ. Tôi đã đọc những đoản văn của Diệu Chương, người Phật tử chủ trương tình thương là động lực cho mọi hành động, và đã cố gắng thực hiện điều đó. Vài người sinh viên trong những bài văn gửi cho tôi sau khóa giáo lý, đã chứng minh khả năng suy tư sâu sắc của mình. Và còn bao nhiêu người khác nữa... Cho nên tôi không ngạc nhiên mấy khi trông thấy chiếc hồ xinh xắn nằm gọn trong lòng tỉnh lỵ. Nước sông ngoài kia đỏ đục bao nhiêu thì nước hồ ở đây trong xanh bấy nhiêu. Nước sông ngoài kia cuồn cuộn nổi sóng bao nhiêu thì nước hồ ở đây im lặng hiền lành bấy nhiêu. Ở đây, ta tìm thấy được lòng mình, ta không bị cuốn phăng theo dòng hành động thiếu suy tư. Đứng nhìn mặt hồ yên tĩnh, tôi nghe gì? Tiếng chuông khoan thai dịu dàng thấm vào lòng người. Tôi trở về với tâm hồn tôi, hướng về nội-giới. Tôi thấy tâm hồn tôi an-tĩnh, trong lặng, sáng tỏ, chan chứa tình thương. Ấn tượng về dòng sông cuộn chảy ở bên bờ Cửu Long đã trở nên mờ nhạt, êm dịu. Và tôi thấy tôi thiết-lập được sự thăng bằng trong tôi, *không hoàn toàn mê man trong hành động, cũng không lãng chìm tiêu cực trong suy tư nội hướng.*

Y báo của Bến Tre đã giúp cho Bến Tre không hoàn toàn say mê buông theo hành động. Mặt hồ trong lặng kia, tiếng

chuông chùa hiền dịu kia, và đây nữa, những thân cau cứng cáp vươn mình thẳng lên không gian nắng chói kia đã là những nhân-tố thiết yếu giúp cho con người thị xã lập lại được thăng bằng giữa nội hướng và ngoại hướng, giữa suy tư và hành động. Nếu ta chìm đắm trong nội hướng và tình cảm, ta sẽ dễ dàng bỏ xa thực-tế, xa cuộc sống đấu tranh hôm nay. Nhưng nếu ta say mê buông theo hành động mà không có được một nội dung lý trí tình cảm chân thực sáng tỏ dẫn dắt, ta sẽ dễ dàng đi lạc hướng, bị lợi dụng, nghe theo lời thúc giục đường mật của những kẻ muốn lợi dụng ta để mưu đồ những gì trái với ước nguyện ta, ước nguyện của những con người muốn sống đầy đủ cuộc đời của chính mình. Cho nên ta phải ngàn muôn năm yêu quý mặt hồ thanh-tĩnh, yêu quý tiếng chuông nội hướng hiền dịu, yêu quý những thân cau vươn mình thẳng tắp tới ánh sáng mặt trời.

Nhưng hãy khoan tự hào, hơi mặt hồ, tiếng chuông và những thân cau kia! Ta sẽ nói những khuyết điểm của các người. Này nhé : hồ tuy xinh nhưng bờ hồ không đẹp. Ta không đồng ý với người khi thấy người bằng lòng nhận lãnh chiếc cầu sơn đỏ và mái thủy-dình bát giác lỗ lã kia. Không! Người không biết gì cả về chiếc cầu Thê Húc và đền Ngọc Sơn. Những bóng hình ấy của cố đô đã làm ta cảm động không cùng khi trông thấy chúng. Đó là những bóng hình cổ-kính, nghiêm-trang, nói lên được truyền thống văn-hóa sâu-sắc và tốt-đẹp của dân tộc qua bốn nghìn năm lịch sử. Mái thủy-dình và chiếc cầu đỏ của

người phản chiếu một niềm tin mong manh ở cuộc sống hiện tại, những ý-tưởng phù-hoa, mất gốc — đã không gọi được trong ta niềm kính yêu hoài vọng, một niềm tin-tưởng ở trí-năng và cảm-năng của dân tộc. Nếu ta mà có phép thần ta nhất quyết sẽ dựng nên giữa lòng người một ngôi cồ-tháp hoặc một văn miếu, một đền thờ Hùng Vương hay một ngôi chùa Diên Hựu (một cột) ; chiếc cầu cong sẽ mang màu sắc dịu hiền cổ xưa của kiến trúc truyền thống :

Ta giạt mình nghe muôn điệp khúc
Trong lòng đô thị đứng nghiêm trang
Cầu Long biên với cầu Thê Húc
Bền sắt tươi son hẹn đá vàng.

(Vũ hoàng Chương)

Nhìn thấy hình bóng đó, ta sẽ thấy hồn ta dịu lại, lắng xuống, và một niềm tin sẽ được đúc-kết trong lòng ta. Có như thế, sứ mạng của người mới được hoàn thành, bởi vì ta muốn mặt nước của người sẽ khỏi phải phản chiếu những bóng hình nhất thời và lạc lõng.

Và tiếng chuông dịu hiền kia ơi, khi tìm tới người, ta đã không trông thấy những gì như ý ta mong ước. Chùa ở đây được kiến tạo do công phu của những con người Phật tử thuần kính và giàu tâm đạo nhưng đã không nói lên được nhiều những dòng sinh hoạt văn hóa phong phú của truyền thống tâm linh. Cho nên nhìn màu sắc, cách trang trí, kiến trúc, ta còn cảm thấy hồn ta lạc-lõng. Mỗi đường nét, màu sắc, hình thái kiến trúc cần diễn tả được ít nhiều đặc tính trầm lắng đại hùng của đạo

Phật, và mái chùa sẽ phải là nơi un-dúc sức sống tâm linh, nội quán. Hình thức ngôi chùa cần gây cho ta một ấn tượng dịu hiền, sáng đẹp, an lành. Khung cảnh thanh tịnh trang nghiêm quả là cần thiết để nuôi-dưỡng nội-quán tâm linh, để ta nắm được chính lòng ta, ta hiểu được chính hồn ta, để ta khỏi ngập tràn trong ngồn triều ngoại giới. Kiến trúc, màu sắc, trang trí cần phải được chọn lọc và hòa hợp hơn nữa.

Và cuối hết là những thân cau cao vút kia. Ta rất có cảm tình với những hàng dừa nghiêng mình soi bóng duyên dáng trên nước sông, nhưng riêng đối với các người những cây cau cao vút đang vươn mình thật thẳng trong nắng mai, ta thật rất có tiền duyên. Không riêng ta mà tất cả những ai yêu mến đạo Phật đều thích ngắm nhìn bình bóng của những thân cây thẳng thắn và cao vút. Những thân cau đã tạo nên cho thị xã Bến tre một vẻ đẹp nghiêm trang. Ở các chùa miền Bắc, chùa nào cũng thích trồng cau ; và cau được trồng thành hàng rất đúng chỗ, rất có nghệ thuật. Ở miền Trung và miền Nam, các chùa cũng có cau. Riêng ở miền Trung các vị tăng trưởng vị nào cũng thích trồng trong sân chùa những cây sến cao chót vót. «Sến» là một thứ cây gỗ chắc như sao, nhưng vươn lên thẳng tắp và rất cao. Chùa nào cũng thích trồng sến, thầy nào cũng yêu cây sến. Phải chăng hình bóng cau và sến đã diễn tả được ý-hướng muốn vượt lên cao-cả của những tâm hồn mến đạo ? Nhưng cau ở Bến Tre còn ít và chưa được trồng đều đặn và đúng chỗ. Quanh hồ nếu có cau chắc hồ đẹp lắm.

Tôi đã nói chuyện say mê với mặt hồ, với tiếng chuông và với những cây cau. Sao mà hôm nay tôi đòi hỏi nhiều quá. Nhưng hãy để cho tôi đòi hỏi như vậy, dù sự đòi hỏi đó có vượt quá sức cố gắng của mọi người. Nếp sống đạo Phật cần phải được vun bồi hợp-lý, hình thái sinh hoạt Phật giáo phải được tổ chức hợp lý để đạo Phật có thể kiến tạo cho Bến Tre một sức-sống tâm linh đầy đủ để hướng dẫn khả năng nhập thể hành động ào ạt của những con người ham thích sóng gió đại dương, của những dòng sông cuộn cuộn chảy.

Con người là kết-quả của nghiệp nhân mình, cả chính báo, y báo, cả tâm lý, vật lý xã hội, hoàn cảnh, khí hậu... Khí thiêng của đất nước góp một phần lớn trong sự hình thành con người Việt Nam. Nếu nghiệp báo gồm chính báo và y báo, thì ngoài phần sự thay đổi chính báo ta cũng nên nghĩ đến sự thay đổi y báo. Bởi vì chính báo quy định một phần y-báo và y báo cũng quy định một phần chính-báo. Con người được un đúc do nội-tâm, do đạo đức, do trí tuệ, tình cảm, nhưng con người cũng được quy định phần nào bởi kinh tế, chính trị, phong tục, sông núi. Sửa sang bồi đắp những hình thái y-báo, tạo dựng những ngôi chùa có không khí thanh tịnh, trầm hùng, trồng những cây cau đứng hàng đứng lối, sửa sang một mặt hồ... những điều hình như nhỏ bé không đáng kể ấy lại có thể có những giá-trị quyết-định đáng kể. Cổ nhiên địa linh sẽ có nhân kiệt mà vì nhân kiệt nên địa cũng sẽ linh.

Mặt hồ trong lặng : hình bóng của thanh tịnh, của tâm hồn không xao-động. Tiếng chuông : tiếng gọi của lòng từ bi hiền dịu,

nội hướng thâm trầm. Những thân cau : ý-hướng thẳng hóa cuộc đời, vượt khỏi những thấp kém của dục-vọng đen tối. Bồi đắp những thứ ấy cũng là bồi đắp cho tâm hồn mình. Hãy trở về nội quan, đắm mình trong suy tư, tìm thấy bản thân mình. Rồi hãy đi về vạn nẻo trong lòng quê Bến tre, theo những đường gân chạy về các quận-lý, sâu vào miền đồng chua nước mặn, sâu vào sức sống dân quê. Những Phật tử nào có duyên được thấm nhuần ý hướng lợi tha, được dẫn dắt bởi một tâm hồn biết thương yêu, bình thản, biết nhận định hướng đời, sẽ phải mang sứ mạng đi sâu vào lòng dân chúng, thương yêu, hướng dẫn họ : sức mạnh của người dân nếu được lý trí Phật giáo soi sáng, sẽ kiến tạo được một nếp sống an lành, xa lìa mọi ý niệm lợi dụng căm thù. Có hai thái độ cần phải đánh đổ : một là đại đột cản ngăn sức sống rào rạt của triều hoạt động luôn luôn dâng trào hai là lợi dụng sức sống buông thả say mê trong hành động ấy để mưu đồ cho tư kiến và tư lợi. Phải trao truyền cho họ sự bình tĩnh của lý trí nội-hướng để họ sáng suốt hành động xây dựng cho cuộc đời, cho hạnh-phúc an lành và chân thực của họ.

Những giờ thăm viếng Bến Tre đã trôi qua. Trên bắc sông Cửu Long, tôi mở cửa xe, đứng say mê nhìn dòng nước sông cuộn cuộn chảy. Gió lộng. Nắng gay gắt. Diệu Tín và Diệu Hương lấy làm lạ, có lẽ đang tự hỏi không biết sao tôi lại không ngồi trên xe cho khỏi nắng mà lại ra đứng ở đầu mũi thuyền. Ngồi trên xe sao được, khi dưới chân mình nước sông đang cuộn cuộn hùng vĩ chảy như thế kia ?

Gò vấp, mồng ba tháng bảy Tân Sửu

Hồ sơ văn nghệ

TRONG VĂN NGHỆ

CÓ VẤN ĐỀ

«GIẢI QUYẾT» VÀ

VẤN ĐỀ «HƯỚNG LÊN»...

Tam Ích

Tôi nói *«Trong văn nghệ»*... vì vấn đề này lồi vào vòng ba giới : giới sáng tác, giới đọc sách và giới xen vào giữa là giới phê bình...

Người sáng tác thì tự mình đòi chính mình phải viết như thế này phải viết như thế nọ... cho sách *hay* — người đọc sách, trong đó có cả người của chính-quyền nếu chính quyền đó là chính quyền đòi có mặt chẳng hạn, thì đòi ở người sáng tác một số nguyên tắc phải theo để thoả mãn ý-thức-hệ chính thức, — còn nhà phê bình thì chiều theo đòi hỏi của thời đại, chờ ở nhà sáng tác những tiểu thuyết, những kịch phẩm, những bài thơ... *hay*. Cứ dùng chữ *hay* là đủ, là gọn : riêng một chữ *hay* không cũng đã chứa cả một dung-tích cứ nghĩ tới là nhà sáng tác đã phát... lạnh xương sống !

•

Số là ngày xưa, vào những năm 1948 1949, 1950, những năm trước khi đi tù,

tôi có viết một số bài *phê bình*, và *khảo-luận* về văn nghệ. Ở đời nó vậy, hễ mới tập tành theo một *thuyết văn nghệ* nào đó... thì bao giờ cũng say mê và làm mất... nghiêm khắc (rigorisme) — mãi sau này tôi mới thấy cái... lỗi của chính mình, chính mình đã «ấu trĩ» trên cương vị một nhà phê bình. Nói quả tình hồi ấy có một vài bạn trẻ lại cho tôi là... đúng mới là cơ khổ chứ ! Khi viết, tôi tập tành áp dụng *duy-vật biện-chứng-pháp*, và tôi đòi thiên hạ phải theo *tả-chân xã-hội* (réalisme socialiste) làm khuôn thước văn nghệ. Rồi cứ mỗi cuốn tiểu thuyết ra đời, tôi lại đưa cái chủ quan của tôi ra, hướng hết mọi luận cứ về mấy nguyên tắc mà tôi mới học được, rồi phê-bình rằng cuốn này không *giải quyết* gì cả, cuốn nọ không đưa ra một kết luận gì cả, tác giả không gọi một biện pháp nào cho *vấn đề đặt ra* trong tác phẩm... nghĩa là, như tôi đã nói, tác-giả không *giải quyết* gì cả... Rồi tôi vác khuôn vàng thước ngọc *duy-vật biện-chứng* ra mà múa — mỗi mỗi đều cho rằng phải

thể này mới là văn nghệ, phải thể kia mới là văn nghệ... Làm như nhà văn nghệ là một đấng tối cao — *giải-quyết* hết mọi vấn đề và muốn *giải-quyết* là được. Rồi tôi cho rằng sách mà không *giải-quyết* là sách dở...

Đấy, cái bệnh «ấu-trĩ» văn-nghệ (infantilisme littéraire) của chính tôi là bệnh *giải-quyết*. Trước tôi có một người giỏi hơn tôi là Trương-Tửu Nguyễn-bách-Khoa. Trước Trương-Tửu có một người giỏi hơn Tửu một vạn lần là Paul Lafargue. Trước Paul Lafargue có một người, tuy là ông tồ phê-bình duy-vật biện-chứng nhưng lại mềm dẻo hơn, là Taine : té ra những kẻ sinh sau Taine lại «bảo hoàng hơn vua» (plus royaliste que le roi) mới là hài hước !

Đến đây, tôi xin nói ngay rằng phải đề những nhà *phê-bình cộng-sản* (critique communiste) ra một bên — họ khe khắt là phải vì ở vị-trí họ, với lăng-kính họ, với cái vạn-hoa-kính của họ, họ phải *nhìn* văn nghệ thiên hạ như vậy cho hợp với ý-thức hệ của họ — chúng ta không nên trách. Chớ Trương-Tửu và tôi, thì việc gì mà cũng mặc áo duy-vật biện-chứng vào rồi thì phê thể này phán thể nọ ? Chẳng qua chỉ đề làm cái mặt «độc-đáo», cái mặt thông thái, cái mặt «hợp thời trang» mà thôi !

Tôi phải xin nói ngay rằng tôi không kết án cái phương pháp *duy-vật biện-chứng* trong văn nghệ, tôi không chống, trái lại, tôi còn cho nó là một tác-phong phê-bình cổ giá-trị, nó phong-phú-hoá thông-minh con người và *văn-hoá-tính* của lịch-sử. Tôi chỉ muốn nói rằng nên dùng nhưng phải dùng cho mềm dẻo, cho linh động : Chúng

tôi hồi đó chỉ theo một mớ *giáo-diệu* mới là tai ác chớ ! Cái gì cũng do kinh-tế mà phát-sinh... Ừ thì văn hóa là sản phẩm của kinh-tế thì tương đối đúng rồi, chứ còn có phải cái gì cũng vì kinh tế mà phát sinh đâu ! Một cuốn sách ra đời : kinh-tế. Một chi Năm ngả ba chú Áa gây lộn : kinh-tế. Ăn cơm với mắt bò học : kinh-tế... Mỗi mỗi cái gì cũng đều là vì kinh-tế mà có : nhai mãi mãi cái nguyên-tắc *kinh-tế* và *xã-hội*... phát chóng mặt !

Thật ra, cái việc *giải quyết* một vấn đề rắc rối đặt ra trong một cuốn tiểu thuyết, trong một kịch phẩm, cái việc gợi ra một biện pháp *luân lý* — xin nói lại. *luân-lý* — trong một kịch-phẩm đã đặt ra một vấn-đề luân-lý trong sách.... là việc của triết gia, của luân-lý gia, của mấy cuốn luân-lý giáo-khoa-thư, của ông Cò quận Ba chẳng hạn....

Nhà tiểu thuyết phản ảnh đời sống một cách linh động : chỉ có vậy thôi. Còn nhà tiểu thuyết làm sao đề *tác-dụng* lại đời sống, đó lại là một vấn-đề khác... Sao lại bắt Malraux phải giải-quyết cả một vấn-đề cách-mạng Tây-Ban-Nha năm 1936 trong cuốn *Hy vọng* (L'espoir). Sao lại bắt Hémingway phải giải-quyết vấn-đề nhóp-nhúa của chiến-tranh trong cuốn *Từ-giã chiến-tranh* (Adieu aux Armes)... Tôi đọc hết cuốn *Bão Tố* (La tempête) và bộ *Sóng ngầm* (Lames de fond) của Ehrenbourg, mà tôi chỉ thấy Ehrenbourg vẽ những bức bích-họa (fresques)... chứ Ehrenbourg có giải-quyết như những nhà luân lý, hay bắt chước ông Cò quận Ba phán thể này thể nọ — kẻ cả là thay mặt

Thượng-đế đề *thường* và *phạt*! Sách của Ehrenbourg chỉ là những bức bích-họa phản ảnh Âu-châu trong đệ-nhị thể-chiến và sau đệ-nhị thể-chiến. Nghĩa là Ehrenbourg là « họa-sĩ » có tài. Vậy thôi. Vậy là được.

Đã có người đem vấn-đề tinh thần nghệ phẩm ra bàn với Frédéric Fellini — mà ai cũng biết —, Fellini bèn dựng Tchékov dưới mồ dậy và viện Tchékov ra đề củng cố ý-tưởng của mình, vì Tchékov nói rằng: chúng tôi kể chuyện hai gã ăn trộm ngựa, thì chúng tôi chỉ biết kể chuyện ăn trộm — còn chuyện nhốt chúng lại hay không, là việc của ông Cò Quận Nhất hay Quận Nhì... chứ!

Tôi tán thành Tchékov và Fellini: Nhưng tôi tán thành với dè-dặt — nghĩa là thuyết văn-nghệ hay thuyết phê-bình văn-nghệ gì cũng có giá-trị cả, hay hay không là ở mình có linh động hay mềm dẻo không. Nguyên tắc nào mà đã dựng thành giáo-điều (dogme) thì cũng dở cả: áp dụng nó mà nhắm mắt lại mà áp dụng thì đều cũng là bệnh « ấu-trĩ »: ấu-trĩ (infantilisme) cho người sáng tác cứ phải theo cho đúng *giáo-điều* đề cho tác-phẩm *hay* (Rồi hay đã không hay, lại dở, đó là trường hợp cuốn *Terres défrichées* của Chokolov.). Quả tình tôi dám đem cả nhà cửa vợ con ra mà cá rằng khi viết *La Tempête* và *Lames de fond*, Ehrenbourg chưa từng theo đúng nguyên-tắc *tả chân xã hội* bao giờ! Muốn tỏ rằng đúng, tôi xin kể thêm chuyện sau đây đề bà con « thăm » và đề chứng minh rằng tôi cũng có chút tinh đời: khi Ehrenbourg đưa bản thảo cuốn *La tempête* ra giữa Hội nhà văn nghệ Xô-viết, thì toàn diện Hội văn nghệ mồm năm miệng mười, chúng khầu đồng tữ, nói rằng không

không, sách Ehrenbourg... không *tả chân xã-hội* (réalisme socialiste) một tí nào! (Mà Hội nói thật, chứ không phải Hội lầm!) Ehrenbourg bèn nói rằng: « Thừa các đồng chí, tôi đã đưa cho đồng chí Staline coi rồi, đồng chí nói rằng đó là một tác phẩm lớn! » Thế là cả Hội văn-nghệ im thin-thít — và từ đó cuốn *La Tempête* thành sách thần tượng... Mà *La tempête* lại *hay* thật! Người viết bài này đã đọc nó ba lần — ba lần.

Tôi vừa mới nói rằng ai nhắm mắt lại mà áp-dụng các giáo-điều thì đều mắc phải bệnh *ấu trĩ*: trước hết là ấu-trĩ cho nhà sáng tác. Rồi đến ấu-trĩ cho nhà phê bình cũng chỉ theo những nguyên-tắc có sẵn mà nói, và ấu-trĩ luôn cho đọc giả — trong đó có chính quyền nếu chính quyền đòi quyền có mặt — chờ ở nhà sáng tác một vụn yếu-lý: nào *đờ* nào *buộc*... làm nhà sáng tác chết cả hứng và mất cả tự do...

Bây giờ xin nói đến một tác-phong đòi hỏi thứ hai — tôi chỉ xin nói vài nếp căn bản, nếp thông thường nhất... Là tác-phong đòi hỏi *hướng thượng*. Hướng thượng nghĩa là hướng đi lên, không đi xuống « Bệnh » này có thể là một « bệnh » biến thể hay là hậu quả của « bệnh » thứ nhất.

Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa hiểu thế nào là văn-nghệ « hướng lên » trong nhân-sinh, trong lịch-sử, trong xã-hội — trong sự tiến hoá của loài người.

Vì tôi cho rằng, trước hết là chỉ có vấn-đề sách *hay* và *dở* đã. Hoặc là nó đã xong sứ-mạng lịch-sử và xã-hội của nó như tiểu-thuyết tiền-chiến của Tự-lực văn-đoàn

thì người ta không đọc nó nữa, để nó vào vị trí của nó trong thư viện. Trong trường hợp đó, không có vấn đề hay dở mà chỉ có vấn đề giá trị thời đại. Hoặc là nó là một cuốn tiểu thuyết văn chương không hay, kỹ thuật bố cục không hấp dẫn, thì người ta không đọc nó và trả nó về cho . . . tác giả nó. Trong trường hợp đó, người ta đặt vấn đề hay và dở — và đó là sách dở, dĩ nhiên.

Hoặc là nó là một cuốn tiểu-thuyết văn chương độc đáo, kỹ thuật mới — thì nếu nó phản ánh tâm trạng của thời đại một cách trung thành, thì phải cho nó là hay chứ ! Hay là chúng ta lại vác mấy nguyên tắc « giải-quyết » và « hướng lên » ra mà tuyên án thế này hay thế nọ ? *Những bàn tay nhớp* (Les mains sales) của Jean Paul Sartre, *Những kẻ tử vô địa táng* (Morts sans sépulture) của Jean Paul Sartre, *Những miệng ăn hại* (Les bouches inutiles) của Simone de Beauvoir, *Trò kháng chiến* (Drôle de jeu) của Roger Vaillant... là tiểu thuyết và kịch phẩm chứa hướng gì ? Không thể nào nói rằng đó là những sách có hướng lên được ! Ấy thế mà chúng hay vô cùng ! Thôi như cuốn *Bếp Lửa* của Thanh-tâm Tuyền mà tôi cho là một cuốn tiểu thuyết lớn của giữa thế kỷ hai mươi, thì không thể nào đem những nguyên tắc hướng lên, hướng xuống hay giải quyết ra để qui định giá trị được. Nó hay, nó có giá trị : vậy là đủ. Còn nó hay ra sao, giá trị nó ở đâu, đó lại là một vấn đề khác rồi !

Ấy là chưa nói rằng, nếu cứ nói mãi chuyện hướng này với hướng nọ, thì còn có sách gì hướng thượng hơn là truyện của tiền nhân chúng ta : truyện nào cũng

dạy siêng năng đề đầu thám hoa, để lấy con nhà càn vàng lá ngọc... — còn có truyện gì... hướng xuống — xuống rất thấp nữa là khác — hơn là *Đoạn trường tân thanh* : nếu nó có hướng lên thì những nhà chí sĩ Ngô đức Kế Huỳnh thúc Kháng... lại đã chẳng mất thì giờ đưa Nguyễn Du ra toà án văn học lịch sử — để đến đời sân khấu văn học ồ ào sôi nổi lên một đạo !

Vì vậy, chuyện hướng lên và hướng xuống thật chỉ là một vấn đề tương đối — ấy là chưa nói rằng cũng một cuốn tiểu thuyết hay một kịch phẩm vân vân... nhà phê bình — cũng như chính quyền văn học, cũng như độc giả — muốn nói nó là hướng gì cũng được : đó là tùy ở lăng kính của mỗi người, và cũng còn tùy ở lòng thương hay lòng ghét rất.. chủ quan của mỗi người.

Tôi còn nhớ cách đây mười mấy năm khi cuốn *Les mandarins* của Simone de Beauvoir được giải Goncourt, và được văn học thế giới trầm trồ, Jacques Laurent đã viết một bài rất dài, rất tàn nhẫn để dìm, lòng ghen ghét nhóp nhúa lên cuốn truyện — nào ai cấm ! Nào ! Thế thì, trong trường hợp đó, đặt vấn đề hướng ra sao ?

Cách đây mười mấy năm, khi viết một số bài phê-bình, tôi cũng đã có cái tác-phong thứ hai ấy — một tác phong thái độ văn nghệ làm cho nhà phê-bình thì làm mặt quan tòa cầm cân nảy mực, phán thế này, phán thế nọ..., làm cho nhà sáng-tác thì đôi khi sợ bị phê-bình hướng này hướng kia mà khiếp vía, vừa sáng tác vừa ngại — giữa lúc đọc giả thì cũng ngơ ngơ ngác ngác đứng đưng vậy thôi, đọc cứ đọc, xem cứ xem, theo tiêu-chuẩn riêng của họ để phê-

phán. Và giữa lúc ấy ai cũng say mê *Pour qui sonne le glas* của Hemingway, *Les raisins de la colère* của Steinbeck... mà không hiểu hai cuốn đó đã theo *hướng* gì trong văn nghệ ! Thực ra, họ cũng chẳng tìm hiểu làm gì. Hay là được ! (À, xin thêm rằng hai cuốn đó đảng cộng-sản không tha-thứ — mà lại sẵn lòng tha thứ cho Ehrenbourg không *tả chân xã hội* một chút nào ! Chuyện lạ !)

Nếu nói vậy thì rồi ra không có tiêu chuẩn văn nghệ gì sao ? Người ta sẽ hỏi vậy.

Khá rắc rối ! Loài người chia làm hai khối : tự-do và cộng sản : giữa có một biên-giới. Chân-lý lớn vật vờ không biết ngã vào đâu. Các người làm chính-trị, họ có quyền lợi của họ, họ phải tranh nhau lời *chân lý* về cho họ — *chân lý* : mặt mũi ra sao, màu sắc thế nào, dung tích bao lăm, kích-thước bao nhiêu... Nhưng nhà văn-nghệ bên nào phụng sự bên ấy, ai phụng-sự cứ phụng-sự... đã biết thế, nhưng chuyện văn-nghệ là chuyện trừu-tượng — chúng ta định *hướng* gì cho văn-nghệ ? Cái chuyện *hướng* lên và *hướng* xuống chỉ là chuyện nói cho có chuyện mà nói : một khi không biết *Les raisins de la colère* của Steinbeck hay *Drôle de jeu* của Roger Vaillant chẳng hạn — bị người cộng-sản chỉ-trích — là *hướng* gì, thì không thể dựng mấy ý-tưởng ấy thành nguyên tắc, dựng mấy nguyên-tắc ấy thành giáo-điều được ! Nếu có bạn nào cãi tôi thì tôi lại một lần nữa bỏ văn chương chữ nghĩa cơm đùm cơm gói hăm bốn giờ trên hăm bốn giờ để bênh vực cho giá-trị của hai cuốn *Les raisins de la colère* và *Drôle de jeu*..

chẳng hạn. Ấy là chưa nói rằng, không bao giờ có một cuốn «văn phạm» văn-nghệ nào qui-dịnh *hướng* này *hướng* nọ cho tiểu-thuyết, cho kịch-phẩm, cho thơ — trừ mấy cuốn giáo-lý của đảng cộng-sản họ làm ra cho người của họ, dân-tộc của họ... xem và theo !

Thực ra thì chỉ có vấn-đề *tinh-thần* của nghệ-phẩm mà thôi — của những tác-phẩm *hay*. Hay trước đã : rồi nói chuyện *tinh-thần* sau. Tiếng Pháp gọi là *esprit* : *esprit du roman, esprit d'une pièce de tragédie*... Gọi là *tinh thần* cũng được, gọi là *ý-thuyết* cũng được — đó là cái Ý thoát ra, vọng lên tỏa ra từ nghệ-phẩm.

Người đọc, đọc xong sách, bị *vướng* một cách ám-ảnh bởi một cái ý gì đó; một cái hình gì đó, một cái bóng gì đó, một cái lẽ gì đó — có thể đó là một âm-thanh ám ảnh thính giác, một màu sắc ám ảnh thị-giác, một ý-tưởng ám ảnh thông-minh — một tiếng kêu thương, một lời than thở, một cảnh đau lòng — mà cũng rất có thể là một niềm vui gây hăng hái... Nhất là nó *ám ảnh... ám ảnh...*

Tôi xin viện chứng có đề cụng cổ cái «thuyết» của tôi : tôi thì tôi đề cao cái *hay* trước, rồi tôi đề-cập tới cái mà tôi gọi là *tinh thần* hay cái *ý-thuyết* của tác-phẩm sau.

Này nhé. Đọc xong *Vang bóng một thời* của Nguyễn-Tuân, chúng ta thấy khí-hậu sĩ-phu tín-dồ của Trang-tử Liệt-tử thiệt là đẹp — một thứ đẹp kín đáo, xa, trừu tượng, đem người gần lại, đem người thân mật hơn với

cờ nhân Dù có ai ghét giai-cấp sĩ-phu cũng phải thấy phát sinh trong lòng một niềm tôn-kính xa xôi — xa xôi lẫn nhớ, lẫn tiếc, tiếc thương những gì đã dứt trong thời gian..

Đọc xong *Cô gái giang hồ có lễ-dộ* (La putain respectueuse) của Jean Paul Sartre, chúng ta thấy thương cho cả một dân-tộc chỉ vì khác màu da với màu trắng mà bị hành hạ... và chúng ta buồn quá, buồn quá cho cả một dân-tộc có cả một nền văn minh lớn dùng ba tấc lưỡi... — buồn cho cả một nền công-lý, một nền tư-pháp,.. mà ra nông nổi ấy à ?

Đọc xong vở kịch *Đại-úy Foster* thừa nhận mình có *tội ở tòa* (Le capitaine Foster plaide coupable) của Roger Vaillant, chúng ta thấy thương cho dân-tộc Đại-Hàn — ghét cả cái lũ tư-bản-dân-tộc làm giàu bằng chiến-tranh xây tà! sản trên xương máu đồng bào...

Đọc xong *Chùm nho uất hận* (Les raisins de la colère) của John Steinbeck, chúng ta có thiện-cảm muốn gần những người nghèo ở miền Tây-Hoa-kỳ nạn nhân của máy móc...

Và đọc xong *Kháng chiến gì lạ quá* (D'île de jeu) của Roger Vaillant, *Chuông cáo-phó đánh cho ai* (Pour qui sonne le glas) của Hemingway, chúng ta thấy muốn cùng tranh đấu với «maquisards» của Pháp và của Tây-Ban-Nha... cho *tự-do* của loài người...

Và trở lại với văn-học chúng ta thêm 1 lần nữa, đọc xong *Bếp-lửa* của Thanh-tâm-Tuyền, chúng ta thấy muốn gần cả một thế hệ thanh-niên một sáng... bị ném ra giữa nhân-sinh với tất cả những băn khoăn thao

thức, với tất cả những lạc-lơng giữa một bối cảnh lịch sử và xã-hội tan vỡ chung — ta là ai, người là ai, đâu đây, trước ta có ai, sau ta đương làm gì, người tiền bối và người đàn anh để lại một thứ «gia tài» tan vỡ nhớp nhúa không kèm di-chức... Lòng chúng ta buồn, lòng chúng ta giận : giận ai, buồn những nỗi niềm... nhưng buồn ai giờ đây, — hay chỉ giận chính mình ?

Rồi chúng ta trở qua Tây-Ban-Nha, đọc *Hết hy-vọng* (La fin de l'espoir) của Hermanos (do Jean Paul Sartre đề tựa) đề kêu thương với cả một dân-tộc bị tàn sát vì tranh đấu cho tự-do... Thương cho chàng Hermanos và giận cho những dân-tộc giả điếc làm ngơ khi... thiên hạ kêu thương — buồn mửa cho sự giả dối trơ trẽn trắng trợn của những dân-tộc gọi là dân chủ — có thêm ấn tượng rằng nhà triết, nhà văn, nhà thơ... kẻ cả nhà viết sử cứ cao đàm hùng biện rằng *con người* là có giá trị «nhân bản» lắm lắm, con người là đáng quý nhất và quý nhất trong vạn vật, thực ra *con người* cũng chẳng có gì là... đáng. Ấy chẳng qua con người tự phụ đó mà thôi — mà thôi: có ra cái quái gì cái giống người — giống khỉ, giống dơi, giống cá lóc, giống kiến : kiến chết từng bầy thì *người* cũng chết từng bầy, kiến cắn kiến thì người cũng cắn người, kiến cắn kiến kiến không kêu, người cắn người người lại nói nhân đạo và diễn thuyết... Chúa Ky-tô vẫn thương con người nhiều, Phật-tổ vẫn dạy con người vo cho tròn quả phúc ! Nhưng con người ăn ở với *mình* với *người* như vậy mà đòi đủ thứ : đòi hạnh-phúc, đòi thiên-đường, đòi nát-bàn... đòi đủ,

đòi không được cũng khóc như con nít vậy — khóc mà ai thương !

Vậy chứ trong những cuốn tiểu-thuyết và những vở kịch tôi đã kể đó, 'thiên-hạ đặt vấn-đề *giải quyết* và vấn-đề *hướng lên* và *hướng xuống* ra sao ? Đặt ra sao, đặt vào chỗ nào, đặt ở đâu cho chúng chỗ, đặt thế nào cho hợp tình, hợp cảnh — nhất là hợp với *thông-minh* hiểu biết của mọi người : cần phải hợp lý, đừng ép, đừng gượng, cho thoả mái dễ hiểu, đừng phiến-diện, đừng chủ quan vẩn vơ...

Ấu-trī thay : ấu-trī cho người sáng tác, cho người đọc, cho nhà phê-bình. Văn học ấu châu có. Mình cũng có...

Tốt hơn là nên học bài học của thiên hạ : nên trưởng thành (maturité) — vượt giai-đoạn ấu-trī (infantilisme) vẫn hơn !

Thực ra, chỉ có sách *hay* và *dở*, *hay* hay *dở*. Hễ *dở* thì loại đi : người sáng-tác đừng sáng tác như thế như thế — văn không hay, kỹ-thuật kém — thì người đọc khỏi phải đọc, và phê-bình gia khỏi phải mỗ; lúc đem khuôn vàng thước ngọc ra đòi thế này, đòi thế kia..... làm nhà sáng tác hết vía !

Còn nếu *hay* thì tìm xem tác-giả muốn nói gì : nói một cách khác, coi tinh-thần sách (esprit de l'oeuvre) là gì, Tác giả muốn nói ý gì, bày *cảnh* gì, phản ảnh *tình* gì — tác phẩm chỉ là một lợi khí có giới hạn, không thể một lúc mà nói cả một vạn chuyện, phản ảnh cả một vạn tình vạn cảnh, chứa một vạn ý, ghi cả một vạn câu

danh-ngôn. Không thể đòi nhiều quá ở nó được !

Nó gây được một niềm vui cho lòng ấm lên : nó gây được sự căm-giận những bất công ; nó gây được sự nôn mửa... trước những cảnh nhớp nhúa về tinh thần : bất-nhân, bất-nghĩa, phi đức, phi-chân, phi-mỹ ; nó phản ảnh được máu xương gọi lòng trắc ẩn... ; nó dục lòng hăng hái, thúc đẩy sự nhiệt-thành — vân vân — ấy là sứ mạng nó đã xong.

Sách có hay mới gây được một trạng-thái tâm-lý như vậy. Người viết có giỏi, viết giỏi, bố cục giỏi, mới tạo xao động trong lòng người, bất kỳ là xao động về hướng nào...

Người viết không nên cho rằng mình phải làm đủ thứ một lúc — người đọc đừng đòi nhiều — người phê bình đừng mặc áo cà sa hay áo quan tòa làm nhà sáng tác mất hứng thú, hết vía... Vậy là đủ. Vậy là tránh được những bệnh 'ấu-trī' trong văn-nghệ : tránh cho nhau và tránh cho chính mình.

Và người viết bài tiểu-luận khiêm tốn về văn-nghệ này xin nói một ý cho hết ý — kéo bị hiểu lầm. Ở đời cũng có những sách : tiểu thuyết, kịch-phẩm, truyện ngắn, thơ... không có tác dụng tốt ! ấy là những sáng tác tạo ra một cách chói lợi những *người*, những *tình*, những *cảnh*,... lành mạnh một cách *đối*... Thanh-thiếu-niên là hạng người dễ bắt chước, dễ mơ ước, dễ lấy nhân vật trong sách làm thần tượng (mythe). Tâm hồn họ như một tờ giấy trắng — trong như pha-lê : khí hậu bên

ngoài dễ thấm dễ vào... Cái may nhất cho thanh niên giữa tiền bán thế-kỷ hai mươi là Dũng và Loan trong *Đoạn-tuyệt* chẳng hạn lại là những nhân vật lành-mạnh vô cùng. Vạn nhất — nói ví-dụ mà nghe chơi — nếu hai nhân vật ấy mà lại thiếu sức khoẻ tinh-thần, thì hai cuốn *Đoạn - tuyệt* và *Đôi bạn* đã lấp chỗ trống của bao nhiêu tâm-hồn trẻ tiền bán thế kỷ hai mươi, đã có tác dụng có hại của nó. Cũng may !

Gọi đó là cái may cũng được. Gọi đó là ý hướng tốt của Nhất-linh cũng được.

Nhất linh đã chết. Xin gửi thêm một vòng hoa !

Nhưng như vậy thì hình như tôi lại đi hơi xa... vẫn-đề mất rồi !

Sắp qua thu Ất-tỵ
TAM-ÍCH.

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

NGUYỆT SAN VĂN NGHỆ • LÁ BỐI XUẤT BẢN

Bưu phiếu xin để :
TRƯƠNG PHÚ

Thư từ, bài vở, ăn
phẩm xin gửi về :
HOÀI KHANH
Hộp thư 935
SAIGON

LỜI CẢM TẠ

Tòa soạn tạp chí GIỮ THƠM QUÊ MẸ xin trân trọng cảm tạ quý đồng nghiệp : bán nguyệt san, tuần san và nhật báo đã sốt sắng giới thiệu nhân dịp GIỮ THƠM QUÊ MẸ phát hành số 1.

Với mỹ tình đó, GIỮ THƠM QUÊ MẸ nguyện luôn cố gắng hầu mỗi ngày càng thêm xứng đáng với sự tin cậy của bạn đọc đã ủng hộ chúng tôi một cách thật nồng nhiệt, nhân sự hiện diện của nguyệt san văn nghệ GIỮ THƠM QUÊ MẸ.

TÒA SOẠN

CÚI ĐẦU • tuấn huy

Tặng anh Nguyễn-Trí-Phụng

Trận hoả-hoạn khủng-khiếp đó bắt tôi tưởng nghĩ đến anh. Nghĩ đến người vợ và những đứa con nheo nhóc của anh. Nghĩ đến cả căn nhà sàn chật hẹp bẩn thỉu trong một ngõ lao-động bên kia bờ sông thành phố...

Từ ngày anh nằm xuống, tôi không còn trở lại căn nhà ấy nữa. Đã bao lâu rồi hả anh? Những tháng năm dài dằng-dặc chồng chất lên nếp sống phẳng lặng vô-vị này. Thú thực, tôi muốn quên. Muốn quên... Như đã gắng quên cái quá khứ sâu thẳm của chúng mình.

Đôi khi, chân bước thất thểu trên vỉa hè, tôi có gặp một vài người, một vài khuôn mặt hao-hao giống anh. Cũng mái tóc bông bông. Cũng dáng người cao gầy. Cũng hai gò má xương xẩu và đôi mắt sâu đen hần chứa những ưu phiền. . . Lúc đó, lòng tôi nôn nao khôn cùng. Tôi tự hỏi « Anh đã chết thật chưa? — Ừ, anh đã chết thật chưa, anh Phương! — Hay anh vẫn sống. Vẫn còn quanh-quẩn ở những dọc đường bụi bặm nắng, mưa, của Sài Gòn? »

Mà dù anh còn sống hay đã chết chúng ta còn có gì cho nhau đề làm kỷ-niệm đâu? Còn có gì ngoài cái dĩ vãng nhục tui ê chề. Bởi tuy là anh em, nhưng chúng ta hoàn toàn cách xa. Từ bao nhiêu năm nay, anh sống đời sống của anh. Tôi sống đời sống của tôi. Không thác mắc. Không hỏi han và không liên lạc nữa. Dưới con mắt thù nghịch của anh, chắc anh vẫn coi tôi là một kẻ khốn nạn. Anh vẫn khinh bỉ, oán ghét tôi. Tuy tôi chẳng làm gì để anh oán ghét. để anh khinh bỉ hết. . . Nhưng nghĩ cho cùng, chúng ta đã bị hoàn cảnh gia-đình, hoàn cảnh xã-hội đẩy xa, ngăn đôi ra, từ thuở chúng ta còn chung sống dưới một mái nhà . . .

Dạo ấy, gia đình chúng ta lưu ngụ ở ở Kim Mã. Nhà thật nghèo. Cha tôi — và cũng là dưỡng của anh — nghiện thuốc phiện. Mẹ chúng ta phải tần tảo xoay xở để kiếm tiền mua thuốc cho chồng, và nuôi nấng lũ con. Những hôm nhìn bà xách mấy chai dầu lạc, lẫn lộn với đám thợ thuyền đi vào thành phố, tôi thương

người vô hạn. Tôi muốn bỏ học để đi làm. Để giúp đỡ mẹ. Tôi tự hỏi « Tại sao từng ấy tuổi, anh không nghĩ đến chuyện làm ăn gì là thế nào ? ». Suốt ngày, anh cứ nhõn nhõn, lêu lững. Đần độn chán, rồi anh về ngủ vùi. Khi thức dậy, anh ngồi ở một góc bàn hí hoáy viết lách. Anh như một người hoàn toàn xa lạ ở gia đình. Mà anh xa lạ thật. Vì chẳng bao giờ thấy anh chuyện trò với cha, với mẹ, với chúng tôi. Cái thái độ dửng dưng của anh làm thầy — anh cũng gọi cha tôi là thầy — bức bối. Ông chửi mắng anh thậm tệ. Nhưng anh như không nghe thấy gì. Bị chửi mắng quá, anh chỉ thờ dài. Rồi bỏ đi biệt hành ba, bốn ngày. Khi anh trở về, mẹ nhìn anh vui mừng. Hình như mẹ thương anh nhất nhà. Thương yêu hơn bọn tôi nhiều. Bà săn sóc anh chu đáo ân cần. Để dành cho anh từng món ăn, từng thức uống. May sắm cho anh quần áo. Cho anh tiền... Những lúc đó, tôi ghen tức với anh. Bởi vì, tôi cho rằng, anh đã chiếm đoạt hết lòng triu mến của mẹ. Đối với chúng tôi, mẹ cũng chăm nom, cũng hỏi han. Nhưng sự chăm nom ấy, sự hỏi han ấy chỉ là cái bồn phận thông thường. Khác hẳn với anh, mỗi khi mẹ ôm anh vào lòng, bàn tay của bà vuốt ve âu yếm. Thỉnh thoảng mắt bà đỏ hoe. Tia nhìn ném xuống anh như muốn hỏi nhớ lại quãng ngày đẹp đẽ của mình... Một lần, tôi được nghe những lời đối thoại giữa anh và mẹ, anh hỏi « Tại sao ngày trước mẹ bỏ cậu con ? ». Mẹ cúi đầu « Tại cậu con không yêu thương mẹ nữa ». — « Tại sao cậu lại không yêu thương mẹ ? » Mẹ

xoắn hai tay vào nhau. Anh hỏi dồn. Bà gắt gỏng, « Con nên đến hỏi thẳng ông ấy. Mẹ không cất nghĩa nổi » — « Có phải mẹ mê trai, mẹ bỏ đi không ? » Mẹ im lặng. Anh quay mặt đi. Giọng bà buồn : « Nhưng làm sao mẹ có thể sống mãi với cậu con, khi mẹ không tìm thấy được một may mắn hạnh phúc » — « Bộ ở cái ổ chuột này mẹ hạnh phúc sao ? ». Mẹ úp mặt xuống lòng hai bàn tay. Vai mẹ rung động : « Cái số kiếp mẹ thế. Biết làm thế nào ? » Tôi ghét anh vô cùng. Vì anh luôn luôn làm cho mẹ khóc. Tiếng anh tàn nhẫn nói tiếp : « Con sẽ không ở đây nữa đâu. Con thù gã đàn ông nghiện ngập này, thù cả thằng Định. Thù cả con Châu... » Mẹ ngó anh bằng đôi mắt đăm lẹ : « Con đừng nên nói thầy thế. Dù sao, ông ta cũng là dưỡng con. Đã nuôi con từ tấm bé, con biết không ? » Anh vùng vằng : « Tại mẹ cả. Ai bảo mang con đi làm gì. Mẹ cứ để yên con sống với cậu con, có phải con đã sung sướng hơn không ? » Nói rồi, anh ngoắt đi. Mẹ ngồi nhìn theo nức nở. Giá tôi có quyền gì, tôi đã gọi anh lại, và bắt anh phải xin lỗi mẹ. Nhưng tôi bé hơn anh, nên chỉ căm phẫn nhìn anh, không nói nên lời. Trong cái trí óc của tôi lúc đó, tôi bắt đầu coi anh là một kẻ thù. Tôi lặng lẽ chạy theo, xem anh đi đâu. Anh còn nhớ không ? Tối đó, anh lăm lũi bước, như một cái bóng. Qua bao nhiêu phố xá, bao nhiêu con đường, anh ngồi bệt xuống một chiếc ghế xây ở một vườn hoa. Anh bóp vàng trán. Dáng điệu buồn phiền khổ sở. Tôi không hiểu anh đang nghĩ ngợi gì ? Đang dự tính gì ? Chung

quanh chúng ta, nơi công viên đó, mọi người đều như an phận, đều như hoan-hỉ. Tại sao chúng ta không thề hoan hỉ, không thề an phận như vậy ? Làm sao anh thay đổi được cái tình trạng bi đát của gia đình ? Anh đau đớn vì chuyện mẹ một nơi cha một ngả. Còn tôi, còn con Châu. Bộ anh tưởng chúng tôi không đau đớn sao ? Đáng lẽ, anh đừng nên kiếm chuyện này, chuyện nọ mới phải. Mẹ thương anh bao nhiêu, anh đâu có hay. Mà anh trưởng thành rồi, anh cũng nên làm việc để phụ giúp người. Một vài năm nữa, khi tôi lớn bằng anh, tôi cũng sẽ hăng hái làm việc. Biết đâu, gia đình chúng ta chẳng khá hơn. Biết đâu, chúng ta chẳng thoát ra được cảnh nghèo đói cùng quần như bây giờ. Mẹ chúng ta sẽ không còn phải cực nhọc đầu tắt mặt tối. Các em chúng ta sẽ được học hành bằng người. . . Sao anh không nghĩ đến chuyện đó ? Mà cứ lăm lăm lì lì làm khổ mãi mẹ ? Tôi nắm mạnh tay lên thành ghế xây. Giá chúng ta bằng tuổi nhau, tôi sẽ hỏi thẳng anh để xem anh trả lời thế nào ? Nhưng . . . Bóng tối đã phủ xuống tình anh em chúng ta rồi. Tôi nhìn những hàng cây còm nguội nhoe xám bên phía Cột Cờ... Khi anh đứng lên, tôi cũng đứng lên theo. Anh bỏ hai tay vào túi quần. Cái bóng lêu nghêu của anh đồ dài xuống những phiến xi măng dọc đường Puginier. Xuống khu hàng Chuối, anh ngừng lại trước một biệt thự trắng lẹ với nổi ngập ngừng. Tôi nấp sau một gốc cây, quan sát anh. Nhưng anh đứng đấy bất động. Hình như những tiếng dương cầm từ đâu đó ùa vắng ra làm anh xao xuyến. Anh ngược lên khung

cửa sổ sáng của một căn buồng ngôi nhà kế cận. Mãi một lúc lâu, khi tiếng đàn im, anh khẽ ho làm hiệu. Một người con gái hiện ra ở khung cửa kia. Anh vẫy cô ta. Nàng xuống gặp anh. Hai người đi bên nhau ra đầu phố. Lúc ấy, tôi căm giận anh khôn cùng. Tôi lượm một hòn đá lớn ném anh không ngần ngại. Hòn đá bay đi. Anh ngoảnh lại nhìn tôi ngạc nhiên. Tôi xông tới nắm anh túi bụi. Anh giữ tay tôi lại : « Định ! Mày đến đây làm gì ? » Tôi không trả lời, húc đầu vào bụng anh điên cuồng. Người con gái hét lên « Đứa nhỏ nào thế ? » Anh cúi giận tát tôi mấy cái thật mạnh. Tôi chúi người đi vì mấy cái tát đau điếng ấy. Khi sờ tay lên miệng, thấy máu chảy chan hòa, tôi nguyện rửa hết lời. Nguyện rửa cả người con gái kia. Anh tát tôi thêm một cái. Tôi nhổ bãi nước miếng đỏ lôm máu me vào áo anh. Người con gái hoảng sợ bỏ về. Anh hăm hăm đe tôi xuống bãi cỏ, lắc vai tôi đe dọa : « Lần sau mày còn làm thế, tao sẽ giết mày ». Tôi nhìn đôi mắt ngầu đỏ của anh, nhưng tôi không hề sợ hãi. Tôi bảo tôi khinh anh vì anh chỉ làm khổ mẹ. Anh cau có « Mày không biết gì đâu. Mày căm mồm lại ». Tôi uất ức : « Bộ đứa con gái vừa rồi nó thương anh hơn mẹ thương anh ư ? » Anh buông tôi ra và ngược nhìn về phía người con gái đã khuất xa. Tôi nói một câu láo lếu. Anh đá tôi không thương sót : « Tao đã bảo căm mồm lại. Tao không anh em gì với mày cả ! »

Nói xong, anh chạy biến vào ngôi biệt-thự trắng-lệ lúc nãy. Mãi sau này, tôi mới biết rõ ngôi biệt-thự đó là nhà riêng của cha anh. Và người con gái kia

là cô láng-giềng mà anh yêu-mến. A thì ra, bây giờ tôi mới hiểu, gia-đình anh là một gia-đình cao-sang, quyền-quý. Cha anh có địa-vị, giàu có. Mẹ chúng ta lấy ông không phải vì tình-yêu mà chỉ vì gia-đình ép-buộc. Bà mang thân đi làm lễ-mọn để đòi lấy những đồng tiền. Cuộc kết-hợp bất-đắc-dĩ ấy đã có một chứng-tích là anh. Nhưng nó không thể kéo dài. Vì mẹ không chịu nổi những hành-hạ ác-độc của người vợ cả. Mẹ đành trốn-bỏ gia-đình anh, vì ở đấy người ta coi bà như kẻ tôi-đòi. Vì ở đấy, tuy nhà cao cửa rộng, nước trong gạo trắng, lụa-là tiền bạc, nhưng bà hoàn-toàn lẻ-loi, hoàn-toàn khổ-sở. Rồi bà gặp cha tôi — người đàn ông thứ hai của đời mình — Bà yêu người đó, và lấy người đó không cân-nhắc tính-toán. Bà tưởng rằng người đàn-ông này sẽ mang đến cho đời bà một chút gì tươi-sáng hơn cuộc đời tăm-tối cũ. Nhưng bà đã hoàn-toàn thất-vọng. Vì người đàn ông đó — cha tôi — cũng là một thứ con nhà giàu, nhưng chỉ lêu-lồng, chơi-bời. Sẵn có một chút của cải, ông rượu chè, cờ bạc, cô đầu, rồi nghiện-ngập. Trong khi đó, gia-đình ông không thừa-nhận cuộc hôn-nhân lết-lút của hai người. Ông bị cha mẹ từ. Đành lếch-thếch lời nhau ra miền ngoại-ô, kéo lê những ngày chui-rúc và thiếu-thốn,,. Anh tưởng-tượng xem, ở hoàn-cảnh đó, mẹ chúng ta đã đau-khổ thế nào. Lắm đêm, tôi thức giấc, thấy bà ngồi ở bậc cửa, than-khóc một mình. Mà anh, cũng như cha tôi, cả hai, đâu có thêm biết đến. Anh chỉ biết oán-trách bà và luôn-luôn làm bà rầu-buồn. Cha tôi thì gât-gồng cầu nhau. Ông hạch hỏi cái

này, mè-nheo cái kia. Lúc nào thuốc-sái no đủ thì còn hề-hả. Chứ nếu thiếu thốn một chút là mắng vợ chửi con và kiếm chuyện đủ điều. Mẹ chúng ta chỉ đành cắn răng nhẫn nhục. Bà cũng hết như một người tay lỡ nhúng chàm. Than thở cùng ai được nữa, khi cái số-mệnh đã đẩy-đưa mình từ đống sinh lây này tới đống sinh lây khác ? . . .

A nh không về nhà, mẹ chúng ta nhớ anh ghê gớm. Bà sai tôi đi tìm. Nhưng tôi biết tìm anh ở đâu ? Tôi đến ngôi biệt-thự của anh, hỏi thăm. Nhưng người ta lắc đầu bảo anh không còn ở đó. Cho đến nửa năm sau, vào một chiều đông mưa phùn, ở trường học về, tôi thấy anh đi thất-thêu trên đường. Bộ quần áo rách-rưới lam-lũ, nét mặt xanh-xao tiều-tụy, anh cầm một cành lá vừa đi vừa hát nghêu-ngao. Bọn trẻ con theo sau anh và vỗ tay chế-riếu. Tôi bỏ lũ bạn, lại gần hỏi-han anh. Nhưng anh không nhận được ra tôi. Tôi cầm tay anh nửa sót-sa, nửa ái-ngại. Vì đâu anh đến nỗi này ? Anh ngồi xuống bậc thềm đó, mặc lũ trẻ bu quanh, phát-phơ cành lá. Anh gọi tên một người con gái và nói những chuyện lung-tung nhảm-nhí. Tôi đành nhờ một thằng bạn về gọi mẹ. Mẹ tất-trời chạy ra, ôm lấy đầu anh, nước mắt tràn-ngập đầy mi. Lúc đó, tôi hiểu rằng, chỉ có anh mới là niềm tựa duy-nhất của bà. Đêm hôm ấy, bà ngồi bên giường, canh chừng cho anh ngủ. Thoạt đầu, anh lăn-lộn mê-sảng. Anh luôn miệng gọi « Ngân ơi ! Ngân ơi ». Mẹ hỏi tôi « Ngân là ai ? » Tôi nín câm, tuy đoán lờ-mờ rằng Ngân chính là cô gái đánh dương-cầm đêm nào. Mẹ bắt tôi giữ hai

chân anh ~~đ~~ anh khỏi vật-vả. Tôi thốt nhớ cái đá đau đặng của anh. « Bộ anh yêu cô ta đến thế sao ? Bộ cô ta làm cho anh đau-khò sao ? Mà vì đâu, hai người lại xa nhau và không yêu nhau nữa ? » Tôi thắc-mắc. Tôi băn-khoăn. Tôi tự hỏi « Hay chính vì cái thái-độ hỗn-láo ngu-muội của tôi đêm ấy, đã chia rẽ hai người ? » Anh quờ-quạng nhặt cành lá lên, và thảng-thốt nói với cành lá đó : « Ngân ơi ! Em đừng khinh-bí anh. Em bảo mẹ anh là con ở. Gia đình anh tồi-tệ xấu xa. Anh không trách-nhiệm gì hết về những việc đó. Tiếng đàn của em vừa vẳng lên. Cái thằng đàn-ông kia nó sang-giàu, quý-phái hơn anh à ? Anh muốn đâm vỡ mặt nó. Anh muốn giết em và tự giết anh đi... Mẹ ơi ! Mẹ ở đâu ? » Những lời rên-rỉ đó làm tôi ứa nước mắt. Mẹ cũng ứa nước mắt. Mẹ vỗ về anh, và khấn-vái kêu-cầu. Ngày hôm sau, mẹ phải thuê một căn nhà lá để anh nghỉ-ngơi một mình cho yên-tĩnh. Hễ ai nói gì mẹ cũng nghe. Thuốc thang chỗ này. Lễ bái chỗ nọ. Mẹ bỏ cả ăn. Quên cả ngủ. Chỉ mong cứu được anh sống. Nhưng bệnh-tình của anh không hề thuyên-giảm. Anh xé quần, xé áo, và khi khóc khi cười. Tôi cầu-cứu đến Ngân. Nhưng nàng đã lấy chồng. Lúc đó, tôi hiểu vì sao anh điên-khùng. Vì sao anh rồ-dại. Anh đã mất hết thăng-bằng. Tình yêu không còn. Quá-khứ thăm-thê bủa-vây ám ảnh. Anh đề nỗi tuyệt-vọng choán-phủ xuống đời anh một bức màn tối-tăm dày-dặc. Chưa biết bao giờ mới vùng thoát ra được.

Rồi chiến-tranh xảy ra. Gia-đình chúng ta tản-cư về hậu-phương. Tình-cảnh thật cùng-quần đói-rách. Một buổi sáng, thôn làng chúng ta lưu-trú, bị quân giặc đốt phá. Mẹ bảo tôi dìu anh ra ngồi ần núp ở giữa cánh đồng. Nhìn biển lửa ngút-ngàn, mắt anh sáng dần, sáng dần. Anh nắm tay tôi, giọng nói như vẳng đến từ xa-xăm : « Chú Định ! Cháy lớn ! » Tôi gật đầu vui mừng thấy anh đã tỉnh. Một cái gì thay-đổi trong anh từ giây-phút kinh-hoàng đó. Những tràng đạn liên-tiếp bay réo trên đầu. Anh định đứng lên. Tôi ngăn anh lại. Giọng anh rành-rọt, bình-thường : « Phải làm một cái gì, chứ đề cháy thế kia à ? » Tôi bảo anh cứ ngồi yên để tôi chạy về khuôn đồ-đặc giúp-đỡ mẹ. Anh gật đầu. Tôi phóng người đi không nghĩ-ngợi. Đến một đường mương, tôi thấy mẹ nằm ngã xấp bên gói quần áo. Tôi hoảng-sợ đỡ mẹ dậy nhưng bà chỉ còn thoi-thóp thở. Tôi nhìn xuống vết thương tàn-phá trên thân-thề người. Mẹ mở mắt nhìn tôi. Bà thều-thào. Anh có biết mấy lời cuối cùng mẹ nói những gì ? Bà bảo « con phải trông-nom anh Phương cho cẩn-thận, vì anh ấy yếu-đau bệnh-tật ». Tôi cắn chặt lấy môi vì ghen-tức với anh. Từ xưa đến nay bao giờ anh cũng được mẹ thương-yêu, được mẹ chiều-chuộng. Suốt mười mấy năm trời, tôi chỉ thấy bà nhắc-nhở đến anh hoài-hoài. Bộ tôi không phải là con, không phải là giọt máu của người sao ? Trong khi đó, máu của mẹ ra nhiều quá. Tôi hốt-hoảng kêu cứu đề may ra nhờ được ai vớt nổi mẹ đi. Nhưng trả lời tiếng kêu-cứu của tôi chỉ là những tiếng nổ chát-chúa... Tôi vội-vàng

báo tin cho mẹ biết anh đã bình-phục rồi. Mẹ vui-mừng xiết bàn tay gầy-guộc vào bàn tay tôi. Mẹ nhìn trời xanh. Nhìn những làn lửa bay cao, bay cao. Lúc đó, mẹ thật bình-tĩnh và can đảm. Nỗi vui-mừng vẫn hiện rõ trong đôi mắt hiền-hậu của người. Mẹ thở hơi cuối cùng trên đôi tay run-rẩy của tôi. Bà vĩnh-biệt cõi đời với một nụ cười. Nụ cười đầu tiên của một người đàn-bà suốt đời đuôi-bắt trông tìm hạnh-phúc, nhưng chẳng bao giờ hạnh-phúc đến tầm tay mình cả.

C húng ta thất-lạc nhau từ đó. Có lẽ trạng-thái hồi-sinh của tinh-thần, đã thúc-dẩy anh trở nên hăng-hái và liều-linh hơn. Sau sáu tháng chờ-đợi, tôi đành phải đưa thầy và em Châu về thành. Căn nhà ở ô Kim-Mã ngày xưa chỉ còn là đồng gạch vụn ngổn-ngang. Hà-Nội yêu dấu đã thay-đổi hoàn-toàn. Như đời anh. Đời tôi. Gia-đình mình... Tôi xin vào làm thư-ký ở nhà máy đèn. Nhưng chưa được hai tuần, bọn phòng nhì Pháp bắt giam tôi lại, vì chúng tình-nghĩ tôi hoạt-động cho kháng-chiến. Ở trong trại tù-bình đó, tôi đã được chứng-kiến bao cảnh đau lòng. Cuộc chiến-tranh đã tàn-phá đất nước chúng ta. Tàn-phá bao nhiêu mảnh đời. Những hàng rào dây thép gai. Những lỗ châu mai. Những nòng súng. Những càn-quét, bắn giết... Tôi phóng tâm suy-ngẫm về thân-phận con người...

Một hôm, đứng xếp hàng ở sân trại giam đợi giờ đi làm cỏ vê, tôi chợt thấy anh giữa đám tù binh mới gửi từ mặt trận về. Tôi muốn gọi anh, nhưng không thề gọi. Đoàn ca-mi-ông mười bánh chở bọn anh

vào tít trại trong. Hình như anh không nhìn thấy tôi. Hình như anh bị mệt mỏi nhiều... Tôi không liên lạc được với anh và cũng không biết rồi anh sẽ ra sao? Bởi vì, trong cuộc chiến tranh hung bạo giữa những kẻ đi xâm-lược và những kẻ chống giữ, sự sống chết của một tù binh là một chuyện quá thường... Ngày tôi được tha, trở về gia đình, tôi đã phải chứng kiến một thảm cảnh thật ê-chề: Châu đã phải làm gái điếm để kiếm tiền nuôi thầy và nuôi nó. Tội nghiệp đứa em gái hiền-lành ngoan-ngoãn của chúng ta! Tôi đã nóng nảy tát Châu thật tàn-nhẫn, như đêm nào anh đã tát tôi trước mặt Ngân. Nhưng những cái tát của tôi lúc đó, không còn cứu-vãn được gì. Tôi day nghiêng Châu: « Tại sao mày lại đi làm nghề này? Mày có biết cái nghề đó xấu-xa, đốn-mạt thể nào không? » Châu dấu mặt sau vạt áo. Nó nói bằng cái giọng đau đớn: « Tại không có tiền. Anh còn lạ gì hoàn-cảnh nhà mình » Tôi phát khùng: « Nhưng tại sao mày không đi buôn; đi bán hay đi làm thuê gánh mướn như người khác? Bộ một trăm người con gái đói nghèo phải đi làm đi cả một trăm à? » Châu khóc tức tức. Tôi không chịu nổi những tiếng khóc lóc đó. Tôi mắng nhiếc nó thậm tệ hơn. Mắt tôi long lên nhìn bộ bàn đèn, nhìn những kim móc dọc tàu của thầy. Nhìn những bàn chải nước hoa, hộp phấn. Nhìn bộ quần áo lờ lợt của Châu. Nỗi tuyệt-vọng ủa đến tâm hồn như một đám mây đen phủ kín mặt trời, tôi chán nản khi thấy những dự định tốt đẹp của mình đã tiêu tan hết... Tôi đập một chiếc cốc phấn-nộ: « Thật là nhục! Từ

nay mày đừng nhìn mặt tao nữa » Và ngay ngày hôm đó, tôi theo một người bạn vào Saigon...

Ở thành phố xa lạ này, tôi đã được sống với tất cả sự vùng thoát của hàng trăm ngàn ần-ức. Tôi gặp một người đàn bà. Rồi tôi yêu nàng. Hào — người đàn bà đó — rất đẹp, rất giàu. Chúng tôi hưởng những ngày vàng son chói-lọi nhất cuộc đời. Tôi quên bằng quá khứ của tôi. Quên bằng cả những hình ảnh đã trôi qua như một cơn ác-mộng. Tôi muốn vĩnh biệt hết ? Vĩnh biệt hết !..

Rồi một đêm, năm sáu năm sau, khi Hào và tôi vừa ở một tiệm khiêu-vũ ra, tôi lại gặp anh. Anh ngồi ở via hè đó, bơ phờ tiêu-tụy. Anh vắn một liều thuốc. Có phải anh ngạc-nhiên ? Có phải anh lạ lòng ? Tôi đứng im một lúc khá lâu, Hào tưởng lầm, ném xuống cho anh tờ giấy năm đồng rồi kéo tay tôi đi cùng. Tôi nghe như có tiếng gọi mơ hồ « Định ! Chú Định ! » Tôi ngoảnh lại. Hào hỏi « Chuyện gì thế ? » Dĩ vãng xám đen chợt chập-chờn hiện ra đầu đó. Tôi nhún vai « Không. Không có chuyện gì đâu » Hào nép đầu vào vai tôi. Nàng hồn nhiên cười « Cái thằng cha vừa rồi trông thật dữ-dần.. Nó cứ ngó anh chăm-chăm. Hay nó là kẻ gian » Tôi hơi bất bình, nhưng không thể phản đối Hào. Vì nàng là người đã thay đổi hoàn toàn đời tôi, anh biết không ? Vì nàng đã mang tôi từ chỗ tăm tối ra vùng ánh sáng. Đã cho tôi ném trái những cái sung sướng mà suốt một đời tôi, chắc không thể nào có được... Từ xưa đến nay, tôi không được ai yêu thương. Không

được ai săn sóc. Không được ai cưng chiều. Ngay cả mẹ chúng ta. Điều đó anh rõ chứ. Hào là người đã cho tôi những cái tôi thiếu thốn ấy. Muốn được vậy, tôi phải đóng kịch với nàng. Phải dấu kín hết quá khứ của mình như một con mèo dấu kín những vật nhơ bẩn... Về đến nhà, tôi nằm thao thức nghĩ ngợi. Tôi nhớ những lời cuối cùng mẹ dặn dò. Nhưng cũng cùng lúc ấy, tôi lại giận oán anh và khinh ghét anh. Mỗi hận thù giữa chúng ta vẫn còn dai dẳng, và không thể có gì phá đổ nổi. Làm sao tôi quên được, hà anh ? Mà tại sao anh cứ nhìn tôi bằng đôi mắt hung tợn, khinh bỉ ? Chúng ta không nợ-nần gì nhau hết. Như hai thân cây đã rẽ ra làm đôi. Mỗi chúng ta có quyền chọn phương hướng để vươn lên tới những vòm trời riêng biệt...

Tôi buộc lòng phải coi anh như không có mặt ở đây. Nhưng một ngày, chúng ta lại gặp nhau. Khi nhìn thấy anh, tôi cảm lòng không nổi. Thân hình anh, ốm-o gầy-guộc. Chiếc áo vét màu nước dưa rộng thùng-thình. Đôi giày há mõm, những móng tay đen đủi. Tất cả, phơi bày rõ rệt cảnh sa đọa khốn cùng... Tôi bảo người tài xế đánh xe về trước để đi với anh một quãng đường. Chúng ta vào ngồi trong một quán cà phê ở đầu một ngõ hẻm. Tôi hỏi anh nhiều điều, nhưng tuyệt nhiên, anh không trả lời. Tôi móc ví đưa biếu anh một số tiền. Anh quắc mắt bảo tôi cất số tiền đó đi. Tôi bực bội đứng dậy. Anh nhìn bộ quần áo sang trọng của tôi; nhờ một bãi nước miếng. Tôi vẫn nhịn nhục, hỏi anh một câu cuối cùng về

tin tức của thầy và của em Châu. Anh che miệng dấu một tiếng ho : « Châu tự tử rồi ! » Tôi bàng hoàng và trong một giây phút có phản ứng quá đột ngột, tôi túm lấy áo anh lắc mạnh : « Anh nói thật không ? » Anh buồn bã gật đầu. Tôi buông áo anh muốn được khóc cho hả lòng. Anh nhếch môi cười : « May là một thằng suốt đời chỉ phá hoại », Tôi theo anh về một căn nhà sàn trong ngõ lao-động trên bến Vân-Đồn. Mùi ô-uế từ con kinh bốc lên nồng nặc. Những đồ-đạc cũ-kỹ khắp-khiêng. Những tấm phen liếp hoen-bần. Một người đàn-bà xấu xí quê mùa. Hai đứa trẻ nheo-nhech ngo-ngáo. Đó là gia-đình, là vợ con, là đời sống hiện-tại của anh, sau bao nhiêu năm hần-học, hận-thù, đau-khò, tuyệt-vọng... Anh cũng lại đa-mang cả thuốc sái. Không biết anh đã tìm thấy gì trong chất ma-túy kinh-khiếp ấy ? Tôi nhìn anh, nhìn vợ anh liên-tưởng đến thầy và mẹ chúng ta. Bạo rằng tôi thương-hại ư ? Không đủ ! Phải nói là một cái gì tan-vỡ làm tê-điêng lòng này...! Tôi muốn hỏi « Tại sao anh lại nối-tiếp cái thảm-kịch mà thuở ấu-thơ chúng ta đã phải chứng-kiến ? » Bộ anh quên hết những nỗi nhục-nhã đau-đớn của một người vợ, của những đứa con khi có một người chồng một người cha nghiện-ngập ?... Tôi thành-khản khuyên anh nên chữa-bỏ. Anh im-lặng nhìn dòng nước chảy... Có phải anh nghĩ đến đời mình ? Tôi tưởng anh nghe theo, ôn-tồn bàn với anh một ý-định. Bất ngờ, anh đứng lên, nói những câu nặng-nề và xua-đuổi tôi

về... Tôi nhìn anh ngo-ngác. Và thấy rằng chúng ta không bao giờ hiểu nổi được nhau...

Rồi một hôm, tôi nghe tin anh nằm ở bệnh-viện. Tôi vào thăm anh. Lúc đó, anh đã kiệt-lực lắm rồi. Cái thề-xác quắt-queo của anh như dán trên manh chiếu cũ. Những lần anh bị tra-tấn xưa kia. Những năm tháng khổ-cực ở đê-lao. Và cái nghèo, cái đói, bệnh tật đã tàn-phá hình-hài. Và lòng tự-ái. Và nỗi hận-thù... Mọi thứ ăn mòn sinh-lực của anh như lũ sâu mọt làm mục-rữa một thân cây tươi-tốt... Tôi nắm những ngón tay khẳng-khiu của anh, muốn khóc nhưng không còn nước mắt...

Bây giờ, bao nhiêu năm tháng đã vụt qua. Cuộc đời đã bao lần thăng trầm thay-đổi. Anh đã chết. Tôi còn sống đó nhưng cũng chỉ là thoi-thóp, đau-buồn... Người đàn-bà tôi yêu-thương đã bỏ đi, để tìm-kiếm một đối-tượng xứng-đáng hơn... Bây giờ, tôi mới hiểu chúng ta thật là những kẻ khốn-cùng. Cả anh, cả tôi, cả mẹ, cả thầy, cả em Châu, cả Ngân, cả Hào... Chúng ta hết như những cái bóng nhào-lộn nhầy-múa trong một trò đùa quái-ác của định-mệnh... Nhưng anh Phương ! Anh hãy tin rằng, mọi oán-thù vô-lý trong tôi đã chìm-tắt. Tôi đã tìm lại được tôi. Và tình-yêu-thương của chúng ta chưa hề đứt nấp ván thiên đau anh ạ...

TUẦN-HUY

ẢNH SÁNG PHẬT GIÁO THIỀN TÔNG CHIẾU RỌI VÀO BA CÂU THƠ CỦA HOELDERLIN

Phạm Công Thiện

1

Hoelderlin là thi sĩ của thi sĩ, đó là lý do tại sao Heidegger đã chú trọng đặc biệt đến Hoelderlin để làm khởi điểm cho cuộc song thoại giữa thi ca và triết lý ; khởi điểm ấy cũng là đầu đường đi về TÍNH THỀ CỦA NGÔN-NGỮ và đồng thời trở về NGUYÊN NGÔN để vén mở NGUYÊN TÍNH (Sein).

Triết-lý nói nguyên tính (das Sein)

Thi ca gọi linh tánh (das Heilige)

Quan hệ tương giao giữa nguyên tính và linh tính là quan hệ tương giao giữa tính với bản tính (das Sein selbst).

2

Tính (hay tánh) ?
Đặt lên câu hỏi ấy là bắt đầu đi

tìm mạch nước ngầm mà tư tưởng Trung Hoa đã được nuôi dưỡng xanh tươi trong những thời đại thơ mộng thuở xưa.

Trong Trung dung, Khổng-tử đã gọi Tính như thế nào ? Thế nào là suốt tính ?

Tại sao Vương Dương Minh gọi Tính là bản thể của Tâm ?

Tại sao Lục Tồ Huệ Năng gọi Tính là vua (tính thị vương) trong quyết-nghi phạm của pháp bảo đàn kinh ?

Tại sao Bát Nhã học trong Phật Giáo gọi Không là vô tự tính ?

Vô tự tính của Bát Nhã học và tự tính của Thiền học có khác nhau không ?

Huyền (hay Thái Huyền của Dương Hùng là gì ?)

Những câu hỏi trên là những câu hỏi về tính (gọi là tính vấn)

Những câu hỏi trên sẽ là khởi điểm cho cuộc song thoại giữa tư tưởng Á Đông và tư tưởng Âu Châu mà nước Việt Nam là mảnh đất hiện nay có đủ tính kiện để cho cuộc song thoại trên được tựu thành Tựu thành gì ?

Đối thoại tựu thành song thoại.

Song thoại tựu thành độc thoại

Độc thoại tựu thành vô thoại

Vô thoại tựu thành vô ngôn

Vô ngôn tựu thành nguyên ngôn

Nguyên ngôn tựu thành nguyên tính

Nguyên tính tựu thành Tính

Tính tựu thành vô tính

Vô tính tựu thành Không

Không tựu thành Huyền

Huyền tựu thành tự tính

Tôi đã đùa chữ ; nhưng đùa chữ là hoạt dụng của tự tính thì gọi là hoạt dụng của Thiền.

Hãy đề ý : 1.— Thiền ?

2.— Thiền là gì ?

Câu hỏi thứ nhất là hoạt dụng của Thiền

Câu hỏi thứ hai là hoạt động của sơ Thiền.

Hoạt dụng của Thiền là : ?

Sơ thiền là : là gì ?

? là dấu hỏi

Là gì là biểu tượng cho dấu hỏi.

Biểu tượng và dấu hiệu hoàn toàn khác nhau (tôi đã giải thích sự khác nhau ấy trong

bài vài suy tưởng triết học , (cj. Giỡ Thơm Quê Mẹ số 1)

Huệ năng là dấu hiệu.

Thần Tú là biểu tượng.

Dấu hiệu và biểu tượng khác nhau thế nào, sau đây tôi sẽ suy tưởng bằng cách lấy ánh sáng Thiền chiếu rọi vào thơ của Hoelderlin.

3

Trong Mnemosyne (Zweite Fassung, ed. 7. Beissner, Stuttgart 1935, Bd. II, p. 204), chúng ta thấy Hoelderlin viết :

Ein Zeichen sind wir, deutunglos
Schmerzlos sind wir und haben fast
Die Sprache in der Fremde verloren
dịch là :

Chúng ta là một dấu hiệu, không ý nghĩa
Chúng ta không là sự đau khổ và gần như
đánh mất ngôn ngữ trong cõi lưu đày.

Heidegger đã nhiều lần giải thích ba câu thơ trên trong tác phẩm triết học của ông.

Bây giờ tôi muốn giải thích khác Heidegger. Tôi muốn giải thích vượt lên trên Heidegger. Đi lên hay đi xuống cũng chỉ là một nghĩa. Đi xuống (untergehen) có nghĩa là đi lên (übergehen.)

Khi tôi nói vượt lên trên Heidegger thì có nghĩa là vượt lên theo nghĩa Nietzsche, nghĩa là đi xuống (đi xuống hố thẳm Heidegger)

Do đó, vượt lên có nghĩa là tựu thành.

Tự thành ở đây không có nghĩa là làm xong, không có nghĩa Đức-ngữ là vollenden, ausführen, vollführen, v..., v...

Tự thành ở đây có nghĩa là tự lại cái tinh thành (garder... dans son essence), tinh thành ở đây là tinh thê của tinh thê, gọi là tinh túy (essence); do đó, tự thành có nghĩa là se ménager mà chữ Đức của Heidegger gọi là schonen.

Con người chờ đợi tính, nghĩa là giữ bốn nghi (thiên, địa, thánh, nhân) trong tinh-thành. Nói như Heidegger là giữ cái hình vuông (le carré) trong tinh thê (dans son essence) nghĩa là «schonen».

Như thế, vượt lên trên Heidegger, có nghĩa là tự thành Heidegger,

Tự thành Heidegger có nghĩa là giữ Heidegger trong tinh-thành. Chỉ có thế thôi.

4

Ein Zeichen sind wir, deutunglos
Schmerzlos sind wir und haben fast
Die Sprache in der Fremde verloren
nghĩa là :

Chúng ta là một dấu hiệu không
ý nghĩa

Chúng ta không đau khổ

Và chúng ta dường như đánh mất
ngôn ngữ nơi cõi lạ.

Heidegger đã giải thích ba câu thơ trên trong tính phận của tính thê; con người mất trí nhớ, quên tính (Vergessenheit des Seins) do đó, con người gần như đánh mất ngôn ngữ trong cõi lạ. Do đó mới có sự sụp

đổ đau thương của nhân loại hiện nay. Muốn sống cho ra hồn, con người phải tìm lại tính

5

Nếu dùng ánh sáng Thiên Tông để chiếu rọi vào lối giải thích của Heidegger về câu thơ của Hoelderlin thì ta có thể gọi lối giải thích ấy là lối tri tính tiệm ngộ theo điệu của thiền sư Thần Tú.

Tư tưởng Heidegger rất giống và gần Thần Tú

Thần Tú là biểu tượng

Mà Huệ Năng lại là dấu hiệu.

Biểu tượng rất có ích lợi và quan trọng. Biểu tượng đưa đến nền Văn minh cao độ của nhân loại hiện nay, nhưng biểu tượng vốn là dấu hiệu, thế mà biểu tượng đã không kiến tự tính, vì thế mặc dù biểu tượng muốn giải thoát, nhưng giải thoát khỏi biểu tượng vẫn là biểu tượng. Đó là sự thất bại của Heidegger. Đó cũng là sự thất bại của Thần Tú.

NHUNG SỰ THẤT BẠI NÀY RẤT
CẦN THIẾT.

và chính sự thất bại này tự thành sự xuất hiện của Lục Tổ Huệ Năng.

6

Thần-Tú là : «là gì ?»

Huệ-Năng là : «?»

Trong «là gì ?», chúng ta thấy có dấu «?». Bốn chữ «là gì» là dấu hiệu thay thế cho dấu hiệu «?».

Dấu hiệu không thê thay thế cho dấu hiệu

Bởi thế ta gọi bốn chữ «là gì» là biểu tượng.

Thần-Tú là biểu tượng.

Huệ-Năng là dấu hiệu.

Không thể cho rằng Thần-Tú đã sai.

Bởi vì trong biểu tượng có dấu hiệu rồi, trong «là gì?» đã có dấu «?».

Thần-Tú đã thất bại vì Thần-Tú đã dạy đạo quá sáng sủa rõ ràng, chính sự sáng sủa rõ ràng đã xua đuổi bóng tối, mà khi bóng tối bị xua đuổi, tức là Huyền đã bị xua đuổi, Huyền tự thành tự tính, tự tính tự thành mặt trăng; giáo thuyết của Thần-Tú là ánh đèn; con người thường nhìn ánh đèn mà quên mặt trăng.

«là gì?» là ánh đèn.

«?» là bóng tối.

Trong «là gì?» ánh đèn đứng bên bóng tối. Bóng tối là dấu hiệu báo cho biết sự có mặt của tính.

Ánh đèn là biểu tượng nói về sự vắng mặt của tính.

7

Thần-Tú là biểu tượng
Huệ-Năng là dấu hiệu.

Trong ngôn ngữ Đức, «dấu hiệu» được gọi là das Zeichen, như trong câu thơ của Hoelderlin:

Ein zeichen sind wir...

nghĩa là

Chúng ta là một dấu hiệu.

Tại sao Hoelderlin nói rằng chúng ta là một dấu hiệu?

Dấu hiệu khác biểu tượng chỗ nào?

Ngôn ngữ Đức gọi «biểu tượng» là «das Sinnbild». «das Sinnbild» (biểu tượng) và «das zeichen» (dấu hiệu) khác nhau rất rõ ràng trong cách cấu tạo chữ nghĩa.

8

Das Sinnbild (biểu tượng) gồm có chữ «bild» và chữ «Sinn».

«Sinn» là ý nghĩa.

«Bild» là hình tượng, hình dung.

Tượng hình ý nghĩa cho dấu hiệu thì gọi là «biểu tượng» (das Sinnbild).

Dấu hiệu không có ý nghĩa; vì dấu hiệu mà có ý nghĩa thì gọi là «biểu tượng». Bởi thế tính chất của biểu tượng là có ý nghĩa, còn tính chất của dấu hiệu là không có ý nghĩa. Do đó, chúng ta thấy Hoelderlin viết câu đầu của bài thơ như vậy:

Ein Zeichen sind wir, deutunglos.
nghĩa là:

Chúng ta là một dấu hiệu, không có ý nghĩa.

Không ý nghĩa tức là không lý do; không lý do tức là không lý-trí không lý-trí là không giải thích (deutunglos cũng có nghĩa là «không có sự giải thích»).

Hoelderlin là bạn thân của Hegel; hai người đã từng sống chung nhau một thời gian nhưng sau này hai người bất đồng ý nhau và cùng xa lìa nhau.

Câu thơ của Hoelderlin:

Ein Zeichen sind wir, deutunglos.

(Chúng ta là một dấu hiệu, không có ý nghĩa.)

bằng làm mờ tối sự tương đồng tâm ý giữa Hoelderlin và Hegel, bởi vì đối với Hegel, mọi sự đều có ý nghĩa trong hệ thống suy tưởng của ông.

9

Schmerzlos sind wir...
có nghĩa là :

Chúng ta không đau khổ vì chúng ta là một dấu hiệu không ý nghĩa, chúng ta không đau khổ.

Đau khổ chỉ xuất hiện với ý nghĩa. Con người sống trong ý nghĩa là con người sống trong đau khổ : mà sống trong đau khổ có nghĩa là sống trong sự tượng hình ý nghĩa (das Sinnbild), tức là sống trong biểu tượng.

Mỗi con người đều sống trong hai thế giới

— thế giới dấu hiệu

— thế giới biểu tượng

Sống với dấu hiệu là sống với hình vuông tĩnh học (carré ontologique) gồm có bốn nghi (trời, đất, thần, người). Sống với dấu hiệu là sống hờn nhiên giữa tiết điệu thơ mộng của vũ trụ.

Còn thế giới biểu tượng là một thế giới hình ảnh ; sống với biểu tượng là sống với một mị ảo tượng ; sống với biểu tượng là xa là tự tính.

Sự đau khổ chỉ xuất hiện với ý nghĩa, mà khi chúng ta là dấu hiệu không ý nghĩa (deutunglos) thì chúng ta không đau khổ :

Scherzlos sind wir...

Hoelderlin lại viết tiếp :

und haben fast

Die Sprache in der Fremde verloren
nghĩa là :

và chúng ta đã gần như đánh mất
ngôn ngữ nơi cõi lạ...

Sự đau khổ chỉ xuất hiện với ngôn-ngữ nhưng khi chúng ta đánh mất ngôn-ngữ nơi cõi lạ, thì sự đau khổ cũng tiêu ma đi. Nhưng chúng ta hãy đề ý mà đọc lại câu thơ cuối của Hoelderlin :

und haben fast

Die Sprache in der Fremde verloren

Trong câu thơ trên, chữ quan trọng nhất là trạng từ fast ; trạng từ fast có nghĩa là «đường như, hầu như, gần như».

Chính do chữ fast này mà tất cả ý nghĩa của ba câu thơ đã đổi khác ; bây giờ chúng ta đọc lại trọn ba câu thơ và nhất là đọc nhấn mạnh nơi chữ fast để lắng nghe ý nghĩa đổi khác như thế nào :

Ein Zeichen sind wir, deutunglos

Schmerzlos sind wir und haben fast

Die Sprache in der Fremde verloren
nghĩa là :

Chúng ta là một dấu vết, vô nghĩa

Chúng ta vô giác tri độn và gần như

đã quên mất tiếng nói nơi lưu đày

Chính chữ FAST đã xoay hẳn ý nghĩa của bài thơ ; chữ fast làm chữ «dấu hiệu» trở thành «dấu vết» làm «không ý nghĩa» trở thành «vô nghĩa» «không đau khổ» trở thành «vô

giác trơ trơ tri độn», làm «đánh mất ngôn ngữ» thành «quên mất tiếng nói», làm «nơi cõi lạ» thành ra «nơi lưu đày». Và chúng ta hiểu tại sao Hoelderlin đặt tên bài thơ là «Mnemosyne» (Trí nhớ, ký ức); chính câu thơ :

und haben fast

Die Sprache in der Fremde verloren
(gần như quên mất tiếng nói nơi cõi lưu đày)

C hính câu thơ này giải thích nhan đề «Mnemosyne» vì «gần như quên mất tiếng nói» chính là «gần như quên mất trí nhớ».

Chính chữ «fast» đã khiến mọi sự đảo lộn : thế giới dấu hiệu biến thành thế giới biểu tượng, thế rồi con người bị đi đày giữa cõi sa mạc lớn rộng này (*die Wust wächst*).

«Gần như» (FAST) có nghĩa là «chưa trọn» mà «chưa trọn» chỉ có nghĩa là «ở giữa» (chữ Pháp gọi là «Entre»).

Con người ở giữa thù vật và thần linh; con người ở giữa thời kỳ «thần linh đi mất» và thời kỳ «thần linh sắp hiện».

Ở GIỮA tức là không gian của biểu tượng.

Dấu hiệu không phải Ở GIỮA mà là Ở NƠI.

10

Á nh sáng Thiển-Tông xuất-hiện.

Con người giải-thoát là không còn ở giữa.

Con người giải-thoát không « gần như » (FAST).

Con người giải-thoát không sống trong

thế giới biểu tượng, nghĩa là không tạo, không tượng ý nghĩa (*das Sinn-bild*)

Con người giải-thoát không ý nghĩa (*deutunglos*), như vậy không ý nghĩa là không đau khổ (*Schmerzlos*); không đau khổ là tiêu diệt đánh mất ngôn ngữ (*haben die Sprache verloren*); tiêu diệt đánh mất ngôn ngữ là vì ở cõi xa lạ (*in der Fremde*).

Cõi xa lạ (*in der Fremde*) là Niết-Bàn, là Tây-phương Tịnh-độ; nhưng chính cõi xa lạ ấy là ở nơi cõi này, ở nơi cõi trần gian này.

Con người giác-ngộ là con người ở mà không ở, trú mà không trú, danh từ nhà Phật gọi là « VÔ TRÚ », vô trú là trú ở cõi xa lạ (*in der Fremde*), tức không trú nơi cõi mình trú.

Lục Tồ Huệ-Năng lấy « vô niệm » làm tông, lấy « vô tướng » làm thể, lấy « vô trụ » làm gốc.

Như thế, nếu bỏ chữ FAST trong ba câu thơ của Hoelderlin thì con người giác ngộ là con người dấu hiệu :

Ein Zeichen sind wir, deutunglos
Schmerzlos sind wir und haben
Die Sprache in der Fremde verloren
Tức là :

Chúng ta một dấu hiệu, không ý nghĩa

Chúng ta không đau khổ và đánh mất

Ngôn ngữ nơi cõi lạ.

Câu thơ trên không có chữ « FAST » (gần như). Chúng ta hãy đề ý rằng chính chữ FAST đã vạch ra biên giới giữa vô minh và giác-ngộ.

Giác-ngộ là « nhất thiết vạn pháp bất ly

tự tỉnh» do đó, Thiền Tông vượt lên trên Heidegger vì Heidegger cho rằng con người hiện nay đã «ly tự tỉnh», (tỉnh là Sein), đối với Thiền-Tông, con người «bất ly tự tỉnh», do đó «Bỏ để tự tỉnh bản lai thanh tỉnh».

Nếu bỏ chữ «FAST» trong ba câu thơ của Hoelderlin thì ta thấy ba câu thơ ấy nằm dưới ánh sáng Thiền-Tông như vậy

Tông—> vô niệm : *haben die Sprache verloren;*

Thê —> vô tướng: *Schmerzlos; deutunglos;*

Gốc —> vô trụ : *in der Fremde.*

Vì thế, con người giác ngộ là dấu hiệu (Zeichen) cho chân tỉnh, nguyên tỉnh, chân như v. v . . .

Bây giờ, ba câu thơ của Hoelderlin bỗng nổi lên ánh sáng tuyệt vời của nguyệt bạch :

Ein Zeichen sind wir, deutunglos

Schmerzlos sind wir und haben fast

Die Sprache in der Fremde verloren
nghĩa là :

Chúng ta là một dấu vết, vô nghĩa

vô tri vô giác trì độn và gần như quên mất tiếng nói nơi cõi lưu đầy.

Dưới ánh sáng Thiền-Tông, ba câu thơ trên nổi lên bi kịch của con người sống trong vô minh, «deutunglos» biến nghĩa thành ra «vô nghĩa»; «Schmerzlos» có nghĩa là «không đau khổ» nhưng biến nghĩa thành ra «vô giác vô tri», do đó «không đau khổ» trở thành đau khổ, nỗi khổ của một kẻ không còn biết khổ («vô giác»). Nhưng bây giờ, nếu chúng ta bỏ chữ «gần như» (FAST) trong 3 câu thơ trên :

*Ein Zeichen sind wir, deutunglos
Schmerzlos sind wir und haben
Die Sprache in der Fremde verloren*
thì ý nghĩa lại đổi khác :

Chúng ta là một dấu hiệu, không có ý nghĩa, chúng ta không đau khổ và đã đánh mất ngôn ngữ nơi cõi lạ.

«Đánh mất ngôn ngữ» ấy là «vô ngôn». Và cõi lạ ấy là cõi mà mọi người chúng ta đều muốn quay trở về để tìm lại mái nhà xưa

PHẠM CÔNG THIÊN

Saigon, ngày 10 tháng 7 năm 1965

Đón đọc **GIỮ THƠM QUÊ MẸ** số 3

với nhiều bài vở đặc sắc hơn

Phát hành : 1-9-65

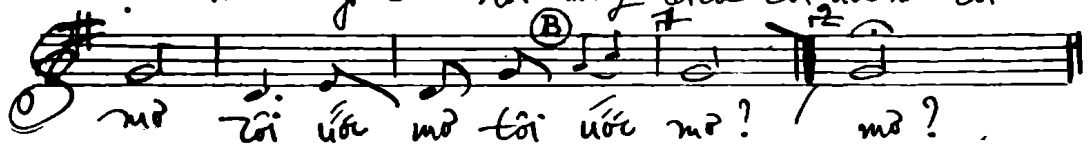
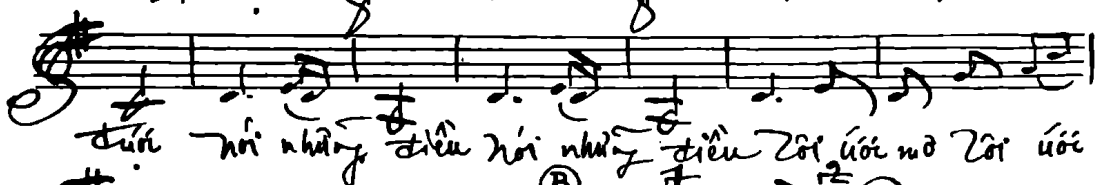
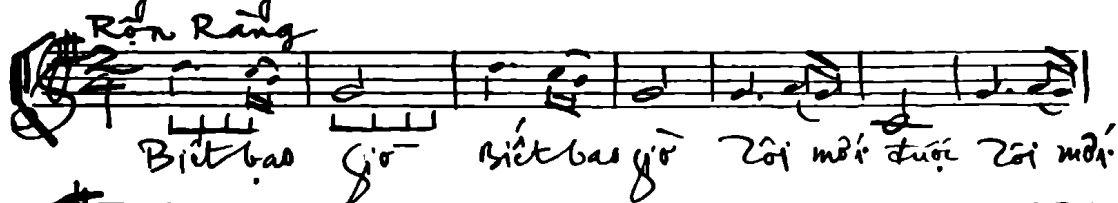
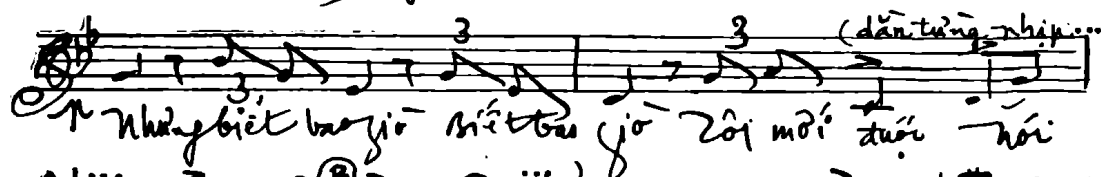
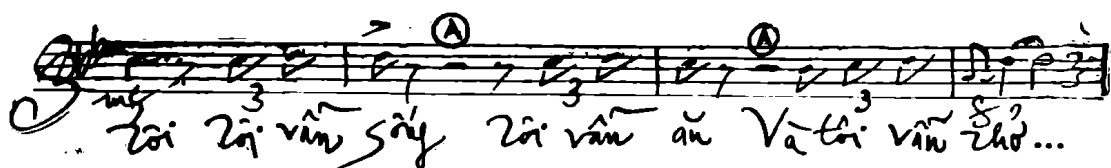
Tâm ca số 1..

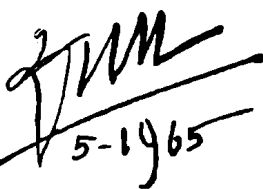
Chơ nhất Hạnh
Phạm Duy soạn và khúc

Rất chậm

(Thiệp dư dẫu của chiến tranh...)

...)
dolce
Sáng nay vừa thức dậy Nghe tin Em gục
ngã nơi chiến trường... Thương trong vách-tôi Vô
trình Khóm tường vi Vỡ nở thêm Vỡ nở thêm một đoá ...
Tôi đi vẫn sống Tôi vẫn ăn Và tôi vẫn thở...




5-1965

(chú thích) - Nên nhận mạnh những "silences" (A)
Không nên "rall" ở những cuối câu (

HERMANN HESSE • THI SĨ

HOÀI KHANH dịch

Hermann Hesse sinh ở miền Nam nước Đức gần đích thực của con người là một công vào năm 1887 trong một gia đình giáo sĩ truyền giáo Gia-Tô. Ông đã nổi loạn chống lại sự nghiêm khắc của cha mẹ và không khí nhà trường bằng cách bỏ nhà ra đi trong thời hoa niên. Đã sinh sống nhiều nghề vặt vãnh như thợ sửa máy và thư ký trong một tiệm sách. Ông đã rời bỏ nước Đức trước đệ nhất thế chiến và sống ở Thụy Sĩ từ đó cho đến khi ông qua đời vào năm 1962. Ông đã được tặng nhiều giải thưởng văn chương, kể cả giải Nobel văn chương trong năm 1946.

Đời sống hay xúc động của Hesse đã mang ông vào một cuộc tranh đấu với tập quán cũ và xã hội trưởng giả. Suốt cuộc đời Hesse được coi là một người không biết sợ sệt, một người nhiệt thành thẳng thắn, dễ xướng triết lý tự hiểu mình dễ chống lại sự đè nén cực kỳ của công thức chủ nghĩa mà xã hội đương thời cưỡng chế. Ông tin rằng điều này sẽ trả về cho chính cá nhân mỗi người cái chân

việc phải thực hành suốt đời mình. Siddhartha (1) nhân vật chính và cũng là nhan đề một kiệt tác của ông, chỉ nhận ra mình vào lúc lâm chung; chàng thì ở trong câu truyện ngẩn dưới đây cũng vậy. Hesse, chính ông cũng là một kẻ suốt đời đi tìm kiếm, mỗi tác phẩm của ông đều mở ra những chân trời có sức kích thích tất cả các động lực văn hóa ở những tác phẩm trong thế giới chúng ta: thần bí giáo Đông phương, tâm lý phân tích pháp, phong trào lãng mạn Đức, thần bí trung cổ và Nietzsche!

Chính vì tình thần thao thức tìm kiếm đó mà Hesse đã được hầu hết giới văn nghệ sĩ tuổi trẻ trên thế giới tôn làm bậc sư của mình, như các nghệ sĩ beat generation đã từng xưng tụng. Tiếc rằng bản dịch

(1) LÁ BỒI vừa mới xuất bản kiệt tác này dưới nhan đề: « Câu chuyện của dòng sông » do Phùng Khánh và Phùng Thăng dịch. Sách dày 240 trang, giá 50đ.

dưới đây không thể nào phô diễn tất cả những ý tình nồng cháy nhiệt thành của Hesse, đó là niềm đam mê mà người dịch xin ghi nhận sự bất lực của mình trước bạn đọc.

Cần nói thêm rằng Hermann Hesse là văn hào vĩ đại nhất của nền văn học Đức ở thế kỷ XX. Vị trí văn học của Hesse đứng bên Thomas mann, Franz Kafka, trong bối cảnh nhân bản Đức ở thời hiện đại.

Chuyện kể rằng thừa thiếu thời nhà thi sĩ Trung hoa Hàn Phong đã được cảm hứng với một sự thôi thúc kỳ diệu là học hỏi mọi sự và đề tự làm cho mình hoàn hảo mọi sự trong bất cứ cách nào thuộc về nghệ thuật thi ca. Vào lúc đó, khi chàng vẫn còn sống ở thành phố quê hương chàng cạnh dòng Hoàng giang, chàng đã dính hôn với một tiểu thư trẻ thuộc một gia đình tru hạng, theo lời yêu cầu của riêng chàng và với sự giúp đỡ của cha mẹ chàng mà họ yêu chàng rất mực. Cuộc lễ cưới không bao lâu nữa sẽ được định đoạt trong một ngày tốt. Lúc đó Hàn Phong vào khoảng hai mươi tuổi một thanh niên tuấn tú, nhã nhặn và với cử chỉ khiêm tốn, biết rõ về khoa học, và mặc dù tuổi trẻ chàng cũng đã biết một số những bài thơ tuyệt diệu trong giới văn nghệ của thành phố quê hương chàng. Không hẳn là giàu có, tuy vậy, chàng có thể mong đợi dịp may thích hợp mà tài sản sẽ được tăng thêm do của hồi môn của vị hôn thê của chàng; và vì lẽ vị hôn thê này rất

đẹp và hơn nữa lại là người có đức hạnh, nên hạnh phúc của chàng thanh niên dường như tuyệt đối không thiếu thốn điều gì nữa cả. Và tuy thế, chàng không được mãn nguyện với tất cả những điều đó, vì tâm hồn chàng đã đầy tràn nỗi cao vọng trở thành một thi sĩ hoàn hảo.

Rồi tình cờ một buổi chiều nọ, khi cuộc lễ cưới được tổ chức trên sông, lúc đó Hàn Phong đang bách bộ một mình trên bờ sông đối diện với dòng sông. Chàng dựa mình vào thân cây nghiêng phủ xuống mặt nước, và thấy hằng ngàn ánh sáng đang bơi lội và rung rẩy trên mặt sông; chàng thấy những người đàn ông và những người đàn bà và các cô gái trẻ chào hỏi lẫn nhau trên những con thuyền và các bè gỗ rực rỡ trong áo quần lễ phục của họ, giống như những bông hoa đẹp đẽ; chàng nghe tiếng thì thầm yếu ớt của dòng nước chiếu sáng, các bài hát của những cô gái ca hát, sự rung động của những cây đàn tỳ bà, và những giọng điệu dịu dàng của các người thổi sáo; và trên hết tất cả những hình ảnh này là chàng đã thấy đêm xanh biếc ngưng đọng lại giống như mái chùa cong. Trái tim chàng thanh niên đập mạnh khi như một khán giả cô đơn theo dõi thị hiếu của y, chàng đã thưởng ngoạn tất cả vẻ đẹp đẽ này. Nhưng, tuy vậy chàng hết sức muốn vượt qua sông, để tham dự vào, và để thưởng thức cuộc lễ trong cuộc hội eo

vị hôn thê của chàng và các bè bạn chàng, tuy thế điều ao ước nồng nhiệt hơn là để hấp thụ tất cả việc này như một khán giả dễ cảm và để phản ánh nó lại trong một bài thơ thật hết sức hoàn hảo : màu xanh của đêm và những ngọn đèn nhảy múa trên dòng nước cũng như sự vui thú của các người dự lễ và nỗi khát khao của một khán giả im lặng mà y đứng dựa mình vào thân cây trên bờ sông. Lúc bấy giờ chàng cảm thấy khinh-miệt tất cả các cuộc lễ và điều vui thú của cõi đời này, có thể tâm hồn chàng không bao giờ cảm thấy hoàn toàn yên tĩnh và thanh bình, mà cả đến trong khoảng giữa của đời sống chàng sẽ vẫn nguyên là một con người cô đơn và đối với một khoảng không gian nhất định, là một khán giả và một người xa lạ. Và chàng đã cảm thấy đó là linh hồn chàng, cô đơn giữa những người khác được cấu tạo như vậy mà chàng cùng một lúc phải cảm thấy được vẻ đẹp của cuộc đời và nỗi khao khát kỳ bí của một kẻ xa lạ. Điều này đã làm chàng buồn rầu và chàng nghĩ ngợi mãi điều đó, và tiêu chuẩn của tư tưởng chàng là điềm này : hạnh phúc thật sự và điều thỏa mãn sâu xa chỉ có thể là chàng nếu một lần chàng đã thành công trong việc phản ánh lại cuộc đời một cách hết sức hoàn hảo trong một bài thơ mà chàng sẽ chưa đựng chính cuộc đời, làm thanh khiết và bắt diệt nó trong những hình ảnh phản chiếu này. '

Hàn Phong khó lòng biết được cô thê là chàng vẫn còn thức hay đã ngủ, khi chàng nghe một tiếng động xào xạc nhẹ nhàng và thấy một người lạ đang đứng gần thân cây, một ông già về người đạo mạo đáng kính, mặt một chiếc áo bình bát màu nâu sậm. Hàn Phong đứng dậy và chào ông ta với một cái chào vừa vặn cho người tuổi tác và các người danh tiếng. Nhưng người lạ mỉm cười và đọc một vài câu thơ chưa đựng tất cả mọi điều mà chàng thanh niên mới vừa cảm thấy, diễn tả thật là hoàn hảo và đẹp và theo sự điều khiển của một đại thi hào, điều này khiến chàng thanh niên đã đứng lặng người trong sự kinh ngạc.

« Ô, ông là ai » chàng la lên, cúi xuống thật sát, « ông là người có thể thấy rõ tâm hồn tôi và đọc mấy câu thơ đẹp hơn hết mà tôi chưa bao giờ được nghe ở tất cả các giáo sư của tôi ? ».

Người lạ lại mỉm cười, nụ cười của sự thành tựu, và nói : « Nếu anh muốn trở thành một thi sĩ, hãy đến ở với tôi. Anh sẽ tìm thấy căn lều của tôi cạnh nơi phát lưu dòng sông lớn ở dãy núi phía tây bắc. Tên tôi là Thầy-Ngôn-từ Hoàn-hảo. »

Với những lời này cụ già bước vào bóng tối chật hẹp của cái cây và chẳng bao lâu đã biến mất; và Hàn Phong, chàng tìm kiếm ông lão trong nỗi vô vọng và không nhận thấy dấu vết nào của ông ta, bây giờ tin

tưởng một cách quả quyết rằng tất cả việc đó là do mộng寐 sinh ra bởi sự mệt mỏi của chàng. Chàng hối-hả bước xuống chiếc thuyền và góp phần trong cuộc lễ, nhưng giữa cuộc nói chuyện và thối sáo chàng vẫn tiếp tục nghe giọng nói huyền bí của người xa lạ và linh hồn chàng dường như đã xa rời với người khác, bởi vì chàng ngồi đó, một người lạ và cặp mắt mộng寐, giữa các người khách vui vẻ họ trêu chọc chàng vì sự tư lự của chàng.

Một vài ngày sau đó, cha của Hàn Phong muốn mời các bè bạn và họ hàng của ông đến để sắp đặt ngày cưới. Nhưng vị hôn phu phản đối và nói : « xin tha thứ cho con nếu con có vẻ như công kích lại sự vâng lời mà người con chịu ơn của cha hẳn. Nhưng cha biết con đã mơ ước được nổi danh trong nghệ thuật của các thi nhân nhiều như thế nào. Và mặc dù cả đến một số bè bạn khen ngợi các bài thơ của con, con hoàn toàn biết rõ rằng con vẫn chỉ là một kẻ mới bắt đầu và chỉ mới bước một bước đầu tiên trên con đường. Vì vậy, con xin cha, trước hết hãy cho con đi vào nơi vắng vẻ một thời gian và theo đuổi việc học hành của con; bởi vì đối với con hình như một lần con có vợ và có một căn nhà để chăm sóc, là chúng sẽ giữ con xa cách với những công việc đó. Nhưng bây giờ con vẫn còn trẻ và không phải làm những phận sự nào khác và sẽ rất thích thú được sống một ít thời gian lâu hơn để chỉ

dành cho thi ca của con, mà từ đó con hi vọng tìm được hạnh phúc và danh tiếng ».

Câu nói này làm người cha sửng sốt và ông nói : « Nghệ thuật này chắc chắn là phải đắt giá đối với con trên hết cả thấy những việc gì khác, vì lẽ ngay đến lễ cưới của con, con cũng muốn đình hoãn bởi vì nó. Hay nếu có một việc gì xảy đến giữa vị hôn thê của con và con, hãy nói với cha việc đó, như thế, cha có thể giúp con làm yên lòng nàng hoặc tìm cho con một người vợ khác ».

Nhưng người con thề rằng chàng yêu vị hôn thê của chàng không kém hơn ngày hôm qua và luôn luôn như vậy, và giữa chàng và nàng không hề có sự cãi vã nào dù chỉ cái bóng thôi. Và đồng thời chàng đã kể với cha chàng trong ngày lễ cộ đèn chàng đã mộng thấy một bậc thầy xuất hiện với chàng; và do đó nên chàng đã khao khát một cách nhiệt thành để trở thành đệ tử của ông hơn là có tất cả những điều vui thú của cõi đời này,

« Được lắm » cha chàng nói : vậy thì cha sẽ cho con một năm. Trong thời gian này con sẽ có thể theo đuổi mộng của con, mà có lẽ đã gửi đến con bởi một vị thần ».

« Tốt hơn nếu có thể được hai năm » Hàn Phong nói về do dự, « ai có thể biết được ? »

Vì vậy cha chàng đã cho chàng đi và rất buồn rầu ; nhưng chàng thanh

niên viết cho vị hôn thê của chàng một bức thư nói lời tạm biệt và ra đi.

Khi chàng bách bộ trong một thời gian rất lâu, chàng đã đến nơi phát lưu của dòng sông và nhận thấy một căn lều tre đang nằm ở đó trong một nơi hết sức hoang vắng ; và trước căn lều ông lão mà chàng đã thấy cạnh bờ sông gần thân cây, ngồi trên tấm thảm dẹt. Ông đang ngồi đó chơi đàn tam thập và khi ông thấy người khách của ông tiến đến gần một cách lễ phép ông không đứng dậy mà cũng không chào hỏi chàng, nhưng chỉ mỉm cười và để những ngón tay khéo léo của ông lướt trên những phím đàn, và một điệu nhạc mê hồn nổi lênh đènh giống như giãi mây lụa trôi qua thung lũng, cho đến nỗi chàng thanh niên đứng lặng người trong vẻ rất ngạc nhiên ngơ ngác của chàng, chàng đã quên hết bất cứ việc gì khác mãi đến khi bậc Thầy Ngón-từ Hoàn-hảo đặt cây đàn tỳ bà nhỏ của ông xuống bên cạnh và đi vào căn lều. Hàn Phong đi theo ông trong sự tôn kính và ở lại với ông như một kẻ hầu hạ và làm đệ tử của ông.

Một tháng trôi qua và chàng đã học được sự khinh miệt tất cả những bài hát mà chàng đã viết từ trước đến giờ, và chàng xóa bỏ chúng khỏi trí nhớ của chàng. Và sau nhiều tháng hơn, chàng cũng thối hồi khỏi đầu óc chàng những bài hát mà chàng đã học từ các vị thầy ở quê nhà. Bậc thầy không mấy khi nói một lời với chàng;

một cách im lặng ông dạy chàng nghệ thuật chơi đàn tỳ bà, cho đến khi linh hồn của môn đệ đã hoàn toàn thấm nhuần tới cùng tận với âm nhạc. Một lần Hàn Phong làm một bài thơ ngắn mà trong đó chàng diễn tả hai con chim bay trong bầu trời mùa thu và chàng lấy làm khá thích lắm. Chàng không dám đưa bài thơ cho sư phụ, nhưng chàng đã ngâm nó lên trong một buổi chiều ở một nơi hơi xa với căn lều, và sư phụ phải nghe bài thơ. Nhưng ông không nói một lời. Ông chỉ khẽ nhún lên cung đàn tỳ bà của ông một cách nhẹ nhàng, và chẳng bao lâu không khí trở nên mát lạnh và bóng hoàng hôn mờ hắt đi, một cơn gió mạnh nổi lên mặc dù lúc đó vào giữa mùa hè, và thổi băng qua bầu trời đã biến thành xám xịt, hai con cò sếu bay, bị cuốn đi bởi sức mạnh của giòng máu giang hồ, và tất cả điều này đẹp xiết bao và hoàn hảo nhiều hơn những câu thơ của môn đệ. Chàng trở nên buồn rầu và im lặng ngay và cảm thấy những câu thơ của mình là không xứng đáng. Và ông lão đã làm việc này mỗi lần ; và khi một năm đã trôi qua, Hàn Phong đã gần như học được nghệ thuật chơi đàn tỳ bà một cách hoàn hảo nhưng nghệ thuật thi ca sừngsừng trước chàng gấp bội khó khăn và cao siêu.

Khi hai năm trời đã trôi qua, chàng thanh niên cảm thấy lòng nhớ nhà cực độ vì gia đình chàng, thành phố quê hương chàng và vị hôn thê của chàng và chàng hỏi xin sư phụ cho chàng hành trình.

Sư phụ mỉm cười và gật đầu, « Con tự do », ông nói, « và có thể đi đến bất cứ nơi đâu con muốn. Con có thể trở lại đây, con có thể ở lại nhà, tùy ý thích của con ».

Bởi vậy người môn đệ bắt đầu cuộc hành trình của chàng và đi không nghĩ chân cho đến một buổi rạng đông nọ chàng đã đứng trên bờ sông quê hương và nhìn qua vòng cung chiếc cầu về phía thành phố nhà chàng. Chàng bỏ như cách kẻ trộm vào vườn cha và nghe hơi thở của cha chàng qua cánh cửa sổ phòng ngủ của ông, bởi vì ông vẫn còn đang ngủ, và chàng bỏ vào vườn hoa quả bên cạnh nhà vị hôn thê của chàng và, từ trên ngọn của một cây táo chàng leo lên, chàng thấy vị hôn thê đứng trong phòng nàng, đang chải tóc. Và khi chàng so sánh tất cả điều chàng đã thấy tận mắt này với hình ảnh chàng vẽ ra về nó trong lòng nhớ nhà của chàng, sau hết, nó trở nên rõ ràng đối với chàng rằng số mệnh của chàng là một thi sĩ, và chàng đã nhận ra rằng trong những giấc mộng của thi sĩ có cư ngụ một vẻ đẹp và vẻ kiêu diễm mà người ta tìm kiếm vô vọng trong những sự vật thực tại. Và chàng từ trên cây leo xuống và chạy lánh xa khu vườn, băng qua chiếc cầu và chạy khỏi thành phố quê hương chàng trở lại với thung lũng cao nguyên trên dãy núi. Ở đó bậc sư phụ già vẫn ngồi như trước, phía trước căn lều của ông trên tấm thảm đơn sơ, **khay đàn tam thập bằng những** ngón

tay của ông. Thay vì chào hỏi ông đọc hai câu thơ diễn tả niềm vui của nghệ thuật, mà nó sâu sắc và âm điệu hòa hài khiến cặp mắt chàng thanh niên rần rụa với những dòng lệ.

Hàn Phong lại ở lại với bậc Thầy. Ngọn-từ-Hoàn-hảo, bây giờ ông dạy chàng đàn tam thập, vì lẽ chàng đã quán thông đàn tỳ bà, và nhiều tháng đã nhanh chóng trôi qua, y như tuyết trong gió tây. Hơn hai lần đã xảy ra mà chàng đã thắng nổi lòng nhớ quê hương của chàng. Một lần chàng trốn đi một cách bí mật về đêm, nhưng ngay trước khi chàng đi đến khúc quanh cuối cùng của thung lũng, gió đêm lướt qua cây đàn tam thập treo trên cửa căn lều, và âm điệu của nó đã đuổi nhanh theo sau chàng và gọi chàng trở lại, đến nỗi chàng không thể nào cưỡng lại được. Tuy nhiên, lần khác, chàng đã nằm mộng thấy chàng đang trồng một cây con trong vườn với vợ chàng đứng bên cạnh và các đứa bé của chàng tưới cây bằng rượu vang và sữa. Khi chàng thức giấc ánh trăng đang chiếu rọi vào phòng chàng, và chàng ngồi dậy trong một trạng thái bức bối và thấy sư phụ đang nằm ngủ ngon giấc gần bên, bộ râu cũ kỹ của ông rung động nhẹ nhàng. Một sự thù ghét cay nghiệt nổi lên trong lòng chàng chống lại con người này mà ông ta, đối với chàng dường như đã tàn phá đời sống của chàng và lừa gạt tương lai chàng. Chàng muốn nhào lên ông và hạ sát

ông ta; giây phút đó ông lão mở mắt và tức thì bắt đầu mỉm cười với một sự tinh diệu, buồn một cách nhẹ nhàng, mà điều này đã đánh bật sự thù ghét ông của môn đệ.

« Hãy nhớ Hàn Phong » ông lão nói giọng êm ái « con tự do hành động khi con thích. Con có thể đi về thành phố quê hương của con và trồng cây trái, hoặc con có thể thù ghét và giết chết ta, việc đó không thành vấn đề ».

« Ôi, làm sao tôi có thể thù ghét sư phụ ». chàng thì thầm lên một cách thay đổi sâu xa, « điều đó sẽ giống như thù ghét chính cõi Niết bàn ».

Và chàng đã ở lại và học chơi đàn tam thập và rồi ống sáo, và sau cùng, dưới sự hướng dẫn của sư phụ chàng bắt đầu tam thư, và một cách chậm chạp chàng đã học được bí thuật của việc nói những gì có vẻ như không khó khăn và giản dị, tuy vậy nó đã rung động linh hồn người nghe như gió xao động mặt nước. Chàng diễn tả sự hiện lộ của mặt trời, nó đỏ rực như thể nào ở đỉnh dãy núi, và sự lướt đi bất động của loài cá khi chúng lội, lướt qua giống như những cái bóng dưới nước, hoặc sự nghiêng ngã của một cây liễu con trong gió xuân. Và khi người ta nghe bài thơ, đó không phải chỉ là mặt trời và sự tung tăng của loài cá và sự xào xạc của cành liễu, nhưng bầu trời và vạn vật dường như mỗi lúc hòa điệu vì một sức chuyển

động trọng yếu trong âm nhạc tuyệt hảo, và mỗi người nghe nghĩ ngợi, như họ đã nghe với niềm vui thú hoặc đau khổ, của những gợn sóng yên lặng hoặc thù ghét, đưa bé nhỏ đến các trò chơi của nó, chàng thanh niên nghĩ đến người yêu của y, người già nua nghĩ đến sự chết của ông ta.

Hàn Phong không còn biết đến chàng đã ở với sư phụ bao nhiêu năm trời ở nơi phát lưu của dòng sông lớn. Thường đối với chàng dường như chàng chỉ mới vào thung lũng này đêm qua và đã được nhận bởi âm nhạc của ông lão. Chàng cũng thường cảm thấy như thể tất cả những thế hệ của con người và các thời đại giảm sút đi đằng sau chàng và trở nên không thực.

Rồi một buổi sáng chàng thức dậy một mình trong căn lều, và nơi chàng nhìn và gọi không thành vấn đề nữa, sư phụ đã biến mất. Mùa thu hình như đã đến một cách bất thần đêm qua, một cơn gió mát lạnh lay chuyển căn lều cũ và trên đỉnh của dãy núi một đàn chim di chuyển vĩ đại đang bay đi, mặc dù chưa phải lúc của chúng thiên di như vậy.

Lúc bấy giờ Hàn Phong lấy ống sáo nhỏ của chàng và xuống núi về thành phố quê hương chàng và bắt cứ người nào chàng gặp họ đều dâng chàng sự chào hỏi vừa vặn cho một người già cả và các người danh tiếng. Khi chàng về đến thành phố quê hương, cha chàng, vị hôn thê và những

họ hàng thân thuộc của chàng đều đã chết và các người khác sống trong những ngôi nhà của họ. Buổi chiều, cuộc lễ cộ đèn đã được cử hành trên sông và thi sĩ Hàn Phong đứng xa trên bờ sông phía tối hơn, dựa mình vào thân một cây cổ thụ, và khi chàng bắt đầu thổi chiếc ống sáo nhỏ của chàng, những người đàn bà thờ dài với vẻ khoan khoái cực độ và nổi bật rứt lo âu vào trong đêm và những chàng thanh niên đôi gặp người thổi sáo, mà họ cho là có thể tìm thấy một nơi nào đó, và la lên rằng trong bọn họ không một ai chưa hề nghe được

giọng sáo như thế trước đó. Nhưng Hàn Phong mỉm cười. Chàng nhìn xuống dòng sông nơi những hình ảnh phản chiếu của hằng ngàn chiếc đèn lồng trôi nổi bập bênh. Và chính lúc đó chàng không còn có thể phân biệt được nữa những hình ảnh phản chiếu từ hình ảnh của thực tại ; và đồng thời chàng nhận thấy không có gì khác biệt trong tâm hồn chàng giữa cuộc lễ hôm nay và cũng cuộc lễ này lần thứ nhứt khi chàng đứng đó như một chàng thanh niên tuổi trẻ và lắng nghe những lời của bậc thầy xa lạ.

HERMANN HESSE

HỘP THƠ TOÀ SOẠN

— ANH PHƯƠNG ĐÌNH : Xin đa tạ. Không còn nhớ gì cả. Cứ gửi các sáng tác về. P. N. M. : Đã nhận được bài thơ «Mười Năm Câu Nguyện». H. P. : Đã nhận được 5 bài thơ «Dáng thơ», «Hoa bí đốt bầu», «Kẻ quê trời», «Tiếng ve», «Áo mẹ». B. D. : Đã nhận được 3 bài thơ «Bồn phía ngùi ngùi», «Sở một», «Luân-hối». Đ. Q. L. : Đã nhận được bài thơ «Huyền thoại về quê hương». T. C. N. Q. : Đã nhận được 2 bài thơ «Túi hổ về già» và «Chiến Cuộc». T. T. : Đã nhận được 2 bài thơ «Mạ-dại» và «Biên động». T. T. C. : Đã nhận được 3 bài thơ «Suy vong», «Túi phận» và «Cõi xưa». H. G. T. : Đã nhận được 2 bài thơ «Tuổi trẻ-bảy giờ» và «Chôn thân». S. N. H. T. : Đã nhận được 5 bài thơ «Biên giới», «Cảnh trí», «Cõi tôi», «Trông đời đôi», và «Bên nỗi niềm con». T. N. S. : Đã nhận được 2 bài thơ «Loài giun dưới đất» và «Tôi vẫn còn đi lang thang». H. T. T. T. : Đã nhận được bài «Nhìn xuống». D. N. và M. Y. : Đã nhận được «Vàng lạnh đời mình», «Nàng», «Bài tình yêu», «Góa bụa»

L. Đ. P. P. : Đã nhận được 2 bài thơ «Đã tự bao giờ», và «Bài quê hương». T. H. K. V. : Đã nhận được bài thơ «Ánh trăng mười bốn». P. N. M. : Đã nhận được «Đêm mưa lửa đạn». Đ. M. H. : Đã nhận được «Những cuộc dẫn-thân», «Lời tự thuật», «Lửa» và «Giữ thơm quê mẹ». V. Q. : «Nổi sáu trong đá» đã đến Toà soạn. L. T. H. : Toà soạn đã nhận được 5 bài thơ.

Toà soạn Giữ Thơm Quê Mẹ chân thành cảm tạ các bạn và trong thời hạn ba tháng nếu không thấy bài của các bạn được đăng tải thì coi như không hợp với ý hướng của Toà soạn.

— Truyện ngắn hoặc bài vở sợ thất lạc, các bạn gửi báo đảm để tên Hoài Khanh tôi cũng lãnh được. Bài vở đã gửi cho G. T. Q. M. xin các bạn đừng gửi cho báo khác. Sau thời hạn ba tháng, các bạn có thể gửi.

Một lần nữa, cầu chúc các bạn vui mạnh và sáng tác nhiều.

H.K.

RẰNG TỪ' NGẪU NHỈ (II)

(KIỂU GHÉ PHƯƠNG TÂY)

BUI GIÁNG

*Rằng từ ngẫu nhĩ lên non
Ngần ngừ núi bảo rằng con cái nhà
Một lời đã biết đến ta
Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vờ*

Câu chuyện kể còn dài vô hạn. Mà tờ giấy không thề có đủ kích thước vô hạn mặc dù ban sơ vốn là tờ giấy trắng. Vậy nên chi chúng ta bị đưa vào cõi bối rối. Làm thế nào vẽ vờ cho nên được câu thần ? Nếu tờ giấy không cho phép, âu đành phải mượn bút hoa.

*Vẽ vờ lại mượn bút hoa
Bút là một ngọn lại là một cây
Tuy nhiên số dzách giải bày
Cũng còn đợi ở lượng ngày phù du
Câu tương ứng chén tạc thù
Cây vườn đâm ngọn đắp bì bút hoa
Rằng từ ngẫu nhĩ ngó ra...
Ngó ra thấy gì ?
Thưa rằng : thấy... thấy...*

Thấy mọi sự như chúng ta thấy. Mọi người ai chẳng thấy : nào bàn nào ghế, học tập nhà trường, học hành nhà trại, học văn chương, học quân sự, học bay tàu bay lên trời, học thả tàu bay dội bom xuống đất, học ngủ chiêm bao, học mơ ra ngồi bờ cỏ, học làm đại tá ma, học thôi không làm đại tá ma nữa.

Từ đó về sau ?

Từ đó về sau lại trở lại bên đèn nêu trở lại câu chuyện ban sơ ngẫu nhĩ với Nuông Thúy. Nuông bảo sao ?

*Ngần ngừ nuông mới thưa rằng
Thói thường mơ mộng chất hăng đắm
chiều*

Cái đó là chỗ đó.

Bởi đâu mà nguy ?

Bởi rằng : mơ mộng, đắm chiều, vốn không phải là tư tưởng triết học. Mơ mộng đắm chiều, hoặc chiều đắm mộng寐, thì làm sao dựng nên cho nổi những hệ

thống rành mạch, đồ sộ ? Phải bài trừ
chiêu đấm thì mới có thể vận dụng tư
tưởng theo tinh thần khoa học.

Cái bóng ma khoa học rập rình, từ
đó cứ len lỏi vào mọi cõi tồn sinh linh
vực của con người. Từ địa hạt đến địa
phương, từ phồn hoa tới phố hội, từ
phồn thị phồn thành, tới phồn làng, phồn
xóm, phồn xã, phồn quê, đâu đâu cũng
bắt gặp phồn ma khoa học kéo cò bốn
bên đánh úp.

Mọi sự từ đó đã ra sao ?

Mọi sự vẫn vương tròn phồn thịnh,
chỉ duy có một cái tân thanh duy nhất là
mất rụi cái thịnh phồn.

Sao gọi là thịnh phồn ? Sao gọi là
mất rụi ? Sao gọi là vẫn còn ? Sao gọi là
tân thanh ? Sao gọi là ngẫu nhi ? Sao gọi
là gặp nhau ? Sao gọi là không gặp ? Sao
gọi là gặp ? Sao gọi là không ? Sao gọi là
« gọi » ?

Cái nguy là đó. Bởi đâu ?

Bởi rằng : khi câu hỏi nêu lên thì lời
đáp cứ như «hiện ra» theo khuynh hướng
«chê làm ba sợi tóc», hoặc cứ theo lối «thầy
hỏi bài học, em đọc cho thầy nghe».

Cái chết người là chỗ đó. Cái làm
cho nhân gian tê dại là chỗ đó. Biết làm
rằng mà «ngần ngừ nằng mới thừa rằng»
cho được ? Ánh mờ tồn lưu làm sao mà
hiện ra cho tồn hoạt phù du thiên thu
đón mở phơi bày trong nếp gấp đăm
chiêu vô ngần lưỡng lự, nhị tư, tam tứ
diện ? Ngũ thập bình ? theo lam, hồng,
tô, bạch, trong vạn ngàn sắc thái lung

linh ? mà cầu mong cho liễu yếu dừng
«phá trận» ?

Cái chết con người ta là chỗ đó.

*Đầu nhiên phẩm hiện lãng chàng nham
Bán dạ thâm canh nhất trạch đàm
Tùng bạt tùng phong phiêu vạn diêm
Thê hà loạn sấm biệt thanh sam
Giang hồ duyệt lịch tâm Tư Mã
Bào đảo Triều Dương ấp nguyệt cầm
Hốt xuất hồng hiên sương tuyết cái
Sai kinh cưỡng mạch lục tô lam*

(DUÔNG MÔ DIN)

Mà đào hoa sao lại tợ tuyết ? Hồng
sao là bạch ? Quần hồng sao hiện hiện
thành gái núi trong hang ?

— «Nguyên vị mang mang trọc thế,
thiện ác thị phi, đồ bất dị phân biện đích
minh minh bạch bạch...»

Từ đó mà đi, chúng ta thấy rằng : Mọi
sự hỗn độn ngửa ngang cứ kéo dài
cái thành tựu ra mãi là chính bởi cái
thịnh phồn khoa học cứ lấn áp cái tồn lệ
ban sơ trong tương-ứng-tương-giao Synou-
sia-ràng-từ-ngẫu-nhi.

*D'où l'insolvabilité de ton poème.
D'où tes larges lèvres ensanglantées.
En toute malédiction, la terre t'aime.
De toute éternité, à grand regret.*

(DUÔNG MÔ DIN)

Mặt trời gay gắt đã cưỡng hiếp ngôi
sao. Tư tưởng bát ngát bình minh, bị
chôn vùi trong nhà tù hệ thống, bị bùng
bít trong những hàng rào kẽm gai. Rào

giậu mất lá cây, lá cây mất lá cỏ, lá cỏ mất lá cùn, lá cùn mất cơn gió của trường mộng chiều dăm.

Sao gọi là mất ? Từ đó có nghĩa : mất là cùn. Còn gì ? Còn cái lù lù ra đó.

Kẻ thù gớm guốc nhất của tư tưởng chính là cái tinh thần khoa học trong triết học ngày nay. Triết học còn cứ luôn luôn đưa đòi tỏ ra ta đây rất khoa học, thì tư tưởng còn mãi mãi kéo dài cái cuộc chết lảng trỉ trên mặt đất phẳng lì chờ đợi cái ngày tinh thể cơ giới sắp phôi ra. (Xem Martin Heidegger).

Cái điều lạ nhất trong tồn hoạt hôm nay là : người ta hân hoan nhẩn nại nằm trong cõi lảng trỉ suốt trăm năm, mà khi gặp cơn gió lưu tồn trong bóng mờ nhị mộng, thì người ta tru tréo la to : làm sao cho tôi dòm rõ ra ngay cho chớ. Làm sao đập cái vành đề tôi vồ ngay cái hột ?

Người ta quên mất rằng : nếu nhất đán vội vã đập cái vành một cách hấp tấp vội vã vội vàng, thì rất có thể rằng : từ cái nhất đán kia, cái hột nằm ở trong cũng vỡ toang ra trong nhất dạ. Thì từ đó về sau mọi sự sẽ ra sao ? Sẽ ra là : trăm điều ngang ngửa vậy.

*Trăm điều ngang ngửa từ tôi
Thân sau ai chịu tội trời ấy cho
Xin người nhẩn nại nằm co
Năm sau ngẫu nhĩ con dò lại sang*

Con dò ngẫu nhĩ lại sang theo điệu nào ? Theo điệu : xóa nhòa bờ gai bến góc. Đề làm gì ? Đề cho cái bờ hoa, bờ lá, bờ cỏ chiêm bao hiên hiên trong ánh mờ tồn

lưu (1) mà thiết lập « ối » cho phiếu bông ngôn ngữ tái tạo thanh âm thể nào cho hai vũ trụ chào nhau :

— « *Rằng từ ngẫu nhĩ...* »

Kể từ đó, ta mới có thể quan niệm ra cái sự vụ lạ lùng này : thiên tài tái tạo Lời trong cõi Việt Nam, khởi từ mảnh hồng quần của một Triều Minh Cô Gái.

Mọi sự bỗng mới ra, khởi từ câu chuyện cũ. Mọi lời mọi tiếng bỗng mang chất tân kỳ khởi từ những ngữ ngôn cũ kỹ.

Bởi đâu mà nên sự lạ lùng ?

Đáp rằng : bởi thi sĩ thiên tài là cái kẻ tái tạo trong thanh, âm, thiết lập thịnh triều trong ngôn ngữ. Cái kẻ riêng biệt có tư chất kỳ dị này : *mỗi lần nói tới cái gì, nghe ra cái gì, ngó lại cái gì, là y như đó lần đầu tiên ngó, nghe, nói.*

Ai đọc Nguyễn Du mà không cảm thấy điều đó ? Câu chuyện cũ, tình ý lữ, ngôn ngữ cũ, tiết điệu cũ... (có cái gì cả không « cũ » đâu ?) Thế tại sao mỗi lần « lần giở » lại nghe ra như cả cái cõi đời trong ta lại tân kỳ như bất ngờ ngẫu nhĩ cái ta bỗng đứng bất ngát phiếu bông vào trong cõi trăm năm người trong thiên hạ ?

Người không thi sĩ cũng nói, cũng nghe cũng ngó. Ngó rất kỹ lưỡng. dòm rất tỉ tê, nghe rất như đường quả nhiên tương giao tâm sự, tỉ mỉ tương ứng tâm tình... Mà thật ra, mọi cái ngó, cái nghe, cái nói của họ, chẳng đem lại « cõi » cho tái tạo

(1) l'éclaircie de l'être.

phiêu bông. Nghe nói rất nhiều, nghe ra rất lắm, mà chẳng có gì rục rịch cả. Toàn khối nhạt nhàm. Mặt đất. đắng cay. « Nhứt cá phiêu bông du hồn nhập : Đò thành không hỏ mộng nguyên sương ».

Trên đường về ngôn ngữ, người ta bỏ lạc mất riêng một chút gì, mà từ đó về sau, mọi âm thanh đều biến thành lời câm, tiếng điếc, hương ù lì, màu lơ lảo, sắc lắt lay, quần hồng không thấy có mảnh hồng ở trong khả dĩ biến quần hồng thành hồng quần làm gương soi chung cho thiên hạ, cho mỗi lần ngẫu nhĩ đi về là mỗi lần bất chợt như nhìn thấy vũ trụ mới ra, như nhìn ra trần gian mở cõi, như nhận thấy mọi sự vật giữa đời hiện hiện như mới. hiện-đầu-tiên ngộ ban sơ hạnh ngân dài

Chào nhau : em đúng là em đó

Là gái muốn năm có mặc quần

Ai lại chẳng biết rằng gái có mặc quần ? Gái không mặc quần thì còn ra thề thống gì nữa ? Tuy nhiên có ai nhận thấy rằng gái phủ du muôn năm có mặc quần dẫu trong giờ trần trụi trần trường tắm quần bị xé rách ?

Chào nhau : em đúng là em đó

Parviens-tu à l'incandescence ?

Parviens-tu à l'inaltéré ?

**TU ACCEPTES LE RISQUE DE
L'INDÉCENCE**

Pour le dévoilement de quelle Clarté ?

Ngôn ngữ là lời, hỡi ôi ! bởi đâu mà tái tạo cõi ? Âm thanh là tiếng, hỡi ôi ! bởi đâu mà tái lập con đường ? Con đường dẫn tới nơi nào, hỡi ôi ! bởi đâu mà thành ra chốn ? Chốn nọ vì sao, hỡi ôi ! mà

bồng dưng nhiếp dẫn lối đi về cho tồn lưu phiêu bông tự chân trời ngẫu nhiên bước vào trong lưu trú ? Lưu trú là gì, hỡi ôi ! bởi đâu mà biến làm trong cõi sương tuyết có trăm năm ? Trăm năm là gì, hỡi ôi ! bởi đâu mà biến làm vạn thuở ? Vạn thuở ở lại trong phút giây sau phút, hỡi ôi ! bởi đâu mà đam mê ? Đam mê quay cuồng trong gấn bó, hỡi ôi ! bởi đâu mà thân thiết rằng trăm năm cũng từ đây ? Từ đây không xê dịch bao giờ, hỡi ôi ! bởi đâu mà bỗng chốc bỏ ra đi ?

Tôi sẽ ra đi bỏ lại đời

Mỹ Tho Mỹ Thọ Sóc Trăng ơi

Mỹ Thọ muốn đời là Sóc Trăng

Gái mặc quần ra đứng ngó trời.

Đứng ngó trời đề làm gì, hỡi ôi ! bởi đâu mà trông thấy ? Trông thấy gì, hỡi ôi ! bởi đâu mà đau đớn ? Đau đớn gì, hỡi ôi ! bởi đâu mà đoạn trường trải qua ?

Trải qua một cuộc bề dẫu

Những điều trông thấy...

Thế là chúng ta nhìn nhận : nầy giờ ông bạn dùng một lúc dồn dập một lô tiếng : hỡi ôi. Đó là trông thấy.

Hỡi ôi ! ngón ngữ là lời

Ấy trong tiết điệu ấy ngoài âm thanh

Dư vang cuối lá đầu ghềnh

Niềm riêng suy trọng sao dành từ nan

Rừng phong thu giữ hội đàn

*Rượu thơm từ đây chén vàng nguyệt
khuy*

Rừng phong thu đã nhuộm kỳ

Chiêm bao bờ cỏ Gái Tỳ Hải gieo

Rằng từ ngẫu nhĩ nhìn theo

Lần trông bước bước trường đèo còn vang

Trường đèn còn vang cái gì ? Cái gì
đương đội ? Cái gì đương la ? Cái gì
đương kêu ? Cái gì đương gọi ? Cái gì
đương nói ? Đương nói cái gì ? Rằng :

Ruộng đồng mọc cỏ hôm mai

Cỏ mọc cho ruộng đồng, đề mùa sau
cho lúa về lúa chín ? Đồng ngập nước
trong cơn hồng thủy điều linh đề mai sau
xuân về cho tái lập ? Bến bên bờ nhìn con
én lại bay. Bay mấy vòng thiên thu cho
thoát ra ngoài vòng ngục kinh hiềm họa
«đầy sông kinh ngạc» chật trời én bay ?

*Én đầu xuân, tuyết đầu đông
Rừng cô tịch ngóng nội đồng trở hoa
Tự giờ ngẫu nhi nhìn qua
Ở trong giấc mộng em là Kiều Nương*

*Le poète, on le sait, mêle le manque et
l'excès, le but et le passé. D'où l'insolvabilité
de son poème. Il est dans la malédiction, c'est-
à-dire qu'il assume de perpétuels et renaissants
périls, autant qu'il refuse, les yeux ouverts,
ce que d'autres acceptent, les yeux fermés...
Quand il parvient génialement à l'incandes-
cence et à l'inaltéré (Eschyle, Lao-Tseu, les
présocratiques grecs, Thérèse d' Avila, Sha-
kespeare, Saint Just, Rimbaud, Hoelderlin,
Nietzsche, Van Gogh, Melville), il obtient le
résultat que l'on connaît. Il ajoute de la nob-
lesse à son cas lorsqu'il est hésitant dans son
diagnostic et le traitement des maux de l' hom-
me de son temps...*

(RENÉ CHAR)

*Tự giờ ngẫu nhi nhìn qua
Ở trong giấc mộng em là Kiều Nương
Vinh lưu tồn hoạt đôi đường
Biết đâu địa ngục thiên đường là đâu
Nương càng mặt ủ mày chau*

*Đi về phảng phất nếp nhàu ban sơ
Rằng không thì cũng tự giờ
Bước ra rằng có liệu ngờ chi không
Rằng từ ngẫu nhi ra bỗng
Hà sơn vạn lý còn không cuộc cờ
Rằng tôi đã có lòng chờ...
Đùng đùng gió giục mây mờ tồn lưu
Đôi mắt ngọc cặp chân cừu
Đường quanh lối quẹo gọi hươu phiêu
bồng
E sương dín gió ngại ngừng...*

Pourquoi es-tu hésitante, chère amie ?
O toi que j' eusse aimée... Toi que j' appel-
le ma soeur et que j' aime infiniment
plus qu'une sœur...

Tu ajoutes de la noblesse à ton cas
lorsque tu es hésitante dans ta marche vers
le voisinage de l'être qui se dévoile dans
le Pli perplexe d'une Clarté diffuse, à tra-
vers la première Rencontre Rằng Từ Ngẫu
Nhi Gặp Nhau...

Qu'appelle-t-on Rằng từ ngẫu nhi ?
Qu'appelle-t-on gặp nhau ?
Qu'appelle-t-on clarté diffuse ?
Qu'appelle-t-on pli perplexe ?

Trước những câu hỏi nêu lên chúng ta
chờn chân đứng lại. Thúy Kiều đã nêu
lên, Nguyễn Du đã nêu lên, Chu Mạnh
Trinh đã nêu lên, anh chị, và các cô, các
bác đã nêu lên tôi nữa cũng nêu lên. Nhưng
ai là riêng người đã đáp ?

*Ấy ai đã đáp là người
Ấy ai hạ từ là lời ném châu ?
Gieo vàng hạ cổ đến nhau
Mấy lòng suy trọng trong màu đỏ đang
Vong hồn lịch kiếp lang thang
Đi về phảng phất mây đàn đầu cơn*

*Đam mê san phút mộng hờn
Đạm Tiên nàng ấy cung đèn đã tuôn.*

Nhưng-nếu là Đạm Tiên quyết định thì câu hỏi nêu ra đầu đuôi gốc ngọn đều do một cái bóng ma mà nên cả thế ru ?

Bóng ma là gì ? Sao gọi là bóng ma đi về gieo sương bóng ? Có một con người nào phiêu du hoạt tồn trên mặt đất mà không cảm thấy có một cái bóng ma nằm ở giữa thân thể của mình là mình mấy hình hài máu me xương khớp ?

Phải chăng từ câu hỏi đó, mà ta gọi Dasein là l'être-pour-la-mort ?

Và nếu gọi như kia, thì cái nói của lời, cái ngữ của ngôn, cái ngôn của cú-từ-tiết-điệu kia (le Dit de cette Phrase) phải được nghe ra trong cái Vòng-Vắng-Lặng nào, để cho cái nghĩa Tương-Ứng-Synou-sia ban sơ đừng mất nghĩa ban sơ ? Vì nếu mất nghĩa ban sơ, thì hố hang hiện ra khắp nẻo, và sông núi là vạn lý hà sơn mất nhịp cầu nho nhỏ bắc ngang.

Rằng từ ngẫu nhĩ nhìn sang

Nhịp cầu nho nhỏ bắc ngang cuối ghềnh

Nghĩa là ở giới hạn cuối cùng của tinh hoa ngôn ngữ khuất lấp trong mù sương tinh thể của lời.

Mất cái đó đi, thì mọi con người sẽ mất cõi. Cõi sẽ bị qua phân, đời ruộng đồng sẽ tan hoang trong hào, ngoài lũy, trên dưới sa lầy.

Làm sao từ hải giai tồn lưu cho được chớ ? Làm sao cho hai vũ trụ được nhiếp dẫn về trên một dòng, mà ngăm nhìn nhau trong một tắc cổ, thì đâu còn tính ra cái

chuyện báo đền liễu đem tắc cổ báo đền ba xuân ?

Vốn tự ban sơ, con người ta ở mọi chân trời đã nhìn nhau trong một cõi, Ta gọi là : cõi thiện, cõi chân, cõi mỹ, cõi tồn lưu, cõi lưu trú, cõi quê mẹ, cõi quê hương, cõi ngôi nhà vĩnh thề, cõi thanh hiền tố như tố bạch,... Gọi gì thì gọi, bằng lời gì thì bằng, ban sơ vẫn là một cõi MỘT cứ luôn luôn đời bình diện trên địa hạt địa phương cho thịnh phồn lục địa cứ thường hằng tư lượng trong định mệnh tồn hoạt bóng ma...

Hỡi ôi ! vấn đề *thề và thời gian* có phải chính từ chỗ này mà được nêu ra cề từ đây quyết định ? Những nhà tư tưởng nói tiếng ăn ngữ, pha trong mù sương, có đơn sơ lắm lắm ? Và vì quá đơn sơ, nên con người trong bụi khói cứ ngàn năm không chịu hiểu ? Và cứ vô tình đập phá tan nát mãi mãi riêng một cái gì khả dĩ thiết lập thế quân bình cho cuộc sống chênh vênh ?

Đông là gì, Tây là gì, đâu là cái hố, cái hang, cái khe, cái mương, đâu là cái bước nhảy ?

Rằng từ ngẫu nhĩ nhảy qua

Bờ là vũ trụ bến là cõi kia

Miền tương giao bằng tan là

Mép cồn lau rụng mảnh bìa tồn lưu

Hai là một ? một là mười ?

Mười về trong một ngôi cười lừng lơ ?

Mai sau dù có bao giờ

Gió đưa một trận về bờ bừa nay ?

Hai con mắt, một vòng tay

Anh mò tồn lệ phôi bầy đào non ?
**CLARTÉ - DIFFUSE - RẰNG - TỪ-
NGÃU-NHĨ**

*Le vent d'un vent souffle où il veut
Ineffable est le bras des feuilles
Omniprésents sont les clairs yeux
de la clarté qui se recueille*

*Un jardin s'ouvrant sur un pré
parle de la nuit ionienne
qui songe à là Chine antique et
à l'aube des forêts indiennes*

*Gravissant le sommet du Pic
de l'Obscurité pour atteindre
l'eau blanche dans le dur granit
Avez-vous quelque chose à craindre ?*

*La clarté-diffuse-đào-non
donne naissance à lãn-ngẫu-nhĩ
Dès lors à l'infime Koun-loun
la Grande Origine s'allie.*

Hai vũ trụ nhìn nhau trong một cõi
là : Nguyên Thủy Ngũ Ngôn kể từ...

Kể từ Tân Thanh thiết lập nhịp cầu
trên mảnh hồng quần soi trên mặt hồ gương
bóng.

Có hiểu sự vụ là thế, thì chúng ta mới
có thể rõ vì sao mà gái Gia Tĩnh lại có thể
là phụ nữ Việt Nam, tiếng Trung Hoa lại
là lời Hồng Lĩnh, hoặc thằng Quảng Nam
hay cái, lại có thể làm thơ rất mực phiêu
bồng. Đến bà đầm da trắng cũng phải đắm
lệ mà nghe ra mũi tẹt da vàng khóc hu hu,
hou hou :

*Savez-vous tigres et tigresses
Où donc est le perplexe pli
d'une Reine Raisin des Tresses
L'or des pleurs, l'acajou des cris ?*

*Hou hou ! la chanson du Corsaire
Tou tou ! Pêcheuse d'aiglon
Tonnerre du soleil lunaire
Ma Terre est perdue, le sait-on ?*

(DUÔNG MÔ DIN)

*Rằng từ ngẫu nhĩ gặp nhau
Thăm trông trộm nhớ bấy lâu đã chồn
Dưới trời căn cứ là bông
Lá dầu cây rụng quần hồng họ Vương
Thanh âm dăng khi hồi trường
Hùng tâm nghĩa bạc hải đường vẫn tiều
Hương sâu điệp điệp xuy phiêu
Con dò giác mộng dăng liễu lĩnh hoa
Con người mắt tự mưa sa
Lan đầu hieu giầy sao mà buồn tênh
Nửa phen ngẫu nhĩ gặp ghềnh
Bấy chầy khúc khuỷu trăng chìm bãi sông
Thảo am phong tỏa sương đồng
Chất thành tùy ý đèn lồng rú tua
Sượng sùng thảng ngột ngày chua
Mười lăm năm rụng hoa mùa tiều lãn
Đào non đồ rớt bấy phần
Khe ngấm đứt mạch bông tâm tiều thư
Đằm chiêu nghĩa bất dung từ
Sử xanh lãn giờ hương thừa trở cơn.*

Sao gọi là trở cơn ? Từ đó có nghĩa
là : cơn trở. Sao gọi là hương thừa ? Từ
đó có nghĩa : thừa hường.

Thừa như thế nào ? Rằng : hùng
nhân tự ngàn xưa...

*Herbes et roseraies natales !
Ungedachte ! vous avez peur*

des Entrées nocturnes fatales.

Cái điều bạc mệnh... tel est le coeur.

Ngại ngừng dấn gió e sương

Liều yêu bài động như đường đã phai

Ngừng hoa bóng thẹn mặt dày

Pi.ong tình vạn chủng cuối mảy sắp tan

Lệ lên đầu mắt một hàng

«Ainsi commencent les grands malheurs.»

Những tai họa lớn lao khởi đầu từ đó, và như rứa đó tới bao giờ ? Và như rứa đó, bởi đâu ? Và tại sao mà như rứa đó ?

Tây Phương ngậm ngùi cũng bảo rằng như rứa đó, thì thật không biết nói mần răng, ăn mần răng được nữa. Chỉ biết rằng... Hãy nghe René Char : *«Nos tissus tiennent à peine. Nous vivons au flanc d'une inversion mortelle, celle de la matière compliquée à l'infini au détriment d'un savoir-vivre, d'une conduite naturelle monstrueusement simplifiés. Le bois de l'arbuste contient peu de chaleur, et on abat l'arbuste. Combien une patience active serait préférable ! Notre rôle à nous est d'influer afin que le fil de fraîcheur et de fertilité ne soit pas détourné de sa terre vers les abîmes définitifs. Il n'est pas incompatible au même moment de renouer avec la beauté, d'avoir mal soi-même et d'être frappé, de rendre les coups et de s'éclipser.»*

(RENÉ CHAR—Recherche de la base et du sommet)

Đoạn văn nói rõ niềm «*sérénité crispée*» niềm thích thẳng ngiệt ngã vừa bao dung vừa bức dọc, trong tinh thần người nghệ sĩ trước thực trạng hỗn mang. Vẫn giữ thiện chí ôn hòa, thẹn lẽ tương nhượng, nhưng vẫn phải công-phản phản kháng

hững sự vụ hồ đồ ma quái, vu hãm, thủ tiêu, chụp mũ. *Le bois de l'arbuste contient peu de chaleur, et on abat l'arbuste.* Như thế thì còn chi mà mong mỗi cái cành ngọc thụ nó đơm hoa có ngày ?

Rằng từ ngẫu nhĩ than ôi

Rằng không thì cũng vắng lời rằng không

Lời thơ Nguyễn Du cứ như chảy tràn lan ra như vậy. Ấy bởi vì nó nằm trong tiết mạch thâm sâu của linh hồn kiên trì trong dòng tồn lưu mát mẻ. Dám lòi mọi thứ hỗn mang ra cho cô bác nhìn, mà vẫn gắng chuyễn di nhiếp dẫn cho dòng về bát ngát, đừng để mọi sự rơi tòm vào hố hỗn độn điêu mang. Chịu đoạn trường chịu phơi xương cho dao cằm, dám tung chỉ lực chường phong ra đối địch, và cũng hải lòng biền biệt bỏ đi. Gọi rằng : hiện về trong xa vắng, trở lại tự xa xôi...

Trông ra ngọn cỏ lá cây

Nỗi đêm khép mở nỗi ngày lim dim

Chùng như trên nóc bên thềm

Tiếng Kiều đồng vọng bóng xiêm mớ màng

Gọi rằng ngẫu nhĩ đa mang

Chàng ra cho thiếp sưu tầm của tin

«L'homme toucha le ventre de la femme qui remercia d'un regard, tendrement. Mais seule l'eau du puits profond, sous son petit toit de granit, se réjouit de ce geste, parce qu'elle en percevait la lointaine signification.»

(RENÉ CHAR)

Khi hoa nở khi trăng lên

Khi phiêu bông tóc khi mềm mại da

Đều là nghề nghiệp trong nhà

Phi phong đó mạn, tuyết ngà đó lẽ...

Vườn xưa én cũ bay về

Thân hoài tuyết kỹ để huê tay gieo

«L'art ne peut-il avoir recours, pour s'infléchir, à la salive de l'arbre fruitier? L'art qui rêve dans les vergers où fleurs et fruits ont raison ensemble?»

Không biết. Thừa rằng chúng ta không biết. Câu chuyện Gia Tĩnh chạy lộn chiều, gặp đủ thứ gió từng trận nổi cơn ở mọi chân trời không khí. Đem tình cầm sắt đòi ra cầm kỳ. Đem cầm kỳ đòi ra kỳ cuộc. Đem kỳ cuộc đòi ra vạn lý hà sơn. Đem vạn lý hà sơn đòi làm nhân sinh nhứt giác mộng. Đem nhứt giác mộng đòi làm đoạn trường. Đem đoạn trường tấu lại tân thanh. Đem tân thanh xô vào bạc mệnh. Đem bạc mệnh gán vào hồng nhan. Đem hồng nhan ghép cho kỹ nữ. Đem kỹ nữ tôn lên ngai vàng. Biển Nữ Vương thành Hoàng Hậu. Đồi Hoàng Hậu làm Hoàng Thiên Thu. Hoàng Thiên Thu bỗng đo ra vạn đại. Với sương bóng phiêu du không biết đâu bờ bến dưới mặt trời cuộn cuộn chiêm bao với hai con chim chia nhau một bầu trời hồng lục tố như và một mái thanh hiên của thiên thanh hồng sơn liệp hộ.

« Deux hirondelles tantôt silencieuses tantôt loquaces se partagent l'infini du ciel et le même aube it. »

Hai đứa lúc lìm dim, lúc riu rít, kẻ từ đó về sau, đứng hai chân trên bến bờ tứ phối, dòm xuống biển dâu, mà gọi với tình sương rằng cuộc cờ trên hà sơn vạn lý sẽ bất tuyệt hồng vàng vì đơn sơ thuần phác của hạnh phúc đương hôn nhau cho làn

môi phiêu du hiên hiên lấp lánh phiêu bồng trong ăn ngữ thề xưa :

Thề xưa giờ đến kim hoàn

Một nền đào mạn khuôn vàng vắn quanh

Hàng hàng tứ diệu to nhanh

Thề theo gương dọi tự thành côi kia

二) 一) est l'anneau qui s'enroule sur

lui-même, alors qu'il joue le jeu des reflets. Faisant paraître, il éclaire les Quatre à la lumière de leur simplicité. Faisant resplendir, l'Anneau partout et ouvertement transpropre les Quatre et les ramène à l'énigme de leur être. L'être rassemblé du jeu du monde, le jeu de miroir qui s'enroule ainsi, est le Tour encerclant. Dans le Tour encerclant de l'Anneau qui joue et reflète, les Quatre s'enlacent à leur être, qui est un et pourtant propre à chacun d'eux. Ainsi flexibles, se pliant au jeu de miroir, ils assemblent le monde.

Phong tình vạn chủng từ đó về sau tha hồ thi đua này nở theo thiên lý lưu hành phiêu diêu bởi liễu yêu bài động... Cái vật, cái đồ, cái vành cong hà điệp mở, đã diu dặt côi đi về là nhiếp dẫn tứ diệu pạnh phơi lưu tồn đắm chiều mong đợi.

La chose retient le Quadriparti. La chose rassemble le monde. Chaque chose retient le Quadriparti dans un rassemblant, liée à une certaine durée, où la simplicité du monde demeure et attend. (1)

Cánh Hà Diệp mở cong môi

Từ Sappho mộng đến Người Triều Minh

(LÁ HOA CỒN)

(1) Das Ding verweilt das geviert. Das Ding dingt Welt. Jedes Ding verweilt das Geviert in ein je Weiliges von Einfalt der Welt.

MARTIN HEIDEGGER

Từ đó về sau, tha hồ nhân gian ai muốn làm thơ thì cứ làm, cứ muốn. Ai muốn đọc sách thì cứ đọc. Ai muốn ra đồng bắt chuồn chuồn châu chấu, cũng chả sao. Trò về nhà nằm xem kiếm hiệp ai đâu dám ngăn cấm ai ?

*Trong đời kiếm hiệp là điên ?
 Ngoài đời kiếm hiệp là tiên trong đời ?
 Cuộc cờ bao nả hời ôi
 Hà sơn vạn lý hay lời bách niên
 Nhân sinh nhưt giấc mộng huyền
 Ra hồ hững hờ gọi phiêu trôi vô
 Nường vui đóa đóa bạch bồ
 Đoạn trường ở lại trong hồ rêu pha
 Hằng hằng sa hạt lệ hoa
 Thường thường chuốc hột sương nga
 dám chiều*

*Gió hoang vu giấy cơn chiều
 Hồn sa mạc giấy hương tiêu thanh đồng
 Lưng trời cánh mỏng chùm bông
 Đêm sâu thích tháng vẫn mòng còn nghe*

Tính thề của tự do nằm buồn vui trong ngôn ngữ như thế nào ? Tha hồ làm thơ ? Tha hồ đọc sách ? Tha hồ nằm ngủ chim bao ra đồng bắt châu chấu ? Bắt châu chấu không có nghĩa là rút đuôi ngắt cánh châu chấu. Bắt châu chấu chỉ có nghĩa : đâm chiều với cánh mỏng chuồn chuồn. Đề yên cho chuồn chuồn lượn bay sau cơn mưa rào diễm lệ. Đừng hiếp đáp, cưỡng bức những cánh mỏng lụa thừa đương mở phơi hồn xuân trong cõi phù du bất tuyệt lưu tồn.

La liberté n'est pas ce qu'on nous montre sous ce nom. Quand l'imagination, ni sottise, ni vile, n'a, la nuit tombée, qu'une

parodie de fête devant elle, la liberté n'est pas de lui jeter n'importe quoi pour tout infecter. La liberté protège le silence, la parole et l'amour. Assombris, elle les ravive ; elle ne les macule pas. Et la révolte la ressuscite à l'aurore, si longue soit celle-ci à s'accuser. La liberté, c'est de dire la vérité, avec des précautions terribles, sur la route où TOUT se trouve.

(RENÉ CHAR)

*Lời dâng tuyệt kỹ bên người
 Vầng mây vắng lặng chân trời **cáo thơ m**
 Sứ xanh dù dâm lệ hờn
 Cũng lai láng mở cung đồn **bình minh**
 Trẻ tràng khôn xiết phiêu linh
 Mong giờ ngẫu nhĩ lộ trình đi qua*

Kể từ đó, ta thấy Thúy Kiều thân thiết với cõi người ta thiên hạ ra sao. Trong tình dạ thâm canh, mọi người sẽ chiêm bao gặp gỡ ngẫu nhĩ lạ lùng là buổi mới cơn đầu kiếm hiệp ra hoa. Mọi người sẽ gọi. Thiên hạ sẽ thừa. Cõi trăm năm sẽ bảo :

— «Kiều ơi, dù sao thì em cũng phải trở về mới được. » Bời đâu ? Bời rằng.

...« *toi sur qui l'avenir comptait tant, tu n'as pas craint de mettre le feu à ta vie.... NOUS ERRETONS LONGTEMPS AUTOUR DE TON EXEMPLE... Il faut revenir. Tout est à recommencer.* »

(RENÉ CHAR)

Chúng ta thấy một điều : thế kỷ 19, một thi sĩ Việt gọi cô gái Trung Hoa về ; thế kỷ 20, một ông thi sĩ Pháp cũng gọi cô gái Gia Tĩnh nọ về (1) Chi lạ rứa ?

(1) Cờ nhiên là phải nói bướng một chút vậy.

Sự vụ đã lạ lùng ngẫu nhi như rứa,
thì chúng ta còn đợi gì mà không rủ nhau
làm thơ cho tràn lan mặt đất ? Thơ gì ?
Thơ gọi. Gọi gì ? Gọi Kiều Nương.
Nương gì ? Nương nương Thúy. Thúy
gì ? Thúy kỹ nữ chiêm bao, Kiều tuyết
liền kiếm hiệp mộng.

Cơn đầu ngẫu nhi ra hoa
Ôi Nường Kiếm Hiệp đã sa vào vòng
Đường lên nước ngược nằm trong
Như ngày địa hạt xuống giòng băng
quor

Dưới hoàng hôn nước lên bờ
Nấp trong khuôn lá bấy giờ đồ ra
Quê hương đồng đất lạ nhà
Cảo thơm lần giở sao mà chậm dăng
Trên hàng cò lục phôi thân
Ngực tròn vẽ tượng tiêu lân dưới cằm
Tung trời chường lục cầm cầm
Về thiên thu giấy trăm năm một mình
Ngó cần miến bạc đóng đinh
Trên đầu núi cũ bất thình linh kêu
Ôi Nường Kiếm Hiệp gươm đeo
Cuộc đời thiên hạ cõi đèo bông kia
Ôi Nường Kiếm Hiệp canh khuya
Đồ xiêu một trận cơn liều linh ra
Hà sơn vạn lý đâu là
Gót đi đứng gót chân ngà ngọc chân
Tiêu thanh đất ruộng vô ngần
Đồng ôi xứ sở Yên Tàn gọi nhau
Ôi Nường Kiếm Hiệp xưa sau
Ngày vui ở lại trong màu áo kia
Thế ru ? Sao lệ đầm đìa
Lọ là ấy cõi nường về đó xem
Ôi Nường Kiếm Hiệp đi đêm
Người da đen gọi rằng em hữu tình
Bấy chầy há dễ nin thình

Núi buồn lục địa buồn mình mấy sông
Chiều dâng trong ý mây lồng
Sương mù sa mạc xa gần trở cơn
Từ đó về sau ?

Chang Kim rất có thể vôi vỉnh chiêm
bao đuổi theo mà đáp ứng cái tiếng
gọi tồn lưu của tại thế đã ra đi từ buổi
gió chân trời.

Nường Thúy cảm động gật đầu : Vâng,
trong chiêm bao, chàng đã theo dấu chân
ta ra đi buổi trước, tìm về tao ngộ, mà
tương ứng mơ màng cơn mộng nào ngẫu
nhi đã ra hoa. — « *Thuyết bất định ngã
tiền diện tâu, tha tựu hội hậu diện căn lai.* »

Nói là nói vậy, nhưng hồi ôi, sự vụ
đâu có dễ dàng gì mà êm giảm mát mái.
Cái hổ, cái hang, cái đường quanh lối quẹo
cái mê cung tồn hoạt, cái muội diện hoạt
tồn, cái mê-hồn-trận tồn lưu, cứ như luôn
luôn triền miến lấp ló. Hỡi dòng sông xứ
sở. Hỡi nước lũ đội ngàn. Hỡi cánh mòng
chuồn chuồn. Hãy hiện về mà tiếp sức
cho ta. Được chăng ru ? Chẳng được
chăng ru tá ? Trên nhịp đời lão đảo, có
dễ gì mà giữ vững mãi cái linh hồn trong
xương khớp đầu gối với hai chân !

*« Ce n'est pas toujours facile d'être
intelligent et muet, contenu et révolté. Tu le
sais mieux que personne. Regarde, en atten-
dant, tourner les dernières roues sur la Sorgue
Mesure la longueur chantante de leur mousse.
Calcule la résistance délabrée de leurs plan-
ches. Confie-toi à voix basse aux eaux sauva-
ges que nous aimons. Ainsi tu seras préparé
à la brutalité, notre brutalité qui va commen-
cer à s'afficher hardiment. Est-ce la poite*

*de notre fin obscure, demandais-tu ? Non.
Nous sommes dans l'inconcevable, mais avec
des repères éblouissants.»*

(RENÉ CHAR)

Cuộc cách mạng tinh thần ở Tây
Phương đang đi tới chào chúng ta
trong buổi phục hưng tứ hải giai huynh
đệ phiêu bồng. Ta soạn sửa thế nào để
đón nhau phiêu bồng phơi mở ? Đón
với lời trong ý mộng ? Đón với tiếng

trong tình cảm ? Sao gọi là tình cảm ? Tạm
gọi : tình cảm là tầm kinh. Sưu tầm kinh
cổ lục. Khởi từ yếu diệu Thúy Kiều ra
phơi mở cõi cho tài tử gửi qua nhịp cầu :

*Rằng từ ngẫu nhi gặp nhau
Từ thiên thu tới bây giờ là đây
Rằng từ ngẫu nhi qua tây
Về phương Đông lại thừa thầy thừa cô
Tan hoang ngoài lũy trong hào
Ấy giờ tồn hoạt sắp vào tồn lưu*

mưa cao nguyên

*Chừng như mưa đã vào mùa
Đường khuya im vắng rừng mờ sương đêm
Buồn nghe mưa lại buồn thêm
Xe tương lai chở lãng quên vào đời
Nhớ nhau tròn một câu cười
Mùa Thu xưa vẫn nặng thời cớ sơ
Em về chết nửa giấc mơ
Một trang tâm sự bài thơ ân tình
Trăm sau ngàn trước mong manh
Lời ru thảo mộc túi hành trang theo
Đời như chiếc lá rụng vèo
Trót đà mang phải trót nhiều thương đau
Luyến lưu tự phút giây đầu
Chiều qua nghĩa địa nổi sầu lên khuôn
Thương lên thác nhớ suối nguồn
Một vùng đêm lạnh nổi buồn cố nhân*

ANH HOA

ANH TU' LO

•

CHÍN

— Chín ơi, cháu có đi đâu lát nữa cũng nhớ ghé lại thăm nhà thăm chơi chút nghe. Thằng Tư nó nhắc cháu.

Thím hai vừa trải dây lạt tước ra từ những bẹ dừa nước vừa gọi với. Đang bước cẩn thận từng bước trên bờ đê để tiến về phía xóm, tôi phải « dạ » một tiếng vừa to vừa dài để thím có thể nghe. Tôi đi vào xóm gắng làm cho mau xong vài việc cần thiết để có thể trở về thăm anh Tư Lo cho kịp. Khi trở ra chưa đến bờ đê tôi đã thấy anh Tư khấp khềnh bước ra tưới cườì. Anh đi chưa vững vì đã nằm bệnh lâu ngày quá. Da anh còn mét, vàng, và đôi mắt còn mờ đục, tuy vài tia sáng vụt hiện khi trông thấy tôi. Tôi chỉ biết cười thật tươi, thật sung sướng khi nhìn thấy anh còn sống mà chẳng biết nói gì nữa. Tôi đã bỗng nhiên trở nên thân thiện với anh từ ngày anh bệnh nặng.

Trưa hôm đó trong khi tôi đang lay hoay ngồi xếp ghe với bọn trẻ thì bác bảy gái đi đâu về, về mặt hớt hơ hớt hải quăng cái nón lá vào một góc:

— Chín à, tội nghiệp bà Tám đằng kia. Có một thằng con trai mà bây giờ bà bắt rồi, biết làm sao?

— Thưa bác sao bác biết? Tôi hỏi

— Thì bác mới đi coi bà về đây. Xi. keo mấy lần bà cũng lập lại là đã đến lúc bà dẫn đi rồi. Không thể ở lại được.

Một tia sáng loé trong đầu tôi. Tôi nghĩ:

— Phen này mình sẽ gắng cho mấy bác ở đây bớt tin bà của họ mới được. Tôi đã khó chịu về chuyện thằng Lợi phát dựng đầu bụng vì ngày đó « đi về hướng Nam bị ông bà thấy thương, rờ đầu », Chị Tư thấy con mình học giỏi được cô giáo khen mà không dám mừng sợ ông bà khuất mặt

khuất mày quở. Nay lại tới phiên thằng con trai nào đó của bà Tám sắp bị bà đập đi đây. Tôi hỏi :

— Thưa bác, bà Tám có phải là một bà lớn tuổi thấp người, ốm, nhỏ, ở cái nhà lá thụt vô trong, có cụm bông giấy tím trước nhà đó không ?

— Ừ, phải đó a Chín. Tôi nghiệp, hồi này bả nhờ bác đi coi bà dùm, bả đưa hai chục đồng. Bác đi xe gần bốn chục bạc. Mà thôi, bà con lối xóm không mấy nhờ nhau.

— Dạ, mà con nhớ bà ở có một mình với hai đứa con gái nhỏ xíu chớ đâu có người con trai nào.

— Ấy, thằng này cũng lười ba mươi tuổi rồi, nó đi làm hồ trên Bình Tuy mới về. Thì làm một chỗ với thằng Lợi hôm trước đó, Chín. Cũng nó giới thiệu cho thằng Lợi đi làm đó. Hôm ở Bình Tuy về nhà, thằng Lợi bị bệnh, nó chẳng sao. Nay phát dưng đau mê man.

Tôi đã thoáng biết bệnh của anh ta rồi nhưng vẫn hỏi :

— Dạ rồi bà Tám cho uống thuốc gì bác có biết không vậy ?

Bác Bảy hạ giọng :

— Ồi con ơi, ông bà mà bắt rồi thì thuốc thang gì nữa mà mong.

Tôi làm ra vẻ đăm chiêu và nói như tự nói cho mình nghe :

— Đề con coi. Con sẽ nhờ anh Bảy (1) ráng dờ vụ này coi có được phần nào thì nhờ phần đó vậy mà.

Chắc bác Bảy không tin, nhưng vì thương tôi và nề tình nên chẳng cãi lại. Tôi

định kiểu bác ra về đề đến thăm anh Tư nhưng bác Bảy vội mừng rỡ :

— A, bà Tám đây rồi. Bà Tám ơi, vô nói cái này đây.

Tôi hốt hoảng sợ bác Bảy cho hay tin bà nhất định bắt anh Tư làm khổ bà Tám. Nhưng may quá. Bác Bảy cũng là người khá tế nhị. Bác chỉ nói bà bảo « nặng lắm », « khó lắm ». Thế thôi. Tôi vội chen vào :

— Con nghĩ rằng nếu mình chỉ tâm cầu nguyện, Phật Trời thương thì thế nào cũng qua khỏi. Bà tám gật đầu :

— Thì tôi cũng vái trời cho được vậy. Những nét lo âu hiện lên khuôn mặt già. Da nhăn xếp thành những nếp ngang trên trán. Đôi chân mày bạc trắng trên hai con mắt nhỏ và sáng. Hai nếp nhăn hai bên mép kéo dài xuống khỏi miệng bà khiến cho đôi môi trông như muốn mếu. Chẳng biết đó quả thực là đường nhăn hay là chỉ một nét biểu lộ sự lo lắng cho đứa con trai vô phúc. Mà anh Tư vô phúc thật. Bác bảy kể rằng anh ấy có hai đứa con rồi mà vợ cũng bỏ đi. Anh gởi con cho mẹ và ở vậy đi làm nuôi mấy bà cháu. Mấy lúc sau này bà Tám dạm hỏi cho anh một cô vợ khác.

— Thì cái con Tám Đẹt con ông năm Cọp đặng kia kìa Chín. Mà rồi sau nó cũng bỏ thằng Lo mà đi theo trai tuốt.

Tôi muốn đi thăm anh Tư Lo nào đó, bệnh nhân bị ma bắt của bác Bảy nhưng còn ngại vì chưa quen bà Tám nhiều. Tôi hỏi :

— Thưa bà Tám, anh Tư hiện giờ bệnh nằm đẳng nhà bà Tám phải không.

(1) Anh Sinh viên y khoa năm thứ sáu chuyên lo về vấn đề y tế của làng.

— Dạ không cô à, nó đau nhiều quá nên chị hai nó đem nó xuống dưới kia để nó sẵn sàng, chớ tôi già cả lần thần quên thuốc, quên men hết.

Tôi hỏi :

— Thưa phải dưới Xóm Dáy không bà Tám ?

— Dạ phải a.

Tôi chau mày suy nghĩ :

— Dưới Xóm Dáy thì chỉ có độ mười nhà thôi. Nhà nào con cũng quen nhưng chẳng biết anh ấy ở nhà ai.

— Cái nhà lá ở đầu xóm đó cô.

— Dạ thưa có phải là nhà của con Lê thẳng Lém đó không.

— Phải a.

Nói rồi bà vội vã kiếu về để lo nhang đèn cúng Trời Phật. Tôi nhìn theo bà. Cái khăn rằn đỏ bay phất phơ trên mớ tóc bạc. Dáng đi của bà vội vã hấp tấp. Hai chân như vướng vào nhau khiến cho đôi lúc cả người như muốn ngã chúi về phía trước. Tôi bỗng thấy thương cái niềm tin mong manh kia. Và cảm nghe trách nhiệm trở nên nặng nề khi buộc lòng phải phá vỡ cái niềm tin vô lý nơi sức mạnh của ông bà khuất mặt khuất mày đang nắm lấy vận mệnh con người.

Những người này ở xa tôi, xa Saigon có mấy cây số đâu mà dường như họ cách tôi hằng thế kỷ. Điều ấy quá rõ ràng khi tôi nhìn kỹ vào đôi mắt đầy tin tưởng của họ trong lúc tỏ bày. Bất giác tôi nghĩ đến muôn ngàn người bạn quê mùa ở muôn

ngàn làng nhỏ của quê hương. Đèn của đô thành sáng quá. Saigon. Đà Nẵng. Đà Lạt. Nha Trang. Huế. Phố xá thanh lịch. Xe cộ áo quần nhớn nhỡ. Họ như bị lãng quên mất rồi. Quê mùa, dốt nát, nghèo đói, nợ nần. Và bao nhiêu hình thức dã man của chiến tranh nữa : lúc nào những thứ này cũng chực ào đến ụp vào đầu người ta. Ngoài cái khí giới mong manh là lòng tin nơi ông bà khuất mặt khuất mày, nơi Trời, nơi Phật (họ cho là những vị này không khác nhau mấy), họ chẳng còn gì để bám víu cả. Tìm chất liệu nào bây giờ để thay vào niềm tin kia đây ?

Hôm nay là ngày thứ ba. Có anh Tâm về khám bệnh bên phòng y tế. Tôi ghé qua rủ anh đi thăm anh Tư Lo. Có lẽ anh này bị rét rừng như thằng Lợi hôm nọ, chứ gì. Đã sáu giờ chiều, người bệnh cuối cùng ra về. Tâm thu xếp thuốc và dụng cụ cần thiết vào một cái xách nhỏ để cùng đi với tôi. Trời mưa. Đường dề trơn trượt. Tâm mặc cái áo sơ mi màu xanh lá sậm, hơi phai màu. Cái quần d'acron xám đen, xắn lên gần đến gối. Tay xách giày, chân đi không, đầu đội nón lá. Đây rồi nhà Thím Hai, má con Lê. Thím Hai ốm, nhỏ người, đen điu như phần đông những người đàn bà nhà quê đứng tuổi, quá giải nắng dầm mưa. Mắt thím nhỏ, dài và hơi nheo như muốn cười. Mũi thẳng, nhỏ. Đôi môi cũng nhỏ nhưng có duyên. Mỗi khi thím cười thì cái răng bít vàng chói bật trên một hàng răng hơi thưa, ngắn, đều. Thím thuộc về những người có óc « cấp tiến » trong làng nên sẵn sàng cho Tâm xem mạch, biên toa cho em trai và chịu trách nhiệm về việc cho anh Tư uống thuốc đều đặn mỗi bữa

Tâm giờ chiều lên ờ trán anh Tư Lo. Đầu và mình mẩy anh nóng như lửa đốt. Hèn chi mà bà chẳng ưa «dần đi». Về làng làm việc thật lâu mà mãi đến hôm đó tôi mới khám phá ra một điều thật quan trọng. Đó là ở đây bất cứ trẻ em người lớn gì khi bị sốt cũng nằm chịu trận cho đến khi cơn sốt qua đi chứ không biết thuốc thang chi cả. Nóng như lửa đốt như vậy thì nghe ai bày chi là lập tức làm cái đó. Ví dụ như ăn trái thảo khấu. Ví dụ như mua hột lịch về ngâm nước và đắp trên trán. Còn nếu chẳng ai bày chi thì đi coi bà, đi xin xăm và chờ những ân trên định đoạt số phận.

Trước khi uống chén nước trà và chào thím hai ra về, Tâm còn bắt thím trả bài lại lần chót về cách thức cho anh Tư Lo uống thuốc.

Anh Tư tỉnh dần, ngồi dậy được và có thể nói đôi câu khi chúng tôi đến thăm. Tôi chỉ thím hai cách thức nấu cháo gạo lức cho anh ăn với đường cho bổ và khi anh sắp bình phục tôi bày cho thím làm Sinh Tố bằng cách ướp chuối xiêm thật chín với chanh và đường, lấy nước cho anh uống để mau lấy lại sức khỏe.

Mỗi lần Tâm hay tôi về thăm, anh lại khắp khênh đi ra đón chúng tôi. Mắt sáng lên, anh nhe những chiếc răng thật thà của anh ra mà cười chứ chẳng biết nói năng gì cả. Tôi cũng không biết nói gì cả, chỉ cười thật tươi và thật sung sướng khi thấy anh đã được nạn khỏi tai qua. Anh Tư chẳng giống các bác lớn tuổi trong làng hay nhậu nhẹt ăn nói bông lông ba la. Hai chân anh thật dài cho nên khi anh đứng dậy thì trông cao ngầu ngầu. Hai tay cũng thật dài như

hơi thừa không biết để đâu cho ờn. Mỗi khi gặp chúng tôi anh vừa mừng, vừa lúng túng chẳng biết ăn nói chi. Mắt anh cũng dài và nhỏ như mắt thím hai nhưng ít đi dỏm hơn nên trông hiền lành lắm. Cái áo sơ mi trắng cũ bỏ ra ngoài một cái quần kaki đen xám ngả màu, có nhiều miếng vá khác màu chồng lên nhau. Anh chẳng có khoa ăn nói nên Tâm hỏi chuyện gì anh cũng lúng túng trả lời chẳng rành rọt được chuyện gì cả. Anh chỉ biết rõ về cái nghề làm hồ của anh. Anh trả lời rành mạch khi tôi hỏi anh về đời sống của những người thợ nề, lương của thợ cái, lương thợ trộn hồ, thợ khiêng đá, về cách đi tìm săng chề làm việc, về việc buổi trưa ở lại tại chỗ ăn uống những gì.

o x o

Mấy lúc gần đây về làng không gặp anh Tư nữa tôi tưởng anh đi Bình Tuy làm hồ lại.

Mãi sau mới nghe ra anh bị bắt và bị đòn nhiều lắm. Tôi ngạc nhiên và đau xót vô cùng. Một người hiền lành như anh Lo mà bị kết tội là « phiến loạn » là một điều hết sức vô lý. Chỉ cần mấy viên nivaquine và một ít kiến thức như ăn cháo gạo lức với đường, làm sinh tố bằng những nguyên liệu quanh nhà, là anh có thể thoát chết, thoát mê tín sợ hãi nơi quyền lực của ông bà khuất mặt khuất mày. Chỉ cần một ít săn sóc của các anh chị về làng là trong lòng anh này nở thêm một thứ tình cảm mới, một niềm tin mới. Tin nơi khả năng diu dất

nhau của con người. Tin rằng tình thương là có thật giữa những người không thân thuộc bà con và không cùng một giai cấp với anh.

sẽ chỉ làm cho căm thù nổi dậy.

Làm sao cho niềm tin vừa chớm nở trong anh đủ sức khiến anh bớt khổ đau và tuyệt vọng đây ?

Tôi không tin rằng bắt bớ và tra tấn lại có hiệu lực hơn một ít viên nivaquine và một chút lòng. Bắt bớ và tra tấn đã man

Chiều nay trời mưa. Mặc chiếc áo dài cũ, xin phép mẹ, tôi đến tìm gặp Tâm, cho anh hay tin này để bàn luận với nhau tìm phương cách mới.

giới thiệu

sách mới:

Toà soạn Giữ Thơm Quê Mẹ vừa nhận được các tác phẩm sau đây :

— **Trời thơ bao la**, thi phẩm thứ hai của nhà thơ **Huy Lực**. Sách in trên giấy croquis nền ngàn mai và hoa bướm, dày 62 trang, giá 50 \$. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã giới thiệu thơ Huy Lực như sau : «Huy Lực là một trong những nhà thơ hôm nay tự tạo cho mình một địa vị xứng đáng».

— **Gạo Chợ Nước Sông** của nhà văn **Ngọc Linh** do Miền Nam xuất bản. Bìa và bên trong in rất đẹp. Ngọc Linh hiện nay là một nhà văn có nhiều độc giả của các nhật báo.

Xin trân trọng cảm ơn tác giả cùng nhà xuất bản và ân cần giới thiệu với bạn đọc.

XIN DỪNG LẠI NƠI ĐÂY

nguyên đức sơn

Tặng X. cổ mặt trưa 5-7-1965 tại
sở 588 Sư Vạn Hạnh Chợ Lớn

Có nên lấy cái vé cao nhất không ? Sao lại không. Nhưng ô kìa sao mình keo bần thế ? Trương chần chờ, do dự, chỉ mong muốn một sự tình cờ nào đến giải quyết. Trương thấy khó chịu với chính mình khi biết mình không dứt khoát những việc con con trong đời sống. Nhưng đây có phải là một việc con con không ? Trương liếc nhanh về phía đứa con gái bây giờ đang dõn dặt vào khoảng giữa lòng chuyển buýt Gia-Định Chợ-lớn. Sao mình keo bần thế ? Có thể nào mình bần tiện như vậy không. Trương nghĩ như vậy nhưng không trả lời. Thì cho cao tay lắm, giá cái vé lớn nhất cũng chỉ 5 hay 6 đồng thôi. Mà cái vé Trương vẫn lấy thường nhật mỗi trưa dạy học ở Bình Dương về Bà Chiêu đi đoạn đường chuyển buýt đặc biệt này giá đã 2 đồng (có mang mấy chữ Bà Chiêu chợ Trương mình Giăng) rồi. Trương không thể keo bần một cách kỳ cục như vậy.

— Đi đâu ? Người bán vé đã đến chỗ chàng đứng.

Chàng tính nói : « Vé tối đa » như bao nhiêu lần phiêu lưu khác khi bắt gặp một dáng dấp hay hay nào đó trên cùng chuyển buýt. Nhưng rồi chàng lại do dự.

— Đi đâu ? Người bán vé giục già.

« Thì cứ mua mẹ nó cái vé tối đa đi rồi mình muốn xuống đâu thì xuống, sao lại tiếc mấy đồng bạc ». Trong phút chốc chàng đã tự trách như vậy. Nhưng cơn đau đầu gần như kinh niên lại tấn công Trương. Chung quanh đầu Trương như có một khối vật nào thoát dè nặng, thoát giờ lên. Cơn nóng lạnh, hăm hấp mồ hôi đã phát ra từ buổi sáng lúc 9 giờ 30 khi chàng vừa xong 2 giờ Anh Văn đệ tứ để tiếp đến lớp đệ nhị. Khoảng đường gần 30 cây số trên chiếc xe dò có chỗ dựa khá êm

cùng với gió mát làm Trương quên hẳn cơn nhức đầu. Bây giờ nó lại tái phát. Hay đúng hơn chúng tái phát từ lúc chàng đứng đợi buýt ở trạm xe Bà Chiểu, leo lên một chiếc xe cũ rích máy nổ rầm rầm đứng một chỗ và chính nó cũng bay đi một cách lạ lùng khi Trương chú ý đến đứa con gái.

« Có thể nào làm đẹp một đứa con gái không ? » Trương vẫn thường nghĩ vậy khi trông thấy những đứa con gái có một sắc đẹp, một dáng dấp hay hay nào đó nhưng chàng biết chắc chắn sẽ thất vọng nếu hoàn cảnh may mắn cho chàng đi thêm một đoạn đường ngắn nữa thôi. Chàng không tin ở ý chí, ở tài năng, ở tâm hồn chàng. Chàng không tìm ở khả năng của chúng để biến tạo một đứa con gái nếu đứa con gái đó đã không có mầm móng thích nghi. Rồi tất cả — trừ những hình bóng hư ảo xa xôi — sẽ trở về cái tầm thường, lì lợm của đời sống một người đàn bà. Tưởng tượng đến những đứa bạn gái cùng lớp cùng trường hồi Trung học, mấy năm ở Văn Khoa hay những đứa con gái lạ lùng khác rải rác trong bao nhiêu cảnh sắc ngược nhau, chống nhau của cuộc đời, tưởng tượng đến những dáng dấp chàng đã từng mê đắm, chàng thất vọng khi tình cờ gặp lại họ. Thôi nhé em, một hột cát nhỏ trong bãi biển hồn anh. Thôi nhé em anh chỉ lấy đúng cái vé 2 đồng như thường nhật mỗi ngày anh có đi dạy học ở Bình Dương về Bà Chiểu để đón buýt về hiệu cơm Trung Hoa trước trạm chợ Trương minh Giảng ăn tạm một cái gì đó trước khi lại đón một chuyến khác từ Saigon chạy về đưa anh lên một khoảng đường xa hơn một chút nữa nơi có gian phòng cô quạnh của anh. Thôi nhé.

Nhưng Trương không thể không liếc mắt nhìn xem đứa con gái đã mua vé nào. Ông bán vé đã xé rất nhanh và dúi vào tay đứa con gái mà không thối lại gì hết khiến chàng không thể đoán được đứa con gái đưa cho ông ta mấy đồng bạc chì.

Nắng rất gắt tỏa ra khắp nơi hắt vào xe. Thôi nhé em, anh rất mệt rồi. Đến trạm chợ Trương minh Giảng là trạm cuối cùng của anh có thể đi chung với em, nhìn em. Và sau đó nếu em không xuống, anh bỏ cuộc. Anh phải bỏ cuộc càng sớm càng tốt vì trước sau gì anh cũng biết anh bỏ cuộc. Nhưng còn cái tên thanh niên kia. Vâng, còn một tên thanh niên tự nhiên đứng vào cái thể dịch thù của Trương. Bây giờ Trương mới chú ý nhiều đến hắn. Hồi ở trạm Bà Chiểu, hắn cũng ngồi cùng chuyến xe với đứa con gái, nếu Trương nghĩ không lầm. Và có lẽ họ là hai trong số hành khách đến sớm nên mới có cái may mắn ngồi cùng dãy ghế trên, gần cửa xe. Nhưng được một chốc, một chốc thôi, khi Trương cũng bước lên chuyến ấy thì có tiếng một nhân viên công quản trong trạm cho biết chiếc xe bị hư, không thể chạy được. Chính lúc ấy Trương mới nghe đứa con gái cười và nói một chút với thiếu phụ bên cạnh : « Lại phải dời xe nữa ». Như vậy là thiếu nữ đã đợi xe khá lâu trước chàng nhưng hai chiếc đều hư và trước sau bị kéo đi đâu mất. Giọng miền nam làm Trương thất vọng phần nào. Rồi đứa con gái xuống xe. Dáng hơi thấp hơn Trương một chút và rất vừa tầm. Toàn thể thân hình tỏa ra một mùi băng tuyết với dáng dấp đang quyến rũ nhất của đời thiếu nữ.

Tên thanh niên thì không thề địch nổi Trương tuy hẳn cũng có vẻ nhanh nhẹn và lịch sự. Hắn cầm một đĩa nhạc nhỏ 33 tours, có lẽ thuộc nhạc kích động Mỹ. Trương đoán điều ấy qua cách trình bày bản nhạc dù không bao giờ chàng nhìn rõ mấy chữ Mỹ khá to trên đó. Tên thanh niên đó bám sát vào đứa con gái mà chắc chắn hẳn cũng nhận ra một dáng dấp đặc biệt vô cùng.

Lúc có chuyển buýt đến thay, cả ba đều cố giữ thế. Cả ba đều để cho tất cả hành khách lên xe rồi mới bước lên sau. Nhưng Trương còn làm cao hơn. Chàng bước lên cửa sau trong khi hẳn và đứa con gái bước lên cửa trước. Nhưng lúc lên xe rồi thì Trương và đứa con gái như cùng hện nhau lọt vào giữa lòng xe. Mãi lúc sau tên thanh niên mới tiến lại gần, với một tay cầm đĩa nhạc đụng đến nóc mũi xe. Trương thấy mình hách hơn, với chiếc Cravate nylon đen nhỏ thắt trên chiếc áo nylfrance rất trắng. Trương biết mình có thể hơn nhưng chàng cũng không thề khinh địch.

« Hẳn có thể... với ý định như mình không ? » Trương tự hỏi khi xe băng qua đường Cách Mạng, nghĩa là đi đưa gần một nửa đường Trương tấn Bửu. Lúc này, qua một vài trạm nhỏ, hành khách xuống khá nhiều mà số hành khách mới không có bao nhiêu. Xe bắt đầu thừa thớt. Không thể đứng gần nhau, cả ba đều không hện mà cùng một lúc từ từ rời rộng ra, nhưng vẫn canh chừng nhau. Lúc này Trương mới tức tối. Sao lúc đầu không mua cái vé cao nhất. Bây giờ chẳng lẽ mua thêm vé ? Như thế thì chắc chắn tên thanh niên kia đoán biết

ý định của Trương. Không. Thôi nhé em. Anh chỉ có thể đuổi theo em đến trạm chợ Trương mình Giảng là chỗ cuối cùng. Nếu em xuống trên khoảng đường đó, rất có thể anh xuống theo em, đi ngang qua nhà em, dù phải đi qua bao nhiêu con hẻm dưới trời nắng. Còn nếu em đi xa hơn, anh bỏ cuộc. Anh không đủ sức theo em khi mà phía trước chỉ toàn ảo giác.

Xe bắt đầu thừa. Một chỗ ngồi nơi một băng ghế bắt đầu trống. Cả ba không ai ngồi xuống, cả tên thanh niên, cả đứa con gái và Trương. Chỗ trống gần Trương nhất. Và người còn lại — một ni cô — có vẻ muốn ngồi khếp lại cho Trương ngồi. Cử chỉ vừa làm cho Trương vừa vui vừa buồn. Chàng nhìn ni cô. Khoảng gần gần hai mươi lăm. Đẹp nghiêm nghị nhưng chắc chắn còn tha thiết một cái gì khác trên đời này ngoài đời sống và lý tưởng tu đạo. Một chút gì đó có thể trong nắng, trên mây, trên dáng, dấp rất nhiều yêu đời của những đứa con gái nhỏ, trên mái tóc một thanh niên như Trương. Một chút gì đó, một chút thôi, nhưng chắc không bao giờ tắt được. Trương muốn ngồi xuống ngay bên cạnh ni cô, ngồi bên cạnh một chút gì đó. Nhưng không được. Trương thấy mình như có lỗi khi không ngồi xuống. Hơn nữa chàng nghĩ kỹ việc đó có thể gây khó khăn nếu chàng muốn đuổi theo đứa con gái khi đứa con gái xuống một trạm nào đó thành lình.

— Ngồi vô đi, ngồi vô đi, còn một lô trống kia.

Người bán vé đi trở qua chỗ ba người đứng đề ra phía sau thu tiền mấy cái vé mới. Ông ta nói như vậy khi đi ngay qua ba

người, nói một cách vu vơ, không chỉ định một người nào rõ ràng cả.

— Trạm cuối Trương Tấn Bửu đây. Ai xuống xuống đi.

Ông kiểm soát vé nói thay lời nhân viên bán vé.

Trương bắt đầu hồi hộp nhẹ nhàng. Thành linh tên thanh niên đưa mắt nhìn thẳng vào người dứa con gái, nhìn khắp nơi, đậu lại rất lâu ở thân người, nơi kết tụ cái đáng dấp duyên duyên, băng tuyết kỳ ảo. Rồi hần xoay đi thật nhanh nhảy xuống cửa trước khi xe đã chuyển bánh được vài thước.

— Hần đã đầu hàng. Không ngờ hần bỏ cuộc sớm thế.

Trương nói một mình, thích thú. « Nhưng biết đâu hần khôn ngoan », Trương lại trầm tư.

Đây là trạm chót trước khi đến trạm Chợ Trương minh Giảng. Nghĩ vậy tức khắc Trương đau khổ. Sao hồi này không lấy mẹ nó cái vé tối đa ? Có thể nào dứa con gái sắp xuống ? Và nếu vậy thì có lẽ Định mệnh đã sắp đặt.

Xe bắt đầu quẹo khúc quanh qua Trương minh Giảng. Vậy là hết, là hết. Trạm kia rồi. Chợ kia rồi. Hết, hết. Nhưng tại sao chịu hết ?

Giây phút nhìn chừng dứa con gái, giây phút hy vọng chấm dứt vì dứa con gái không có một nhúc nhích, xê dịch nhỏ nào trên xe chứng tỏ sắp xuống.

Hết phải không em. Chấn đường này là hết phải không em. Cám ơn rất nhiều

đã có ý đứng lại rất gần anh. Cám ơn rất nhiều đã thỉnh thoảng nhìn anh bằng đôi mắt anh không đời nào quên được.

Trương nhìn thật kỹ. Chàng hoảng hốt trước đáng dấp duyên rữ chưa từng thấy. Có một chút gì hơi quê mùa. Chiếc áo lót cũng vậy. Mấy cái dăng ten hơi thô. Không có mùi dầu thơm nào mà chỉ có một mùi mồ hôi kỳ ảo. Có một cái gì dơ dơ trong toàn thể thân hình. Có một nét gì tầm thường trong cách ăn mặc. Nhưng đó chính là tuyệt đỉnh của cái đẹp của thiếu nữ.

Một luồng gió thổi vào. Dứa con gái vội khoát hờ tà áo che sát chiếc mũm... Một chút nhưng toàn thể, Trương đoán may bằng tay, hơi rộng một chút, bằng một thứ vải gì phải dày hơn khá nhiều thứ vải may quần mới cho thấy một sắc độ đậm lên như vậy. Bây giờ mấy cuốn sách và vở cũng được thay cầm. Trương đề ý thấy cái gáy một quyển sách Anh. Trong nghề, chàng đoán ngay đó phải là cuốn Let's learn English. Và nếu không có trường hợp bất thường dứa con gái chỉ học khoảng đệ lục thôi. Có lẽ sợ biết mình học hơi thấp và muộn, dứa con gái dấu quyển sách Anh văn kia vào trong. « Nếu dứa con gái sức học đệ nhất hay đang là sinh viên chắc chắn yếu tố này sẽ giết mất cái đẹp kỳ ảo trong toàn thể dứa con gái trưa nay » Trương nghĩ vậy và chàng chỉ muốn xuống ngay với dứa con gái, đi bất cứ nơi nào trưa nay, trong ý nguyên ý phục và đáng dấp mà mùi hôi và dăng ten hơi nhà quê và mệt như đường xa... Đừng thay đổi gì hết, dù chiếc áo trắng mà chàng hằng ao ước đề thể cho

chiếc áo dài hơi cũ kia. Không thay đổi, không thề thay đổi một chút nào cả. Chàng ao ước được nắm tay đứa con gái kia đi suốt đời này. Không nghĩ ngợi gì hơn, không thay đổi gì hơn.

— Có nên mua thêm vé không ?

Trương suýt bật thành tiếng nói. Bỗng chàng chú ý đến mấy ngón tay của đứa con gái vuốt hờ mái tóc. Mấy ngón tay có vẻ hơi thô, không thon như chàng tưởng. Nhưng biết đâu đó là một trong những yếu tố làm cho tăng thêm cái đáng đẹp tuyệt vời của đứa con gái. Chàng muốn giữ cả những ngón tay đó.

Trương nói thật nhỏ với nhân viên bán vé !

— Ông cho thêm một cái vé.

— Đi đến đâu ? Sao hồi này không mua luôn ?

Ông bán vé cười ranh mãnh nói lại một lần nữa :

— Đi đến đâu ?

— À, tôi đi, chỗ nào cũng được.

Đứa con gái làm một dáng điệu rất đẹp : nàng hững hờ một chút ra phía sau làm tóc lung linh và lòa xòa một chút. Trời ơi, giống... vô cùng. Và một hình bóng thất vọng trong quá khứ tượng hình rõ ràng trong ký ức Trương. Chàng nhắm mắt lại cho hình bóng kia tan đi nhưng nó lại càng hiện rõ hơn. Thôi em nhé, anh xuống ngay nơi trạm sắp đến. Anh xuống ngay nơi đây Anh phải dừng lại khoảng đường này. Không phải anh bị con ma quá khứ ám ảnh làm anh có những hành động mê

cuồng tai hại. Ôi, những hình bóng dĩ vãng — những đứa con gái tuyệt vọng cho đời anh đang bủa vây anh. Nhưng em hiểu vì sao anh tuyệt vọng ? Không phải vì lý do anh thất bại đâu. Nhưng chính những đứa con gái đó mới là hiện thân của thất bại của tuyệt vọng cho anh và anh vùng vẫy tấn công để biết rõ mình tuyệt vọng trong cái tuyệt vọng tất hữu, con gái. Và anh nghĩ không thề nào làm đẹp một đứa con gái cả, thật vậy em ạ. Nhưng anh vẫn xao xuyến vô cùng đứng trước dáng đẹp vô cùng của em mà anh đã chết điếng khi còn ở trạm Bà Chiều. Anh tưởng không thề sống nổi và không nên sống nữa khi gặp những dáng đẹp như em. Anh nhìn rõ khuôn mặt em : mũi hơi cao nhưng tất cả thì không có gì đặc biệt. Anh lén nhìn kỹ chân em : đôi guốc hơi què mùa, những ngón chân thì thấp và hơi ngắn, mấy cái móng chênh lệch, và một ngón cái đã bị hư móng. Nếu chỉ nhìn riêng chân em chẳng hạn, anh sẽ chán nản, nhất định. Nhưng tại sao phải phân tích khốn cùng như vậy. Tại sao lại cứ phải nghe em nói tiếng gì để biết người nam hay bắc ? Tại sao phải dò đến nhà em, tại sao phải tìm biết một cách cẩn thận và ngu xuẩn ngọn ngành của em. Anh chợt nhìn thấy nắng bên ngoài đẹp vô biên. Nắng rực sáng tung bừng. Anh quên đi đây là Saigon với đời sống thúc đẩy, xô bồ chỉ làm anh phát điên. Anh quên đi đây là Saigon, nơi phải mở mắt mới tìm được một chút thiên nhiên một chút màu xanh của cây cối, một chút hoa, một chút nước trong của dòng suối một chút hoa một chút cỏ mà anh thèm khát. Từ đó anh bỗng hiểu rằng nơi nào

trên mặt đất này cũng có thể đẹp. Đó là hy vọng lớn nhất và cũng là tuyệt vọng lớn nhất của anh khi gặp em, khi gặp các em. Anh cũng hiểu rằng đứa con gái sẽ theo anh suốt đời đó có thể đẹp và thông minh hơn em nhưng cũng có thể thua em nhiều lắm. Anh tin điều anh nghi ngờ lắm. Nhiều lúc Trương nghĩ chỉ cần có một bức thư nào đó, chàng sẽ hiến dâng với cái nghĩa linh thiêng nhất của một đứa con trai từ lâu độc thân và cho rằng chỉ có lối sống như vậy mới lý tưởng, mới mong hưởng thụ bao nhiêu biến ảo... đề không đi đến đâu hết.

— Mà cần gì phải « đi đến đâu » !

Trương nói nhỏ một mình như vậy. Những vì sao xa vắng kia có đi đến đâu không mà vẫn đẹp. Trái đất này có đi đến

đâu không mà vẫn quyến rũ Trương. Thôi đề anh cứ đi hết khoảng đường em đi. Thế nào cũng qua đại lộ Trần quốc Toản phải không ? Và anh sẽ nhìn em thật kỹ tấm thân băng tuyết lạ lùng của em mà thỉnh thoảng anh vẫn bắt gặp trên đời, hiện thân nơi bao nhiêu đứa con gái khác, đàn bà khác. Rồi anh sẽ nhìn đi nơi khác đi khi ngoảnh mặt lại thì em đã xuống ở một trạm nào rồi. Vâng, đề anh đi tiếp cho hết khoảng đường em đi. Nhưng thế cũng có nghĩa là anh đã dừng lại nơi đây, trạm chợ Trương mình Giăng. Rồi ra anh cũng bỏ cuộc như tên thanh niên kia thôi, nhưng anh bỏ cuộc một cách đau đớn hơn, khổn đớn hơn. Em đã hiểu chứ ?

NGUYỄN ĐỨC SƠN
8-7-1965.

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỎI

Đã phát hành những tác phẩm các bạn mong đợi

- **BÔNG HỒNG CÀI ÁO** của Nhất Hạnh
(in lần thứ hai) giá 10 đồng
- **TÌNH NGƯỜI** của Tâm Quán
(in lần thứ hai) 152 trang, giá 36 đồng
- **CÂU CHUYỆN CỦA DÒNG SÔNG**
của Hermann Hesse, giải văn chương Nobel, bản dịch của Phùng Khánh và Phùng Thăng
240 trang, giá 50 đồng
- **ĐẠO PHẬT NGÀY NAY** của Nhất Hạnh
(in lần thứ ba) 146 trang, giá 45 đồng
- Sách sẽ được gửi bảo đảm đến nơi nếu quý đọc giả ở xa.
Thư từ và tác phẩm xin gửi về THANH TUỆ.
Bưu phiếu xin đề Ông TRƯƠNG PHÚ, hộp thư 935.Sàigòn

TÙ CON SO • nguyên thủy long

Cửa xe bít bùng mở khoá, người giám thị khám đường thò cổ vào quát :

— Thôi ra các cha nội bộ tính ngôi ăn và trông đây phải không ?

Ngót hai chục tù nhân đứng dậy, từng cặp từng cặp ra cửa bước xuống xe. San nhìn thật nhanh những bộ mặt tù tội : giáo quyết, bản tiện, an phận, náo nê. Những chiếc còng đồng số tám bắt vít dính từng cặp tay vào nhau. Một con điểm hai mắt đỏ hoe nó khóc suốt từ lúc ở ngoài toà đến giờ. Chiếc khăn tay nhàu nát như bị giăng xé trong bàn tay có những móng đỏ bong nước sơn. Một mụn nạ dòng, chắc hẳn là mu đầu, miệng đầy răng vàng đóng ke xanh, an ủi :

— Khóc hoài vậy mầy, cú vinh thì phải có nhục chứ mậy. Nhưng ở tù mà nhục cái nỗi gì, ở trong này mầy sẽ sướng như tiên, ngoài tội đàn em tao tiếp tế đều đều mà...

Khi đặt chân xuống nền đất đỏ trong vòng thành khám đường. Bọn tù không ai bảo nhau đều ngước mắt nhìn trời. Bầu trời cuối năm xanh thắm thắm và không khí lành lạnh. Tiếng động cơ xe cộ từ ngoài lộ vắng vào nghe xa mơ hồ. Tất cả đều nghĩ rằng, hãy nhìn cho hết, nghĩ cho hết, trước khi

bước chân qua khung cửa sắt. Một người giám thị đi rào dọc theo bọn tù nhằm đếm. Ngón tay hắn diềm vào từng cặp :

— Hai... bốn... sáu... tám...

Một người giám thị khác, mập, mặt lạnh như tiền, đứng trên thềm, tay cầm một tờ giấy đánh máy giục :

— Đủ không ?

Người giám thị đứng dưới vệt vàng trả lời :

— Dạ đủ,

— Cho vào đi,

Họ đẩy từng cặp qua khung cửa sắt, người giám thị mập đứng ngay lối ra vào, đọc tên :

— Nguyễn văn Hai, Bùi văn Thuận, Lê văn Xinh, Huỳnh thị Thắm, Châu thị Miến...

Từng cặp, cúi đầu bước vào theo thứ tự danh sách.

— Lê duy San, Nguyễn văn Tùng.

Khi tới trước mặt người giám thị, San hơi khựng lại. Chàng thờ dãi, ngoái đầu nhìn lại bầu trời sau lưng. Người giám thị

cau mặt, nhanh như chớp, hấn vung tay, một tiếng «bốp» vang lên, San ngã chúi, lộn theo người bạn tù bị còng chung. Mặt San bỗng rất như bị tạt nước sôi, cảnh vật như lộn ngược, xám xịt. Người giám thị gầm lên cay nghiệt :

— Đ. m. mày giám kinh chống tao há mày ?

Cặp San, Tùng bị té, nên đám tù nổi đuôi lộn xộn hết trời. Thêm một mũi giày nữa móc ngược vào mạng sườn San, anh ta oằn người như một con sâu bị trể con lấy que chọc.

— Đứng dậy.

Nhìn đau, San chống tay đứng dậy, đôi mắt chàng dòm chừng mũi giày Khuôn mặt xanh lợt, xương xẩu của chàng trông đến tội nghiệp. Thân phận chàng như một con chó còm cỏi lấm lét coi chừng cây gậy trong tay gã chủ độc ác.

Người đàn bà đi với ả điếm lên tiếng :

— Con xin lỗi thầy đi...

Đoạn mù hướng về phía người giám thị :

— Xin xếp tha cho nó tù «con so» nên không biết.

Người giám thị trừng mắt nhìn mù :

— Bà con của chị phải không ?

— Dạ không, nhưng...

— Đ. m. xía vô chi vậy.

Mụ le lưỡi, nín thinh.

Gã tù mặt giảo quyết đứng sau lưng San, thúc cùi chỏ vào hông chàng :

— Xin lỗi xếp đi.

Qua một phút ngỡ ngác, chàng riu riu làm theo.

— Con lạy xếp, con chót đại.

Gã giám thị hừ một tiếng rồi lại tiếp tục gọi tên, hai ba phút sau đoàn tù lần lượt vào hết. Họ được một người tù công vụ hướng dẫn đến phòng đợi. Không khí khăm đường ở đây âm u, những tiếng ồn ào không biết từ phòng nào vọng đến nghe rì rào, âm âm. Tiếng người tù công vụ lạnh lùng.

— Cấm không ai được mang vật dụng kim khí vào phòng giam. Tất cả phải cởi ra ở đây để gửi phòng can nhân. Khi ra khỏi khám sẽ lấy.

Nhiều người dừng đứng với lời rao đó có người lột vội chiếc cà rá lặn vào trong người. San cũng dừng đứng, vì anh ta chẳng có gì ngoài bộ đồ cũ và đôi dép cao su. Người tù công vụ không nhìn thấy ai giấu đồ, nhưng hấn cũng lên tiếng hăm dọa :

— Ai giấu đồ trong mình, bị khám thấy sẽ phải nằm khám tối và ăn cơm lặt.

Hắn ta chỉ nói cho có lệ rồi giở sỏ ra xem, trong nét mặt hấn thản nhiên như đã quá quen thuộc với công việc này.

Cái tát hồi này vẫn còn làm San rất má chàng đưa tay lên sờ, mụ nạ dòng nhìn thấy, lên giọng kẻ công :

— May đó, có má xin cho chứ không con ốm đòn.

San còn hậm hực trong lòng, anh ta ngược lên nhìn mụ cau mặt :

— Ai má con với chị.

Mụ nạ dòng không ngờ thẳng nhỏ lại

đám trả lời gay gắt như thế. Mụ trừng mắt nhìn San rồi cười nhạt :

— Thiệt tao không ngờ làm ơn mắc oán, tao động lòng từ bi...

Bỗng nhiên trong đám tù ngồi bó gối có tiếng cười hi hi, gã đàn ông mặt đen nhỏ phệt một bãi nước miếng :

— Đ. m. nuôi diêm chứa bạc mà bày đặt từ bi, đ. m nghe mà bắt ngứa con ráy...

Mụ nạ dòng quay phắt lại :

— Thằng nào nói đó, lộ mặt ra đây coi ?

Gã đàn ông vẫn ngồi bó gối cười ngất nghẻo.

Một chị đàn bà ngồi cạnh khều mụ nạ dòng :

— Anh Chín Mái đó chớ ai.

Mụ nạ dòng đang định cất tiếng đối đáp nghe thấy thế mụ khựng lại, nét mặt thay đổi đột ngột. Mụ không lạ gì đại danh của tay anh chị Chín Mái. Nhưng đây là lần đầu mụ thấy mặt. Mụ ngoác miệng ra cười :

— Trời anh Chín, anh còn chọc ghẹo đàn em nữa. Coi kìa kẻ được một câu cười sung sướng quá.

Mụ nói ngọt xót, dềo quẹo. Chín Mái thôi cười, hấn ngẩng lên nhìn mụ :

— Có được (1) không ?

Mụ nhanh nhẩu :

— Có chớ, đàn anh mà ra lệnh...

Mụ rút một liều thuốc Rubi định mời riêng Chín Mái, nhưng hấn ta đã gắt lên :

— Đưa cả bao, người chi mà bần tiện

Mụ tiếc rẻ, nhưng đành trao luôn cả bao cho gã đàn ông ngang tàng :

— Trời anh Chín, thiệt anh không thương đàn em... người khôn của khó.

Chín Mái rút một liều thuốc lạnh lùng gắn lên môi. Số thuốc còn lại hấn phân phát cho bọn người xung quanh. Khoảnh khắc căn phòng nhỏ ồn lên :

— Anh Chín cho một liều.

— Em chưa có đại ca.

Chỉ một loáng bao thuốc hết nhẵn. Mụ nạ dòng nhìn những làn khói cuộn cuộn mà tiếc rẻ; nhưng mụ nín khe. Mụ sợ Chín Mái nhưng cũng giám chửi thăm hấn ta, chửi thăm những tên bất lương mượn oai cộp hít được của mụ. Những mẩu thuốc thừa bị đập tắt một cách tàn nhẫn xuống sàn xi măng, góc tường. San hít cổ một hơi thuốc cuối, anh ta ngậm lại trong miệng, khói nhả ra rất ít. Bấy ngày hôm nay San mới được thưởng thức những hơi thuốc thơm tho.

San nhìn sang bên cạnh, người bạn tên Tùng bỗng nhiên toét miệng cười với anh

— Vào đây lần đầu à ?

San gật đầu, Tùng mỉm cười dụi tàn thuốc :
— Tui cũng vậy, tồ cha nó tét nhất đến nơi, ai dề...

San bỗng nhiên muốn được tâm sự :

— Buồn thúi ruột, ai dề... ừ ai dề có ngày mình lại ở tù. Bạn bè chớ má thề đấy, tồ coi ở đây ai cũng quen cảnh này hết. Còn mình thì bờ ngở quá.

(1) *tiền lông thuốc lá*

Hình như Tùng đã hiểu phần nào tâm sự của người bạn mới. Hắn ta thở dài :

— Đời mà...

San đảo mắt nhìn khắp lượt tù nhân, có những khuôn mặt đứng đưng. Nhưng cũng có những kẻ ngồi trầm ngâm một xó nước mắt lưng tròng. Chắc hẳn họ là những kẻ lần đầu tiên mắc vòng tù tội. San thoáng nghe thấy phía sau có tiếng nói nhỏ :

— Tao đâu có dè, tưởng thoát rồi, tới đầu đường lại bị « nùm ».

Có tiếng cười khúc khích. San quay nhìn lại. Hai gã con trai ngồi châu đầu vào nhau nói chuyện. Bỗng nhiên San thấy có cảm, tình với họ, cả hai đều mặt mũi sáng sủa. Quần áo tuy nhàu nát nhưng không rách rưới. San mỉm cười với họ, họ đáp lại nụ cười của San bằng cái háy mắt thân thiện. San nhìn thấy thấp thoáng trên cánh tay hắn xăm một hàng chữ xanh : chim non giang hồ. San thấy vui vui, lần đầu tiên từ hôm bị bắt đến giờ chàng mới cảm thấy vui. Chàng thở phào thầm nhủ. Kệ, rồi đâu sẽ vào đó liết. San thấy đói, suốt từ sáng đến giờ chàng mới chỉ ăn một cục cơm nhỏ với chút nước mắm ở Công An.

Người tù công vụ lại trở ra, tay hắn cầm bản danh sách đánh máy chữ !

— Đi theo tôi.

Đoàn tù nhân đi theo một dãy hành lang dài. Lúc này trời đã xầm tối, ánh sáng yếu ớt lùa qua hàng trần song sắt. Tới một phòng rộng hắn nói :

— Đàn bà bên này, đàn ông bên kia. Tất cả đều trút bỏ quần áo.

Người giám thị cầm cái ma trắc đi đi lại lại hắn diêm cái roi vào vai những tù nhân vừa khám xét xong. Không còn chút nghi ngờ nào hắn nói :

— Ra mặc đồ.

Hắn chợt dừng lại, níu vai một tù nhân vừa đi ra :

— Đứng lại coi !

Tên tù bị gọi riu riu đứng lại. Gã giám thị đưa bàn tay hộ pháp nâng mặt hắn lên :

— Há mồm coi.

Môi tên tù hơi nhếch lên. Gã giám thị cau mặt, gả-vung chiếc ma trắc lên quất thẳng vào mặt tên tù. Hắn ngã chúi đầu, một gói giấy nhỏ cuộn tròn văng ra sàn. Gã giám thị cúi xuống nhặt, nhét vào túi, khuôn khinh cười. Gã quay sang tên tù công vụ :

— Lấy tên thẳng này cho tao.

Hắn thản nhiên tới một tên tù khác, mặt mũi, xám xịt, đôi mắt trắng dã, cao, gầy lẳng không. Hắn nói như ra lệnh :

— Há miệng coi.

Tên tù há miệng thật to

— Mở hai lòng bàn tay ra.

Gã giám thị gạt gù, hình như hắn vẫn còn nghi ngờ điều chi. Hắn nhìn ngắm suốt cơ thể trần truồng của gã tù nhân, hắn gọi tên tù nhân khác. Tưởng thoát nợ, tên tù gầy định bỏ đi. Nhưng gã giám thị đã níu lại :

— Chưa xong.

Gã quay sang tên tù vừa mới gọi ra. Rồi ra lệnh cho tên tù gầy :

— Cúi xuống chổng mông lên.

Tên tù nhận lệnh làm như máy, sợ hãi ngẩn.. Cả giám thị mỉm cười, nhìn tên tù gầy một cách đặc trưng :

— Qua mặt tao sao đang mày.

Tùng ghé sát miệng vào tai San nói nhỏ :

— Dân « phum » đó, còn cái gói giấy kia là « thoóc ». Mày thấy hẳn giấu kỹ công không.

San gật đầu :

— Ghê quá, lần đầu tiên tao nhìn thấy đó. Sao mày biết ?

— Khi nằm ở Công An tao có nghe nhiều người nói chuyện về bọn « phum » và mảnh khốe giấu « thoóc » của họ.

Tiếng người giám thị lạnh lùng vang trong căn phòng ẩm thấp :

— Tất cả ra chích thuốc ngừa bệnh truyền nhiễm. Sau đó đi ăn cơm rồi về phòng giam tạm.

Chiếc chiếu nhỏ, hai người nằm tạm. Đêm bắt đầu lạnh, hơi đá dậy lên ẩm ướt. San nằm khoanh tay trước ngực, mặt nhìn lên trần phòng giam. Ở trên đó có một ngọn đèn điện vàng vọt, mạng nhện bám đầy. Hai con thạch sùng ngoe nguẩy đuôi, rình mồi. Tường phòng giam sơn hai màu : dưới màu hắc ín đen kịt, trên màu trắng nhưng đã ngả sang màu xám, lẫn lộn màu đỏ của máu rệp. Những vết máu bắt dài lam nham dề lên những giòng chữ nguệch ngoạc. Những lời tâm huyết của kẻ tội tù, những nhẩn nhủ tuyệt vọng và những

tâm sự u uẩn. Đôi khi chen vào đó hai ba câu thơ thất niêm luật. Những người qua phòng giam tạm này đã để lại những bút tích đó. Những người mới tới cũng tìm một khoảng trống nhỏ điền thêm vào. Lúc chập tối khi đám tù mới tới, San đã đi vòng quanh quan sát và đọc những bút tích đó như nhiều người khác. Có người bông reo lên :

— A, chữ tao đây nè, vẫn còn nguyên chỉ hơi mờ một chút. Tồ sư, tao phải kiếm cái gì viết thêm một hàng nữa chứ.

Hắn bông trầm giọng xuống, hẳn huồn đột ngột :

— Bảy năm rồi, mình lại vào lại đây, cuộc đời... hôm nay hai mươi mấy tết rồi nhỉ !

San vẫn nằm ngửa nhìn lên trần phòng giam suy nghĩ lan man. Tùng cựa mình :

— Mày nghĩ gì đó San ?

San lơ đãng như không nghe thấy câu hỏi của bạn, chàng hỏi lại Tùng :

— Hôm nay hai mươi mấy tết rồi nhỉ.

— Hai tám hai chín gì đó, thời gian đối với tao lúc này thật lộn xộn. Nhưng chắc bây giờ ở ngoài đời vui lắm.

San chép miệng thở dài. Chàng nghĩ bụng ở trong hay ở ngoài lúc này đối với San vẫn thế. Không hơn và cũng không kém gì. Tâm hồn San lúc này đã trở nên lì lợm. Chàng nghĩ đến những giây phút đã qua. Những giây phút đưa đời sống San vào vòng tù tội. Bây giờ thì San nhẩn nhục, chịu đựng. Còn gì nữa đâu đề thương tiếc, cho dù

San có thương tiếc chàng cũng chẳng làm gì được.

Bàn tay San chợt cảm thấy nóng nóng
Tùng đã ấp lòng bàn tay hần lên tay San :

— Lạnh lắm không mày ?

San lặng lẽ gạt đầu, chàng muốn ứa nước mắt khi nghe câu hỏi đó của bạn. Người bạn gặp vô tình trên toà án khi người giám thị trông cái còng đồng số 8 vào cổ tay hai người. San cảm động, chàng hỏi giọng lo lắng :

— Mai dời mình lên phòng liệu không biết hai đứa có được ở chung với nhau không đây :

Tùng thở dài :

— Biết đâu được mày.

Hần ngần ngại một lát rồi tiếp :

— Có lẽ chúng mình không nên thân nhau quá.

— Sao vậy ?

— Nếu mỗi đứa phải đi một phương thì buồn lắm. Tội mình là tù con so.

Tiếng nói chuyện ồn ào trong phòng dần nhỏ lại. Họ tạm quên thân phận tù tội trong phút chốc. Họ phải nói chuyện thật nhiều, truyền tay nhau một điếu thuốc.

Gã tù nghiện nằm cuộn tròn trong chiếc chiếu gần cầu tiêu, gã bắt đầu rên rĩ... Nhưng đôi mắt đã dồn về phía đó.

Hồi kèng giới nghiêm vang lên. Cả trường phòng vỗ tay bộp bộp :

— Anh em ngủ đi, giới nghiêm rồi.

Những người đang ngồi nói chuyện đột ngột trở về chỗ nằm. Tiếng nói chuyện dứt hẳn, tiếng rên rĩ của gã ghiền vang lên lớn hơn.

Phía ngoài hành lang có tiếng giầy rảo bước. San vẫn mở mắt nhìn lên trần phòng giam. Nỗi buồn đang len lén dâng lên trong hồn chàng. San nhẹ thở dài trở mình. Tùng vòng tay ôm ngang lưng chàng, hơi người Tùng làm cho San đỡ lạnh. Gió đang vi vút thổi qua trần song.

San lăm bằm một mình :

— Ngày mai mình sẽ ra sao ?

San bỏ lúi dãi văng lại, chàng không nghĩ đến nữa. Bóng đèn điện bị gió thổi lay động, ánh sáng chớp chớp làm trần phòng giam lúc sáng lúc tối.

San quay mình lại, Tùng vẫn mở mắt nhìn lên khoảng trần trắng. Hần không ngủ, và dám chắc tất cả những người đang nằm trong phòng này đều không ngủ, cho dù có người nằm nhắm mắt.

Tiếng rên rĩ của người tù ghiền mỗi lúc một vang lớn hơn.

1965

NGUYỄN THỤY LONG

(Trong Bà chúa 8 cửa ngục)

N Ề O V Ề C Ủ A Ý

Nhất Hạnh

Truyện dài

I

Pomona là tên cái nhà gỗ trong rừng mà tôi đang ở. Nguyên Hưng cứ tưởng tượng một buổi sáng thức dậy ở *Phương Bối Am*, lúc bảy giờ. Chim chóc hát vang rừng và ánh sáng tràn vào thành từng vũng lớn. Tôi đến đây vào một buổi tối, xe hơi len lỏi trên những con đường rừng thành ra không trông thấy gì. Sáng dậy, tôi giật mình vì tiếng chim hót, vì căn nhà gỗ và vì sự yên tĩnh mà đã hơn một năm nay tôi thiếu thốn. Ở Nữ Ước dù thức dậy lúc ba giờ khuya ta cũng vẫn nghe tiếng xe cộ đi lại. Tôi nhớ hồi tôi mới về Nữ Ước, suốt một tuần lễ tôi không ngủ được. Tôi than phiền với một người quen. Anh ta mua biểu tôi một thứ bông sáp để nhét vào tai khi đi ngủ. Có nhiên là đỡ ồn rồi, nhưng tôi vẫn không ngủ được bởi vì không thể quên được cái cảm giác là lạ trong hai tai. Mãi mấy hôm sau tôi mới quen với tiếng ồn và mới ngủ được. Thực ra, tất cả chỉ là vấn đề thói quen. Có người đã quen với

tiếng tích tắc của đồng hồ, thiếu nó thì cũng không ngủ được. Nguyên Hưng không nhớ hồi anh Cường lên chơi và ngủ lại *Phương Bối Am* sao. Đã quen với tiếng xe cộ đường Hồng thập Tự nên nằm ở *Phương Bối* anh ấy cũng không ngủ được vì cái yên tĩnh kỳ lạ của núi rừng *Đại Lão*.

Tôi thức dậy trong một sự yên tĩnh như thế ấy ở Pomona. Tiếng chim hót vang rừng cũng không thể nói là tiếng ồn. Nó lại càng làm cho sự yên lặng thêm sâu hơn về bề sâu là khác. Tôi khoác chiếc áo nhật bình đi ra ngoài. Thật là một cảnh tượng thần tiên. Tôi có ngờ đâu căn nhà gỗ này nằm bên một chiếc hồ lớn — lớn hơn cả hồ Dalat. Mặt hồ sáng loáng phản chiếu ánh nắng buổi mai, đẹp rực rỡ như tranh thần thoại. Bờ hồ là cây rừng, lá cành mang nhiều màu sắc. Trời đã sắp ngả sang thu rồi đó, Nguyên Hưng.

Tai tôi thoáng nghe tiếng cười đùa. Tôi vừa đi vào con đường mòn vừa gài

khuy áo, tìm tới gần chỗ phát xuất tiếng nói cười trẻ em. Đi chừng hai trăm thước tôi thấy hiện ra một khu có sân rộng, có tới mấy chục cái nhà gỗ như Pomona, nhưng bé hơn Pomona. Bọn trẻ con đang rửa mặt đánh răng. Đây là làng *Cherrokees*, trại của các em nhỏ từ bảy đến mười một tuổi. Rải rác trong rừng, còn có năm hay sáu làng nữa, của những lứa tuổi lớn hơn. Khu rừng mấy trăm mẫu này hiện dùng làm trại hè — trại *Ockanickon*, cho học sinh. Để trốn nắng thành phố, tôi đã về đây, sống với thiên nhiên, với rừng xanh, hồ biếc và trẻ thơ. Tôi sẽ ở lại đây vài ba tuần nữa trước khi trở về lo công việc mùa thu.

Ngày đầu tôi đã ở chơi suốt ngày với các cậu bé làng *Cherrokees*. Các cậu bắt đầu được một chú nai con mới sinh đầu được ba bốn ngày. Mẹ nó đã bỏ nó đi đâu mất. Các cậu bé đem về trại nuôi. Ban giám đốc trại làm cho các cậu một cái nhà lưới rộng, có hai phòng, để nuôi chú nai con. Chúng đặt tên con nai con là *Datino*. *Datino* có bộ lông màu vàng điểm nhiều chấm sao trắng rất đẹp. *Datino* được các cậu bé cho ăn cháo tằm trộn với sữa tươi, và bắp cải non. Sống được tám tuần lễ ở trong trại rồi, *Datino* đã lớn. Nhờ sự chăm sóc của các cậu bé, nó đã cao chừng bốn tấc tây. Tôi cũng hay quanh quẩn với các em chung quanh cái nhà lưới của *Datino* và hay hái những cành có lộc non cho *Datino* gặm. *Pomona* thanh tịnh quá khiến tôi ít ra đi đâu nữa. Tôi có đem về đây mấy cuốn sách nhưng không đọc. Nguyên Hưng nghĩ đọc làm sao được khi

rừng cây thanh tịnh như thế kia, hồ nước xanh mát như thế kia, tiếng chim hót trong trẻo như thế kia. Có những buổi sáng tôi đi vào trong một khu rừng thưa và ở lại đó một mình cho đến chiều. Tôi đi thơ thẩn trong rừng hay nằm dài trên những thảm rêu mềm mại, khoanh tay nhìn trời xanh mây trắng. Những lúc như thế này tôi thấy tôi đổi khác. Có thể nói là tôi tìm thấy rõ mặt mũi chân thực của tôi thì đúng hơn. Những nhận xét, những cảm nghĩ, những quan niệm của tôi không còn giống như những nhận xét những cảm nghĩ những quan niệm hồi tôi còn ở Nữ Ước. Tôi thấy sự vật sáng hơn, khỏe hơn và ít tầm thường hơn. Chiều hôm qua tôi ngồi trên một chiếc thuyền con và tự chèo lên phía Bắc của hồ, trên một cây số. Tôi ngồi chơi giữa những bông súng cho đến khi trời nhuộm màu tím mới bơi về. Tối quá, tí nữa thì không tìm ra được cái bến xinh xắn của *Pomona*.

•

Rừng ở đây không có sim như ở Phương Bối nhưng có một thứ trái cũng tím và ngọt như sim, gọi là *blueberries*. Sáng hôm nay tôi đưa hai chú bé chừng tám tuổi vào hái *blueberries* ăn đến chát cả mồm cả miệng. Hai cậu bé nói chuyện huyền thuyên không ngớt. Một cậu nói chuyện ông Ba Bị mà cậu trông thấy hồi hôm. Ông Kẹ của cậu có sừng trên trán và đang lúc cậu ngủ, trong một chiếc lều ở *Cherrokees*, thọc tay vào cửa sổ lều định bắt cóc cậu. Cậu nói chuyện một cách say sưa, thành thực. Có lẽ có một ông Kẹ giả nào đó thì mới khiến cậu tin chắc như vậy được. Tôi vừa nghe vừa cười, vừa lo

hái blueberries. Hồi lâu, không thấy phản ứng chi, cậu tức quá, dừng lại, nói một cách thất vọng : « Ông không tin lời của em ». Tôi trả lời : « Có chứ, tôi có tin, nhưng tin vừa vừa thôi ». « Tại sao ? » « Tại vì khó tin quá, tôi cố gắng lắm mới có thể tin em một ít như vậy ». Cậu buồn xo. Chiều đến, cậu dắt tới Pomona một cậu bé khác để làm chứng. Cậu này cũng kể là chính cậu trông thấy ông Ba Bị. Hai cậu tranh nhau hùng biện, cố làm cho tôi tin. Cuối cùng tôi phải gật đầu công nhận. « Thôi được, tôi tin lời hai cậu ». Tôi nói như vậy và đứng dậy đưa hai cậu về trại *Cherrokees*.

Nguyễn Hưng, những ngày như ngày hôm nay tôi nhớ Phương Bối quá đi. Có phải là thỉnh thoảng ở Phương Bối, ngày xưa, chúng ta cũng hay mang một vài em bé đi thám hiểm núi rừng Đại Lão hay không ? Rừng ở Đại Lão Sơn hoang vu rậm rạp và nguy hiểm hơn ở đây nhiều. Chẳng thế mà có bận chúng ta đã gặp cả cọp. Tôi nhớ Phương Bối Am quá cho đến nỗi nhiều đêm nằm mơ thấy về Phương Bối. Nhưng tội nghiệp chưa, chẳng bao giờ về tới được Phương Bối cả. Cứ về gần tới Phương Bối thì y như là có một trở lực gì ngăn chặn lại. Vì thế càng nhớ, càng xót xa thêm. Quê hương chúng ta đã không phải là Phương Bối sao ? Nguyễn Hưng thường nói : « Phương Bối không thuộc về chúng ta. Chính chúng ta thuộc về Phương Bối ». Phải có những ràng buộc mật thiết lắm với Phương Bối mới có thể nói những câu tương tự như vậy. Phải có những gốc rễ ăn sâu vào Phương Bối lắm mới có thể biểu lộ

được tình cảm như thế ấy. Tôi biết lắm. Người ta thường nói chỉ có những kỷ niệm đau buồn mới ở lâu với con người. Sự thực không hẳn như vậy. Nguyễn Hưng, có phải những ngày sung sướng nhất của chúng ta là những ngày ở Phương Bối không ? Và có phải là vì những ngày đáng ghi nhớ ấy mà chúng ta hướng về Phương Bối từ bất cứ phương trời nào, như bông hoa hướng dương kia không ?

Những ngày khai sinh của Phương Bối không có mặt Nguyễn Hưng. Hồi đó Nguyễn Hưng còn ở Dalat. Chúng ta đã đi từ thất vọng này sang thất vọng khác trong niềm ước ao tìm một lối thoát cho chúng ta, cho thế hệ những người trẻ tuổi muốn đem lý tưởng đạo Phật làm đẹp cho cuộc đời. Nguyễn Hưng trẻ hơn tôi đến gần mười tuổi, nhưng mà Nguyễn Hưng cũng đã chịu biết bao nhiêu nỗi thảm nhục rồi. Chúng ta đã đau khổ vì tình trạng chính trị của đất nước. Chúng ta lại còn đau khổ vì tình trạng của đạo Phật. Hồi ấy chúng ta đã nói tới vấn đề hiện đại hóa đạo Phật. Hồi ấy chúng ta đã cố gắng mọi cách gây ý thức về một nền Phật giáo dân tộc để mong phục hồi sinh lực dân tộc trong ước vọng xây dựng xứ sở. Tôi đã làm báo, đã viết sách. Nào báo *Hương Thiện*, nào báo *Liên Hoa* nào báo *Sen Hải Đầu Mùa*. Năm 1955, chắc Nguyễn Hưng còn nhớ, tôi được Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam giao cho chủ bút tờ *Phật Giáo Việt Nam*. Lúc đó, tôi đã có dịp gây ý thức về một nền Phật giáo nhân bản và dân tộc. Tôi cũng đã

thấy rõ tính cách rời rạc phân tán của tổ chức đạo Phật, nên đã cố gắng viết tất cả những gì tôi nghĩ về một nền Phật giáo thống nhất toàn vẹn. Tôi chắc Nguyễn Hưng biết rõ những nguyên do gần xa trong ngoài của sự rời rạc. Hơn hai năm sau, tờ báo bị đình bản. Lý do là hết tiền. Nhưng kỳ thực, đó là vì các nhà lãnh đạo Phật giáo miền Trung và miền Nam không chịu được những loạt bài nói về vấn đề thống nhất thực sự. Trong một buổi họp, họ đã lấy có hết tiền để kết liễu sinh mệnh của tờ báo. Họ có nói : « Ai đời tờ báo của tông hội mà lại đi dạy tông hội về vấn đề thống nhất bao giờ ».

Nguyễn Hưng, thế là chúng ta mất khi giới cuối cùng. Chính trị thì khôn ngoan, tìm đủ mọi cách cho tiềm lực đạo đức dân tộc không có cơ phát hiện. Tổ chức Phật giáo thì thủ cựu, chia rẽ. Chúng ta, những người trẻ tuổi, không có tiền bạc, không có uy thế, không có một « miếng đất để cắm dùi », làm sao thực hiện được ước mộng ? Sau một thời gian ốm đau tưởng chết, tôi rút về nằm ở ngôi chùa nhỏ bé và an tĩnh ở Blao. Còn Nguyễn Hưng và các bạn khác thì mỗi người phiêu lưu một ngả. Lần thất bại này có lẽ là lần thất bại to lớn nhất có phải không Nguyễn Hưng ?

Tôi về nằm ở chùa Blao, nhưng cũng không được yên ổn mấy, bởi vì đây là chùa quận hội Phật giáo. Thành thạo có chị Diệu Âm ở *Djiring* vào đem cho thuốc men, và một ít trái cam tươi. Chị Diệu Âm, mà công trình đối với Phương

Bối không phải là nhỏ, nay đã nằm yên dưới lòng đất rồi. Có phải chính nhờ chị mà chúng ta có đủ can đảm và kiên nhẫn để tạo dựng nên Phương Bối, phải không Nguyễn Hưng ?

Tôi xin trở lại câu chuyện những ngày đầu tiên khai sinh Phương Bối. Ấy là vào khoảng Vu Lan năm 1957. Tôi nói với Chị Diệu Âm : « Chúng tôi mất chiếc neo cuối cùng rồi. Có lẽ đức chúng tôi đang còn mỏng quá. Chúng tôi phải trở về trong một cái vỏ cứng để tu luyện trong một thời gian đã. Chị kiếm cho chúng tôi một nơi ăn dật đi ».

Chị Diệu Âm hồi ấy trú tại *Djiring* trong một tịnh xá tên là *Mai Lâm*. *Mai Lâm* tức là *Rừng Mai*. Chính vì vậy mà hồi chị mất, để nhớ chị chúng ta đồng ý đặt tên cho chiếc cầu gỗ phía trước cửa *Rừng Phương Bối* là *Cầu Mai*. *Cầu Mai* bây giờ có lẽ đã mục rồi. Lâu nay, từ Huế, có khi nào Nguyễn Hưng lặn lội ghé về thăm *Phương Bối* và chiếc cầu xinh đẹp đó không ?

Chị Diệu Âm nói : « Tôi tiếc không nhường *Mai Lâm* lại cho các chú được, bởi vì tôi không có thẩm quyền. Chớ nếu tôi nhường được tôi sẽ nhường ngay. Tôi về Huế, ở chùa *Thiên Minh* ». Quý hóa thay tấm lòng của chị Diệu Âm. Tôi cười, trả lời : « Chị mà về *Thiên Minh* thì còn tệ hơn là chúng tôi không có chỗ ở ». Và Nguyễn Hưng ơi, chính trong những giờ đàm luận ấy mà chúng tôi thấy nảy sinh trong óc cái ước muốn và dự định thành lập một khu tịnh cư trên rừng *Đại Lão*. Khu ấy sẽ rất yên tĩnh, sẽ

ít ai đến được. Khu ấy sẽ rộng, sẽ có đủ núi, đồi, suối, vườn, tỉnh đường, thư viện, thiền thất. Chúng ta cần một nơi như thế, có phải không Nguyễn Hưng. Chúng ta phải có một nơi như thế để quay về. Để chữa cho lành những vết thương rướm máu. Để nuôi dưỡng bồi đắp lại những gì chúng ta đã phí phạm. Để chuẩn bị cho một cuộc hành trình khác. Niềm tin, sự trong trắng của tâm hồn chúng ta đã bị hao tổn một cách đáng kể. Chúng ta nhận thức được điều đó, và chúng ta quyết định tìm con đường phải đi. Phải trị liệu, phải bồi đắp, phải nuôi dưỡng trước đã. Nếu không, chúng ta sẽ mất chúng ta. Tôi đã ước ao có một nơi do chúng ta tạo dựng, đích thực là của chúng ta. Như thế chúng ta mới thực hiện được công trình tu luyện cần thiết. Bởi vì chúng ta sẽ không thể làm được gì nếu vẫn phải sống đời ăn gửi, nằm nhờ.

Nguyễn Hưng biết, hồi đó, chúng ta đã có vào khoảng trên hai vạn cuốn sách. Núi, rừng, cây, suối, thiền thất và thư viện hấp dẫn chúng ta như một dòng nước mát đối với kẻ bộ hành trong sa mạc, như gói quà trong rổ chợ của bà mẹ đối với đứa con thơ. Tôi đã bàn với Thanh Tuệ, với chị Diệu Âm. Thế là chúng tôi nhất định thực hiện cho kỳ được. Cái đời bấp bênh của chúng ta phải được rẽ qua một hướng mới.

Đại Lão Sơn vốn là một khu rừng núi phía trên đèo Blao, cách đèo chừng sáu cây số. Từ Saigon lên bằng quốc lộ số 20, đến cây số 180, nhìn sang tay trái về

phía những núi đồi cao nhất: đó là rừng Đại Lão. Muốn tới Phương Bối Am, ta phải từ Blao đi về phía đèo bằng quốc lộ. Đến cây số 180, ta phải bỏ quốc lộ bằng qua chừng ba cây số đường rừng. Hồi ấy, đất rừng ở đây được xem như là sở hữu của những người Thượng. Những khu đất gần hai bên quốc lộ thì hoặc đã được khai thác trồng trọt, hoặc đang còn là đất rừng — nhưng là thứ đất rừng của người Kinh đã mua lại từ người Thượng. Người Thượng thường chịu bán đứt đất rừng cho người Kinh bằng một giá hạ. Vượt qua ba cây số đường rừng chị Diệu Âm, tôi và một người bạn tên là Điều làm trắc-nghiệm viên dừng lại để nhìn khu rừng núi hùng vĩ và huyền bí trước mặt. Đó là Phương Bối tương lai. *Phương* là thơm, là quý. *Bối* là lá bối đa, một thứ *palmier* lá dài. Ngày xưa chưa có giấy người ta viết kinh trên thứ lá ấy. Phương Bối nói lên được ý hướng quý trọng và phụng sự nền văn học đạo Phật của chúng ta. Phương Bối là lý tưởng của chúng ta, có phải vậy không Nguyễn Hưng ?

Khu rừng núi kia nằm trong địa hạt làng *B'su Danglu* của người Thượng. Sau mấy tuần khó nhọc, chị Diệu Âm, anh Điều và tôi tìm được vị trí và vẽ được bản đồ của khu đất chúng tôi muốn mua lại của người Thượng. Khu đất rộng 25ha 9525, như vậy là gần hai mươi sáu mẫu tây đất rừng. Mà Nguyễn Hưng có biết hồi đó chúng tôi mua với giá nào không ? Hai trăm năm mươi đồng bạc Việt Nam một mẫu. Giá của khu rừng gần hai mươi sáu mẫu là sáu ngàn năm trăm đồng.

Nguyễn Hưng đừng tưởng chúng tôi bắt ép những người Thượng hiến lãnh đề mua đất của họ bằng một giá rẻ đâu nhé. Bởi vì đây là giá chính thức họ bán cho mọi người. Hồi ấy, chúng tôi có tặng thêm cho những người Thượng kia ba ngàn rưỡi bạc nữa đấy.

Nguyễn Hưng có biết chúng tôi mua bán với ai không ? Chúng tôi mua bán với hai người Thượng hiền lành. Một người tên là K'Briu. Một người tên là K'Brôi. Cả hai đều không biết chữ. Nhưng vị chánh tổng của họ, chánh tổng Mã Blao, tên là K'bres và vị quận trưởng Thượng của họ, tên K'Dium thì biết chữ và ký tên bằng bút máy. Một buổi sáng tháng tám trời nắng ấm, Tuệ và tôi đi vào quận để làm giấy. Gặp các ông K'briu, K'Brôi, và vài người nữa. Rồi tôi ký tên vào cái văn tự bán đất (Sao lại bán nhì. Phải là mua mới đúng chứ ?) đầu tiên trong đời tôi. Văn tự đó như sau :

VĂN TỰ BÁN ĐẤT

Giữa hai đảng,

Những người Thượng tên K'Briu, tên K'Brôi, dân làng B'su Dang lu, tổng Ma Blao quận Blao, tỉnh Đồng Nai Thượng, bên này, và tăng sĩ Nhất Hạnh, nhà ở chùa Phật Học, bên kia, đã thỏa thuận như sau :

Những người Thượng chiếu thượng, do văn tự này, đã bằng lòng bán đứt cho tăng sĩ Nhất Hạnh một khoảnh đất kê khai như sau :

VỊ TRÍ :

Một khoảnh đất diện tích 25ha 9525

(hai mươi lăm mẫu tây chín ngàn năm trăm hai mươi lăm thước vuông) tọa lạc tại làng B'su Danglu quận Blao, tỉnh Đồng Nai Thượng, ngang cây số 180-1-900, quốc lộ số 20.

Bắc giáp đất ông Trương Út và đất rừng Nam giáp đất rừng và đất ông Trần ngọc Quýnh

Đông giáp đất rừng và đất ông Trần ngọc Quýnh

Tây giáp đất ông Đặng văn Lân và đất ông Trương Út

(bản đồ đính hậu)

NGUỒN GỐC :

Những người Thượng tên Briu, Brôi, trước sự hiện diện của ông Phó Lý làng B'su Danglu cam kết rằng khoảnh đất trên hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của họ, chưa hề cầm cố, đề đương hay sai áp, và cũng không phải là công điền công thổ của làng.

QUYỀN SỞ HỮU : Văn tự đoạn mãi này xác nhận sự di chuyển quyền sở hữu và tăng sĩ Nhất Hạnh được trọn quyền sở hữu trên khoảnh đất trên, kể từ ngày thành lập văn tự này.

GIÁ CẢ :

Khoảnh đất này đã thỏa thuận đoạn mãi với giá là 6.500đ00 (sáu ngàn năm trăm đồng bạc chẵn) và đã giao trước sự hiện diện ông Đại lý Hành Chánh Blao, ông Chánh Tổng Mã Blao và ông Quận trưởng đồng bào Thượng chứng kiến cho các người bán đất đã lãnh đủ số tiền và điền chỉ vào văn tự này vì không biết chữ, không biết ký.

Bên mua phải đặng, bộ thò, đóng bách phân cùng các thứ thuế khác nơi bộ a, ền địa Đa-Lạt.

Làm tại Blao ngày mùng 7 tháng 8 năm 19...

Dưới văn tự, có dấu điếm chỉ của K' Briu, K' Brôi, của phó lý làng B'su Danglu, có chữ ký của Chánh tổng Mã blao là K'Bres, của quận trưởng Thượng K' Diuh, và của ông Quận trưởng quận hành chánh Blao nữa. Bên cạnh chữ ký của K Broi, K'Briu, là chữ ký của tôi, tăng sĩ Nhất Hạnh. Thế là, Nguyễn Hưng ơi, tôi đã trở thành địa chủ rồi đó. Địa chủ của gần hai mươi sáu mẫu tây đất rừng. Tha hồ sau này cho cọng sản tố khổ. Biết đâu trong khu rừng núi gần hai mươi sáu mẫu ấy, lại không có vài vị chúa sơn lâm lưu trú. Ở nông trại Đại Hà các ông Ba Mười đã chẳng thỉnh thoảng về chơi ban đêm đó sao ?

II

Mấy hôm nay mưa lớn quá, Nguyễn Hưng. Căn nhà gỗ Pomona của tôi bị dột, mưa giọt xuống ướt cả mấy cuốn sách để trên bàn. Tôi phải dời cái bàn đi mấy lần mới tìm ra được một chỗ bảo đảm. Tối hôm qua một đám thanh niên chừng hai chục người từ trại Rangers đã tới thăm Pomona để nghe tôi nói chuyện về đạo Phật. Trong thời gian lưu trú tại đây, tôi làm *guest speaker* cho cả trại mà. Nói cho nhóm này nghe rồi đến nhóm khác, về đủ các thứ chuyện. Tôi đã nói cho tất cả là tám nhóm rồi kể cả một nhóm *cherrokees* nhỏ xíu. Nhóm Rangeirs là nhóm lớn. Họ mang tới mỗi người một ôm củi để đốt trong lò sưởi lều Pomona của tôi. Trời

hơi lạnh thành ra đốt như thế vừa ấm lại vừa vui. Họ ngồi quây quần quanh lò sưởi nghe tôi nói chuyện. Lúc đó tôi mặc chiếc áo nhật bình màu khói hương, cho nên tôi bắt đầu nói về chiếc áo *nhật bình*. Để cho họ biết đây là chiếc áo đặc biệt của những chú tiểu Việt Nam chứ không phải là quốc phục Việt Nam như vài người đã lầm tưởng. « Đáng lẽ thì tôi mặc chiếc áo tràng màu nâu kia kia », tôi vừa nói vừa chỉ chiếc áo treo ở góc phòng, « nhưng vì muốn có cảm giác trẻ nên tôi ưa mặc áo nhật bình ». Thế rồi tôi đứng dậy mặc chiếc áo tràng vào và giải thích cho họ biết ý nghĩa của màu nâu, màu của khiêm nhượng của trầm lặng của hùng lực và của ý hướng đồng sự với người dân quê. Nhân tiện tôi cũng khoác chiếc y màu vàng lên và giải thích cho họ biết thế nào là giải thoát phục và trong những trường hợp nào thì cần phải mang y. Và do đó tôi nói đến sự khác biệt của hai truyền thống Nam Tông và Bắc Tông của đạo Phật và một vài khởi điếm của nhận thức đạo Phật. Rồi tôi chỉ cho họ biết một ít điếm dị đồng căn bản giữa đạo Phật và Cơ đốc giáo là tôn giáo mà họ đang theo. Thường thường những buổi nói chuyện như thế được họ theo dõi một cách rất chăm chú và khi tôi kết thúc buổi nói chuyện, họ đặt rất nhiều câu hỏi. Nếu đề cho họ hỏi mãi có lẽ họ sẽ hỏi cho đến hết ngày. Những điều họ tò mò muốn biết thì vô cùng mà thời gian dành cho những câu hỏi thì có hạn. Họ hỏi nhiều câu như : tại sao mái chùa lại cong lên như vậy ? tại sao lại ăn chay ? ông thầy tu đạo Phật cưới vợ được không ? đạo Phật

nghĩ về đức J  sus như thế nào ? Những câu hỏi như thế tu  n ra bất tuyệt. Hồi h  m,   ề chấm dứt, t  i bảo họ im lặng   ề t  i đọc cho họ nghe một bài kinh. T  i đọc bài « v   biên phi  n n  o đoạn ». Khi họ ra về th  i     m  i một giờ. T  i cho thêm   t củi vào lò sưởi, và c  n lại một mình, t  i ngồi nhìn ngọn lửa bốc cháy. Trời vẫn c  n mưa tầm t  . Chắc Saigon c  ng   ang mưa. Hu   cũng   ang mưa. Phương B  i c  ng   ang mưa. Thanh Tu   từ   ại H   vừa viết thư cho biết rằng Phương B  i mưa suốt mấy tu  n nay, m  i *nhà Thượng* trên đồi     bị gi  o th  i bay mất một m  ng lớn. Không biết Tu   c   chịu vào chữa lại ngay không, hay l     i   ề cho gi  o t  c cả c  i nhà Thượng đi mất. Chiếc nhà Thượng cao ch  t v  t trên đồi chính m   chúng ta     mất bao nhi  u công tr  nh mới l  m n  n   ược. Chiếc nhà   y   ẹp nh  t trong nh  ng ng  i nhà rải rác    c  c n  t đồi Phương B  i, c   phải không Nguyễn Hưng. Hai m  i thật cao như hai bàn tay người Phật tử chấp lại ki  u *hi  p ch    ng* khi chào nhau. Chính trong ng  i nhà Thượng   y chúng ta     sống nh  ng giờ thật vui v   và thanh t  nh. Nh  ng giờ học tập, hội thảo,    m    o, uống tr  a và cả nghe   m nhạc nữa. B  r kh  nh th  nh ng  i nhà, t  i c  n nhớ, chúng ta     nấu x  i và ch  e   ậu xanh    i v         n mừng. Nhà Thượng   ược l  m theo ki  u nhà s  n, và chúng ta     ngồi b  t xu  ng s  n nhà theo ki  u người Nhật và khi    u chân qu  a th  i    i ra ki  u người Mi  n.

T  i ngồi    *Pomona* trong một    m mưa m  a c  r tưởng l      i    Phương B  i

một    m m  a cả Tu  , cả L  y, cả Nguyễn Hưng, cả thầy Thanh Từ và cả   i T  m Hu   nữa    u vắng mặt. C   l  c t  i mỉm cười yên lặng một mình. Qu   thực m  i người trong chúng ta    u thuộc v   Phương B  i, như Nguyễn Hưng     n  i. Gi      y ng  i    Hu  , Nguyễn Hưng h  y n  i cho t  i nghe xem Nguyễn Hưng c   nhớ Phương B  i không n  o ?

    t  i n  i tiếp v   c  u chuyện hai mươi l  m m  u chín ng  n năm tr  m hai mươi l  m th  c vu  ng    t rừng    l  ng *B'su Danglu* cho Nguyễn Hưng nghe. Sau khi chúng t  i mua khu    t th  i chúng t  i hết cả tiền, ngay cả số tiền nh                ng thuốc, v  i hồi   y t  i c  n ch  a     c b  nh phục. Sau khi m  r v  i cuộc th  m hi  m khu rừng n  i    i L  o, b  c    i H   và t  i     quyết    nh ph   một kho  nh rừng ch   ng bốn m  u     tr   ng c  y tr  a và một kho  nh kh  c gần ngọn đồi cao nh  t     l  m một căn nhà. Phải tr   ng tr  a th  i mới c   phương tiện t  y t  c, v  i Phương B  i s   không phải l   nơi lui t  i của nh  ng người thập phương. Phương B  i s   chỉ l   của ri  ng chúng ta (Nguyễn Hưng xem chúng mình chấp *ng  * và *ng   sở* gh   ch  a) và ho  n to  n do chúng ta tự do sắp   t và    nh li  u. Trước hết, phải thuê hàng chục người Thượng t  i d   ng *ph  ng*        n khu rừng        nh tr   ng c  y tr  a. Sau     ch   ng một th  ng, khi thân c  y và cành l       kh   th  i    m lửa t  i    t. Phải    t bốn mặt     cho ngọn lửa ch  y v  o trung t  m, như vậy tránh     c cháy rừng.    t xong th  i phải dọn rừng, khi  ng nh  ng thân c  y bị cháy x  m chất th  nh từng    ng lớn. C  nh l   th  i     cháy th  nh tr  .    i tr  n mưa    u m  a t  i

là đào lỗ thành hàng và gieo hạt trà. Hạt trà thì chúng tôi đã đi xin được rất nhiều ở các đồn điền lớn trong quận. Từng đó công việc đòi hỏi một số tiền. Thanh Tuệ đã phải về Saigon giao thiệp với các nhà xuất bản và phát hành đề thầu số tiền bản quyền những cuốn sách mà tôi đã giao cho họ. Với một số tiền của chị Diệu Âm giúp nữa, chúng tôi khởi công. Chính bác Đại Hà, một người bạn có rất nhiều kinh nghiệm làm rừng, đã chỉ huy công việc giúp chúng ta. Một buổi sáng có nắng cách đó chừng năm tháng, chị Diệu Âm, Thanh Tuệ và tôi tất cả nai nịt gọn ghẽ, theo bác Đại Hà đi vào khu rừng đã biến thành một đồi chè non. Con đường đi vào chưa được phát dọn và cũng chưa thành một lối đi có dấu mòn. Rừng còn ướt và vất nhiều quá. Thỉnh thoảng chúng tôi lại phải dừng lại để xem có vất bám vào chân hay không. Bác Đại Hà thì không ngán vất một chút nào. Bác kể chuyện có lúc vất bám đầy cả chân, khi về phải dùng cả một sợi lạt để gạt chúng nó xuống, trước khi rửa chân, xoa dầu khuynh diệp và sưởi lửa. Thanh Tuệ và tôi cũng chỉ hơi sợ vất mà thôi. Mỗi khi bắt gặp một con vắt đang bám vào chân, chúng tôi ngừng lại và lấy tay rút nó ra, hơi gớm và hơi rùng mình một tí. Nhưng chị Diệu Âm thì sợ vất vô cùng. Mỗi khi thấy có vất bám vào chân là chị hét lên. Chúng tôi phải dừng lại để mà « bảo vệ » cho chị. Ấy thế mà chừng một năm sau chị không còn sợ vất nữa.

Mùa hè, chúng ta tha hồ đi trong rừng không sợ vất. Chúng nó chết tiệt đâu

hết cả. Nhưng khi mùa mưa tới, rừng ẩm, thế là chúng xuất hiện. Bác Đại Hà nói : « Thừa thầy, chúng nó đâu có chết, chúng nó chỉ khô teo đi thôi. Đến mùa mưa là chúng sống lại. » Rồi bác kể chuyện một hôm bác ngồi ăn cơm trưa với công nhân trong rừng. Ăn xong, một anh công nhân tìm một cái tấm xia răng. Anh vớ được một cái que suông sắn đầu lớn đầu bé giống hệt cái tấm. Anh thổi sạch bụi và bắt đầu xia. Một lát anh có cảm giác rằng cái tấm động đậy. Thì ra đó là một con vắt chớ không phải một cái que. Nhờ chất nước bọt, con vắt đã được hồi sinh. Tha hồ cho anh công nhân nhờ nước bọt và súc miệng. Có lúc bị vắt đeo mà ta không biết đến khi về nhà máu chảy ướt, ta mới hay. Người miền núi có chế ra một thứ thuốc bôi vào hai ống chân khiến cho vắt sợ không bám vào được. Hoặc họ mang theo vôi ăn trầu. Có vất thì bôi vào tí vôi, vất « nhả » ra ngay.

Vui câu chuyện chúng tôi đến đồi chè mới lúc nào không hay. Đồi thật cao. Đây là ngọn đồi cao nhất ở vùng này. Bây giờ ngọn đồi quang đãng, chúng tôi mới có thể nhìn được cảnh vật bên dưới. Thật là một quang cảnh ngoạn mục. Nhìn từ đây, trời/xanh xanh hơn, mây trắng trắng hơn. Những ngọn núi xa mấy trắng phủ phía dưới chân trông như những cù lao nổi giữa biển nước trắng xóa. Nguyên Hưng có biết không. Suốt hai năm trời ở Phương Bối mà buổi sáng nào đứng từ đồi Thượng ta cũng thấy Phương Bối đẹp. Không có buổi sáng nào giống buổi sáng nào. Có những buổi sáng thức dậy ta chẳng trông thấy được gì ngoài cửa sổ. Bởi vì sương

mù dày đặc. Đứng cách nhau chừng năm sáu thước đã có thể không trông thấy nhau. Có những buổi sáng đứng trên đồi Thượng ta có cảm tưởng rất thực là ta đang đứng trên một hòn cù lao ở hải đảo. Sương mù trắng xóa và bằng phẳng như mặt biển, dần trải đến chân trời. Các ngọn núi xa là những cù lao. Mãi cho đến gần mười giờ sáng sương mới tan và cảnh tượng mới lại được phô bày chân tướng. Mà thực ra ta khó nói được thế nào là *chân tướng* của cảnh tượng nữa. Mỗi ngày mỗi khác. Mỗi giờ mỗi khác. Phương Bối là một dòng tiếp nối của những cảnh tượng thần diệu. Đó, Nguyễn Hưng có nhớ một buổi sáng nọ khi chim hót vang rừng chúng ta đi từ thiên thất lên đến đỉnh đồi Thượng không? Đứng trên đồi ta trông thấy một cặp nai tơ đùa chơi trong nắng sớm, giữa những hàng trà. Những con nai tơ vàng mình có lốm đốm những hàng sao trắng. Chúng ta đã đứng im bất động một lúc lâu, sợ chúng chạy mất. Nắng mai đùa giỡn với những con nai con trên đồi trà. Một lát sau, hai con nai đuổi nhau về phía cửa rừng phía Nam và lẫn mất vào rừng. Chúng ta chỉ còn biết nhìn nhau.

Khu đồi hồi đó tuy đã được trồng trà nhưng còn hoang vu lắm Nguyễn Hưng. Chúng tôi đi giữa những cây trà mới lên. Các gốc cây đang còn lại nhiều; nhưng theo lời bác Đại Hà, chúng sẽ mục nát sau đó một vài năm, không cần phải đào gốc. Vấn đề là đừng cho chúng mọc lộc mới. Mà thực ra số lớn các gốc đã bị đốt cháy không thể nào còn đâm lộc được nữa. Đất mềm và thơm. Chúng

tôi đi một vòng đồi, rồi dừng lại ở cửa rừng. Bác Đại Hà định đốt thêm sáu mẫu rừng nữa, để có chỗ làm nhà và làm vườn.

Nguyễn Hưng ơi, sau ngày đi thăm ấy độ một năm thì Nguyễn Hưng về. Lúc ấy Phương Bối đương làm nhà. Bốn mẫu trà kia đã bắt đầu sản xuất chút ít, và chị Diệu Âm bàn nên trồng thêm hai mẫu nữa. Lại thêm phải làm một cái nhà bốn gian ngay dưới chân đồi Thượng. Một gian trên cao dùng làm thiên thất. Gian dưới là thư viện và chỗ làm việc. Gian giữa là phòng ngủ. Gian bên là phòng ăn và phòng khách. Khách đây là gia đình Đại Hà, là chị Diệu Âm, là Như Thông, Như Ngọc, Như Khoa, Thanh Giới và ít người bạn tri kỷ khác. Kỳ dư, ai mà chịu lặn lội lên tới Phương Bối. Vừa xa, vừa cao, vừa vất, vừa nguy hiểm. Nguyễn Hưng, hồi đó chúng tôi lúng túng rất nhiều về vấn đề tiền bạc. Tôi phải bán thêm một bản thảo nữa, và kêu gọi sự giúp đỡ của các bạn quen. Ngoài chị Diệu Âm, những người giúp cho chúng ta nhiều nhất là Như Thông, Như Khoa và gia đình Đại Hà. Trong thời gian làm nhà các bác thợ phải đi lên đi về rất vất vả. Chiếc xe vận tải (bánh xe có ràng xích sắt để leo núi khỏi trượt) phải lặn lội lắm mới chở được gỗ và nguyên liệu làm nhà đến dưới chân đồi Thượng, bò quanh theo con đường núi đã lở lói và hư hỏng rất nhiều. Con đường này xa bằng ba con đường rừng đi tắt. Mà từ chỗ rẽ của con đường tới chân đồi Thượng, bác Đại Hà đã phải đốt rừng làm một con đường dài

trên bốn trăm thước. Chính tôi đã cảm mốe làm thầy địa. Nguyên Hưng này, có lẽ tôi là một ông thầy địa vụng cho nên chúng ta giờ này không được ở Phương Bối, mỗi người lênh đênh một ngà. Tôi phải chừa làm nghề thầy địa đi mới được, phải không.

Hồi đó Tuệ, Hưng, tôi và chị Diệu Âm hay rủ Như Khoa và bọn trẻ con gia đình Đại Hà vào chân đồi Thượng cắm trại, luôn tiện xem các ông thợ làm nhà. Tôi nghiệp chị Diệu Âm ; vì chúng ta, chị cứ mỗi tuần rời Mai Lâm ở Di linh dề vào Bảo lộc một kỳ. Tuy vậy, nhờ làm việc nhiều, leo núi nhiều, chị mạnh khỏe hẳn ra. Ai thấy chị leo núi cũng khen. Như Khoa, nam nhi chỉ tương như vậy mà đôi khi còn thua chị. «Mất uy tín» quá, phải không Nguyên Hưng ? Vì muốn về Phương Bối trước mùa an cư cho nên chúng ta đã cố gắng rất nhiều. Lúc bảy giờ đường lên Phương Bối đã được phát dọn quang dăng. Cái khu rừng từ cầu Nai lên đến dưới đồi Thượng, cái khu rừng ấy mới đẹp làm sao. Tôi muốn được suốt đời đi trong một con đường rừng như thế. Con đường thơm ngát hoa *chiêu*. Và có một vài thứ hoa gì nữa cũng rất thơm mà chúng ta không biết tên. Mỗi lần lên Phương Bối mà leo tới được Cầu Mai là đã thấy khỏe rồi. Thấy như mình đã *tới* rồi, tới được *cối của mình* rồi. Khúc đường còn lại là khúc đường rừng hấp dẫn nhất mà tôi vừa nói đó. Thầy Thanh Từ sau này rất thích đội một cái nón lá thật to vành và chống một chiếc gậy đi lên đi về con đường đó. Phương Bối hiện ra một

cách đột ngột ở một khúc quanh : đồi Thượng sáng lên như một chân trời giác ngộ, như một cõi bình lai, nhất là ngày bắt đầu có chiếc nhà Thượng với hai mái cao vừa hùng vĩ vừa e lệ.

Những cơn mưa gió đến trước mùa an cư làm chúng ta phải cực nhọc nhiều lần. Chúng ta đã có tủ đề đựng hai vạn cuốn sách. Chúng ta đã có giường, có bàn, chúng ta lại cũng có một chiếc nhà bếp xinh xắn cách đó không xa. Và quý nhất là chúng ta đã xây được một cái hồ đựng nước mưa chứa được chừng vài chục thước khối nước. Những ngày ấy chúng ta rất bận rộn với ngôi nhà mới sắp hoàn thành. Tuệ lúc đó bận dạy học ở trường Bảo Lộc cho nên ít giúp chúng ta được. Nguyên Hưng với tôi đã đề rất nhiều thì giờ trang trí thiền thất. Màu sắc và cách xếp đặt ở thiền thất như Nguyên Hưng biết thực là trang nhã. Có một bữa cùng với Nguyên Hưng đứng ở lan can nhìn xuống khu rừng phía trái mà ta thường gọi *Rừng Tham Thiền* (Forêt de Méditation) tôi thấy một giải mây giăng ngang từ cửa rừng sang đến gần chân đồi Thượng. Giải mây giống như một giải lụa, bề rộng chừng độ hai thước. Thật là kỳ thú. Tôi với Nguyên Hưng đã chạy xuống đi lại gần giải mây. Tới gần thì không thấy giải mây đâu. Chúng ta thất vọng, bởi vì chúng ta đã muốn đứng sát một bên giải mây. Nhưng khi trèo lên lại lan can nhìn, thì giải mây vẫn còn đó, tuy đã biến hình và loảng dăn ra. *Rừng Tham Thiền* có lẽ là khu rừng đẹp nhất. Khu này có nhiều thông và nhiều cây cao, to, rất hùng vĩ.

Khu rừng có vẻ bí mật. Chúng ta đã định thuê chặt đốn tất cả những cây nhỏ và gai gốc trong rừng và làm những con đường nhỏ ngang dọc trong ấy. Chúng ta cũng định làm những chỗ ngồi tham thiền và chiêm nghiệm. Cứ lâu lâu, chừng năm bảy hôm một, Nguyên Hưng và tôi lại đi vào *Rừng Tham Thiền* để hái hoa đem về đơm trong một cái giỏ mây cúng Phật. Hoa có rất nhiều thứ, nhưng kỳ nào ta cũng hái hoa *Chiêu* và hoa *Trang*.

Chỉ còn có ba hôm nữa là đến mùa An Cư. Nguyên Hưng và tôi đã định về Phương Bối đúng ngày an cư. Như Ngọc và Như Thông hứa là ngày ấy sẽ từ Saigon lên chơi đề «khánh thành» Phương Bối luôn thề... Trời mưa như trút nước Mưa rồi lại tạnh. Tạnh rồi lại mưa. Như Khoa đã mượn giúp cho Tuệ và Hưng một chiếc xe jeep để chở hai vạn cuốn sách vào Phương Bối. Sách đựng trong những chiếc bao tải lớn. Chiếc jeep leo núi một cách mệt nhọc, trèo lên trượt xuống. Con đường xe đi được, như Nguyên Hưng biết, là một con đường rất dài, dài bằng ba con đường đi tắt. Chiếc xe phải hỳ hục gần suốt một ngày mới chở được hết sách. Nguyên Hưng và Thanh Tuệ, trong chuyến chót, đã chở vào được thêm một cái tủ — cái tủ trắng rất xinh của Như Thông gửi tặng cho Phương Bối. Tôi còn nhớ trong chuyến ấy, nửa đường các em gặp mưa. Cả hai người, Nguyên Hưng cũng như Thanh Tuệ, đều ướt như chuột lột. Thấy mà thương quá. Lúc ấy tôi đang bận bịu xếp sách vào các ngăn tủ. Tôi ra đón Tuệ và

Hưng. Tôi bắt Nguyên Hưng vào thay quần áo lau mình thật sạch và trùm chăn kín lại. Tôi định vào đốt lò sưởi cho Tuệ nhưng Tuệ từ chối, đòi về theo xe. Cả Hưng cả Tuệ đều run rẩy. Thanh Tuệ nói : «Phen này thì chắc ốm to. Có lẽ thương hàn là ít » Tôi cũng thấy sợ ghê. Các em giải nắng dầm mưa nhiều quá. Thế nhưng mà không sao. Dì Tâm Huệ dọn cơm chiều lúc bảy giờ tối; bữa cơm đầu tiên ở Phương Bối được dọn ra đằng hoàng trên bàn, ngoài phòng ăn. Tôi đến nói với Nguyên Hưng «dậy ăn cơm đi em». Nguyên Hưng không chịu, trả lời rằng là chắc hẳn không ăn được. Tôi nài nỉ Nguyên Hưng ra ngồi chơi với tôi trong khi tôi ăn cơm, Nguyên Hưng bèn chịu. Ra tới phòng ăn tôi xới cơm và ép Nguyên Hưng ăn một chén. Nề lời Nguyên Hưng cầm dũa. Thế rồi vui miệng và vui câu chuyện, Nguyên Hưng đã để cho dì Tâm Huệ xới cơm cho Nguyên Hưng tới ba lần. Đêm ấy Nguyên Hưng ngủ ngon, không « ốm to » cũng không « thương hàn ». Sáng mai, Thanh Tuệ lặn lội vào Phương Bối rất sớm. Thì ra cậu ta cũng chẳng « ốm to », chẳng « thương hàn » gì cả. Nghĩa là hôm qua về tới chùa Bảo Lộc, Tuệ thay áo ngay, lau khô mình mẩy: rót một ly nước trà thật nóng và lấy ra hai viên thuốc cảm để trên *table de nuit*. Rồi cậu ta trùm chăn lại thật kỹ, chờ cho ly nước bớt nóng để uống thuốc. Trong khi chờ đợi, anh chàng với tay mở chiếc radio để nghe 1 bản nhạc của đài Saigon. Thế rồi trong tiếng nhạc êm-dềm, Tuệ đã ngủ quên. Ly nước nguội dần, nguội dần, và trở thành giá lạnh. Mười

hai giờ khuya, đài Saigon đã giả từ thành giả mà Tuệ vẫn không biết. Tuệ ngủ mê mệt. Cho đến khi tỉnh dậy thì đài Saigon đã « tái ngộ » thánh giả và đang dạy thánh giả tập thể dục buổi sáng ! Mỗi lần nghĩ đến chuyện đó là tôi thấy buồn cười quá đi, Nguyễn Hưng.

Trong cùng một đêm đó, Nguyễn Hưng và tôi ngủ lại Phương Bối lần đầu. Cánh cửa giữa chưa lắp, thành ra nửa đêm bị gió thổi rơi xuống sàn nhà một cái rầm. Hai chúng ta đều thức giấc. Nằm bên nhau, chúng ta nghe mưa gió rào rào bên ngoài. Có lẽ là có bão tố ở đâu ấy. Chúng ta đang nằm ngủ trên rừng, cách xa xóm làng đô thị. Rất xa. Chúng ta đã muốn lên tận trên này, phá rừng, làm nhà và dựng cho chúng ta một quê hương bé nhỏ. Tôi không thể nào nằm ngủ được nữa. Tôi rủ Nguyễn Hưng trở dậy. Chúng

ta đi sờ soạn tìm hộp diêm, nhen đốt một đống lửa và thức bên nhau nói chuyện, cho đến khi tiếng vượn hú hòa với tiếng chim kêu đã vọng vang cả núi rừng. Chúng ta trèo lên đồi Thượng. Phương Đông, chân trời vẫn chưa ửng hồng. Sương phủ khắp đồi núi xa xa. Phương Bối đã dần dần trở thành một cái gì có thực. Có thực một cách hư ảo. Các bạn ở xa chưa ai biết rằng ẩn mình trên rừng núi Đại Lão, Phương Bối đã xẻ những cánh đồi hoang vu và êm dịu như một chiếc nôi lớn — một chiếc nôi lót bằng bông đá, hoa dại, cỏ rừng — chào đón chúng tôi. Ở đây chỉ có cây rừng, có chim có vượn. Ở đây chúng tôi sẽ xa được trong một thời gian tất cả những xấu xa nhỏ mọn của cuộc đời...

(còn tiếp)

HẰNG TUẤN ĐỌC :

THIỆN MỸ

Tiếng nói của Phật tử tiến bộ

CÁO LỖI

Vì sự sơ sót của ăn công, nên trong tập báo này có nhiều lỗi về dấu hỏi, ngã.

Trân trọng cáo lỗi cùng độc giả. Trong số tới chúng tôi sẽ sửa đổi để tờ báo của chúng ta được hoàn hảo hơn

G. T. Q. M.

CÂU CHUYỆN CỦA DÒNG SÔNG

của HERMANN HESSE

do PHÙNG KHÁNH, PHÙNG THĂNG dịch

do nhà LÁ BỒI ăn hành đầu tháng 8-65

«CÂU CHUYỆN CỦA DÒNG SÔNG» là một thi phẩm văn xuôi, dịch từ tập truyện «WEG NACH INNEN» của Hermann Hesse, văn hào Đức, lãnh giải Nobel về văn chương năm 1947. Có thể gọi Hermann Hesse là văn hào vĩ đại nhất của nền văn học Đức ở thế kỷ XX. Vị trí văn học của Hesse đứng bên Thomas Mann, Franz Kafka, Wassermann, trong bối cảnh nhân bản Đức ở thời hiện đại. Tác phẩm «CÂU CHUYỆN CỦA DÒNG SÔNG» đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Đọc «CÂU CHUYỆN CỦA DÒNG SÔNG» là lên đường đi đến đời sống tâm linh huyền bí nhất của cả một đời người. «CÂU CHUYỆN CỦA DÒNG SÔNG» nói lên niềm thao thức triền miên của một thanh niên trên đường đi tìm ý nghĩa của đời sống. «CÂU CHUYỆN CỦA DÒNG SÔNG» của Hesse đáng là quyển THÁNH KINH của thế hệ thanh niên Việt Nam giữa cơn khủng hoảng phũ phàng của thời đại này.

238 TRANG, GIÁ 50đ

MỘT MÓN QUÀ TẶNG BẠN THÂN TRONG MÙA BÁO HIẾU :

BÔNG HỒNG CÀI ÁO

của Nhất Hạnh

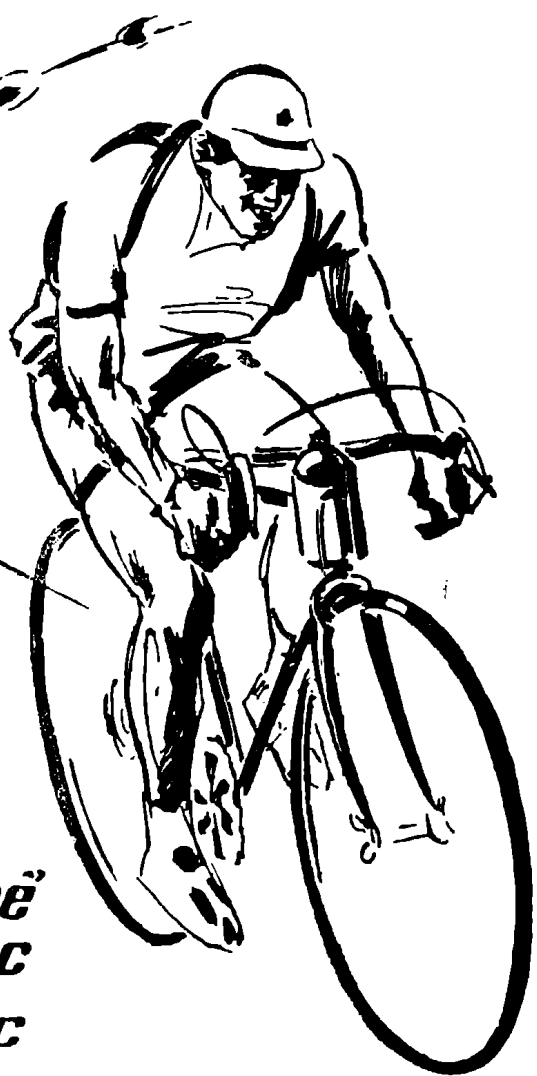
in lần thứ hai, giá 10đ

sách in toàn trên giấy tốt và có cả bao thư.

GR
VITAMINES
B₁₂



- ★ *bồi bổ thân thể
và trí óc*
- ★ *trị đau nhức*
- ★ *thiếu máu*
- ★ *thiếu sinh-tổ*



VIỆN BÀO-CHẾ O.P.V.
34.ĐẠI-LỘ NGUYỄN-HUỆ.SAIGON

CÉBÉDOUZE

NÓI ĐỀN SÁCH, NHỚ NGAY ĐỀN
ĐỊA CHỈ ĐĂNG TIN CẬY:
Số 92, Đại lộ Lê-Lợi — SAIGON
Đ. T. : 20.267

TỰ - LỰC

SÁCH VỜ. GIẤY BÚT, DỤNG CỤ

VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH

Sách Giáo khoa Việt, Anh, Pháp

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm xưa nay, luôn luôn có sách mới, tất cả các sách mới xuất bản đều có bán tại nhà sách TỰ LỰC

XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUỐC GIA
GIÚP ĐỒNG BÀO TẠ LÀM NÊN CỬA NHÀ

3 LÔ ĐỘC ĐẮC : 1.000.000đ.00

Xổ ngày Thứ Ba hàng tuần

Mỗi vé 10đ.00

ĂN CHAY !

Chỉ có nước tương **LÁ BỒ ĐỀ** Làm bằng đậu nành

Do chùa sản xuất

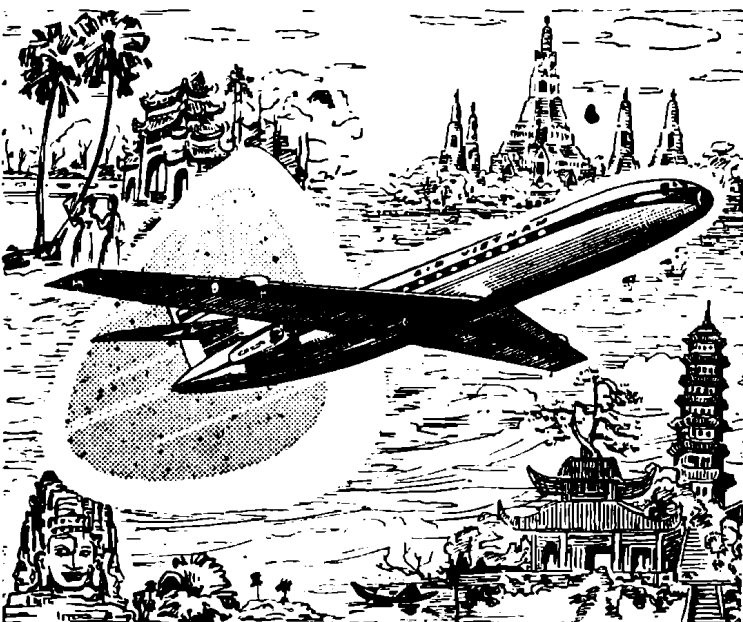
• Bảo đảm nhất

CÓ BÁN KHẮP NƠI



V
I
E
T
N
A
M
H
A
N
G
K
H
O
N
G

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG
TRONG ĐÔNG-NAM-Á



3 BANGKOK · PHNOMPENH · SAIGON
(Mỗi Thứ Ba, Thứ Năm và Thứ Sáu)

3 SAIGON · HONGKONG
(Mỗi Thứ Hai, Thứ Ba và Thứ Bảy)

2 SAIGON · KUALA LUMPUR · SINGAPORE
(Mỗi Thứ Tư và Chủ Nhật)

bằng *Caravelle*
PHI-CƠ PHẢN-LỰC TRĂNG-LỆ NHÚT THỂ-GIỚI

(Trừ ra ngày Thứ Ba SAIGON, PHNOMPENH, BANGKOK bằng DC-6B)

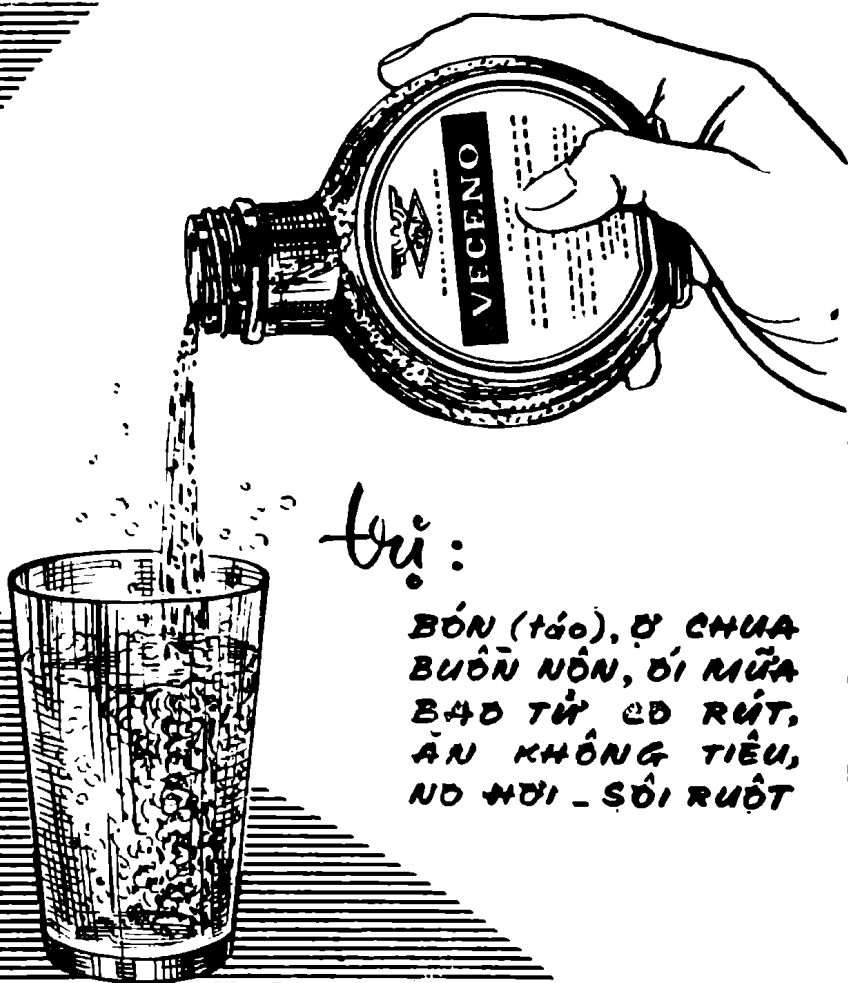
Xin hỏi chi tiết và lấy vé nơi các hàng du lịch hay:

VIỆT-NAM  HÀNG-KHÔNG

HÀNG DU LỊCH SAIGON 21-23-25-27-29

THUỐC MUỐI SỬ TẮM

VECENO



trị:
BÓN (táo), Ợ CHUA
BUỒN NÔN, ỚI MỮA
BẠO TỬ CỎ RÚT,
ĂN KHÔNG TIÊU,
NÓ HỜI - SỎI RUỘT

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN.640.BYT/BCDP
17-1-68

VIỆN BÀO-CHẾ N.C

Dược khoa Bác-sĩ Nguyễn-chí-Nhiều
Số 2, đường Tự-Đức Saigon

